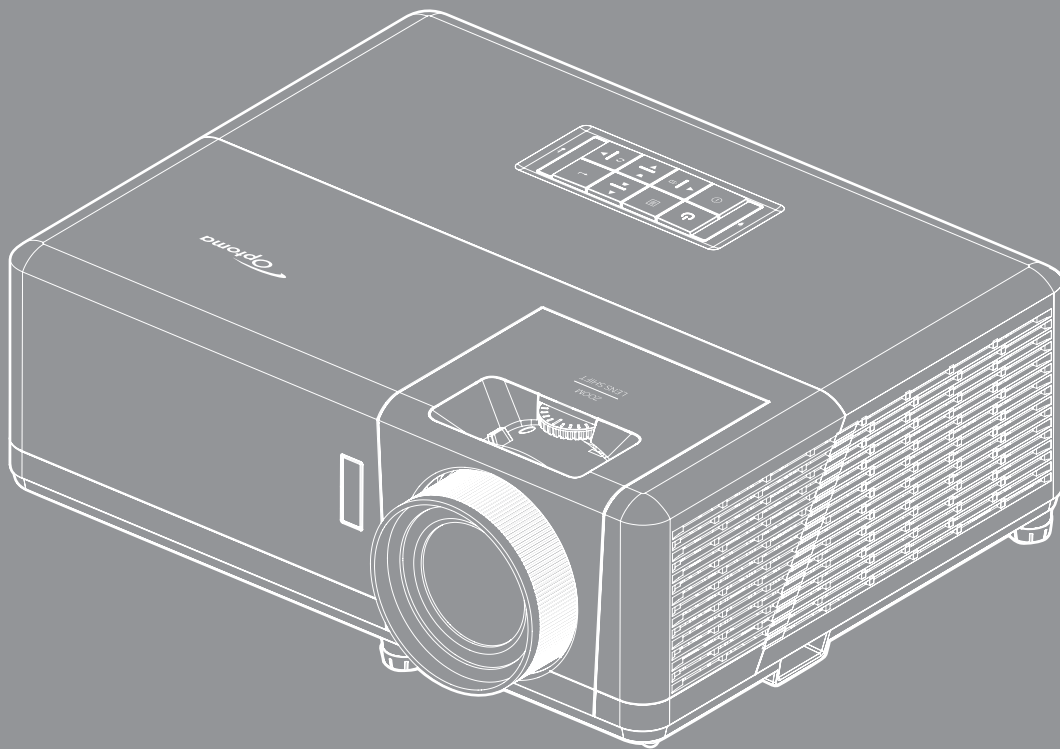


# Máy chiếu DLP®



# MỤC LỤC



<b>AN TOÀN .....</b>	<b>4</b>
<i>Hướng dẫn an toàn quan trọng .....</i>	<i>4</i>
<i>Thông tin an toàn bức xạ laser .....</i>	<i>5</i>
<i>Thông báo Laser .....</i>	<i>6</i>
<i>Lau ống kính .....</i>	<i>6</i>
<i>Thông tin an toàn 3D .....</i>	<i>6</i>
<i>Bản quyền .....</i>	<i>7</i>
<i>Khước từ trách nhiệm .....</i>	<i>7</i>
<i>Nhận biết thương hiệu .....</i>	<i>7</i>
<i>FCC .....</i>	<i>8</i>
<i>Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu .....</i>	<i>8</i>
<i>WEEE .....</i>	<i>8</i>
<b>GIỚI THIỆU .....</b>	<b>9</b>
<i>Tổng quan về gói sản phẩm .....</i>	<i>9</i>
<i>Phụ kiện chuẩn .....</i>	<i>9</i>
<i>Phụ kiện tùy chọn .....</i>	<i>9</i>
<i>Tổng quan về Sản phẩm .....</i>	<i>10</i>
<i>Kết nối .....</i>	<i>11</i>
<i>Bàn phím .....</i>	<i>12</i>
<i>Điều khiển từ xa .....</i>	<i>13</i>
<b>THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT .....</b>	<b>14</b>
<i>Lắp đặt máy chiếu .....</i>	<i>14</i>
<i>Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu .....</i>	<i>16</i>
<i>Điều chỉnh Hình ảnh chiếu .....</i>	<i>17</i>
<i>Thiết lập điều khiển từ xa .....</i>	<i>18</i>
<b>SỬ DỤNG MÁY CHIẾU .....</b>	<b>20</b>
<i>Bật/tắt nguồn máy chiếu .....</i>	<i>20</i>
<i>Chọn nguồn vào .....</i>	<i>23</i>
<i>Tổng quan về màn hình chính .....</i>	<i>24</i>
<i>Ngày giờ hệ thống .....</i>	<i>24</i>
<i>Menu cài đặt máy chiếu (OSD) .....</i>	<i>25</i>
<i>Sơ đồ menu OSD .....</i>	<i>26</i>
<i>Menu hiển thị .....</i>	<i>32</i>
<i>Menu Âm thanh .....</i>	<i>38</i>
<i>Menu thiết lập .....</i>	<i>39</i>
<i>Menu Thông tin .....</i>	<i>42</i>
<i>Menu cài đặt hệ thống .....</i>	<i>43</i>
<i>Chọn nguồn vào .....</i>	<i>50</i>
<i>Chọn ứng dụng .....</i>	<i>51</i>

Các định dạng đa phương tiện hỗ trợ.....	55
Xem thanh trạng thái.....	59
Trợ lý Alexa / Google.....	59

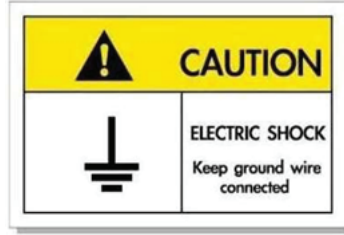
## **THÔNG TIN BỔ SUNG ..... 60**

Độ phân giải tương thích.....	60
Cỡ hình và khoảng cách chiếu.....	65
Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần.....	66
Mã điều khiển từ xa hồng ngoại.....	67
Khắc phục sự cố.....	68
Chỉ báo cảnh báo.....	69
Thông số kỹ thuật.....	72
Văn phòng toàn cầu của Optoma.....	73

# AN TOÀN

	Biểu tượng ánh chớp có đầu mũi tên trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về "điện thế nguy hiểm" không được cách điện trong vỏ ngoài của sản phẩm và độ lớn có thể đủ mạnh dẫn đến nguy cơ điện giật cho người.
	Dấu than trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về các hướng dẫn bảo dưỡng (bảo trì) và vận hành quan trọng trong tài liệu đi kèm thiết bị.

Vui lòng thực hiện theo mọi cảnh báo, thận trọng và bảo dưỡng được khuyến nghị trong sách hướng dẫn sử dụng này.



Để tránh bị điện giật, máy và các thiết bị ngoại vi phải được nối đất đúng cách (đã nối đất).

## Hướng dẫn an toàn quan trọng

- Không chặn các lỗ thông khí. Để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy của máy chiếu và để bảo vệ chống quá nhiệt, bạn nên đặt máy chiếu ở vị trí không chặn lỗ thông khí. Ví dụ, không đặt máy chiếu trên bàn cà phê, ghế sofa, giường, v.v. chật chội. Không đặt máy chiếu ở nơi bí như giá sách hoặc ngăn kéo hạn chế luồng khí.
- Để giảm nguy cơ cháy và/hoặc điện giật, không để máy chiếu dính nước hoặc hơi ẩm. Không đặt gần các nguồn nhiệt như bộ tản nhiệt, máy sưởi, lò sấy hoặc bất kỳ thiết bị nào khác như bộ khuếch đại có tỏa nhiệt.
- Không để đồ vật hoặc chất lỏng lọt vào máy chiếu. Chúng có thể chạm vào các điểm điện thế nguy hiểm và làm ngắn mạch các bộ phận có thể dẫn đến cháy hoặc điện giật.
- Không sử dụng trong các điều kiện sau:
  - Trong môi trường nóng, lạnh hoặc ẩm khắc nghiệt.
    - (i) Đảm bảo nhiệt độ xung quanh phòng là 5°C ~ 40°C
    - (ii) Độ ẩm tương đối là 10% ~ 85%
  - Ở khu vực dễ có nhiều bụi bặm.
  - Gần một thiết bị phát ra từ trường mạnh.
  - Dưới ánh nắng trực tiếp.
- Không sử dụng thiết bị nếu nó đã bị hỏng hoặc lạm dụng về mặt vật lý. Hư hỏng/lạm dụng vật lý có thể là (nhưng không giới hạn ở):
  - Thiết bị đã bị rơi.
  - Dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng.
  - Chất lỏng bị đổ vào máy chiếu.
  - Máy chiếu bị dính nước mưa hoặc hơi ẩm.
  - Một số vật rơi vào trong máy chiếu hoặc một số chi tiết bên trong bị lỏng.
- Không đặt máy chiếu trên bề mặt không ổn định. Máy chiếu có thể rơi và gây chấn thương cho mọi người hoặc máy chiếu có thể bị hỏng.
- Đừng che kín ánh sáng thoát ra từ ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Ánh sáng có thể làm nóng chảy vật dụng, gây bỏng hoặc phát hỏa.

- Vui lòng không mở hoặc tháo rời máy chiếu vì việc này có thể dẫn đến điện giật.
- Không cố tự bảo dưỡng thiết bị. Mở hoặc tháo vỏ có thể làm bạn bị điện giật hoặc gặp rủi ro khác. Vui lòng liên hệ với Optoma trước khi bạn gửi thiết bị để sửa chữa.
- Xem vỏ ngoài của máy chiếu để biết các ký hiệu liên quan.
- Thiết bị chỉ được sửa chữa bởi nhân viên bảo dưỡng phù hợp.
- Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất chỉ định.
- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu trong khi sử dụng. Ánh sáng chói có thể làm mắt bạn bị tổn thương.
- Khi tắt máy chiếu, vui lòng đảm bảo hoàn tất chu kỳ làm mát trước khi ngắt điện. Chờ 90 giây để máy chiếu nguội.
- Tắt máy và rút phích cắm khỏi ổ cắm AC trước khi lau sản phẩm.
- Dùng khăn khô mềm với chất tẩy rửa nhẹ để lau hốc hiển thị. Sử dụng các chất tẩy rửa ăn mòn, chất sáp hoặc dung môi để vệ sinh thiết bị.
- Ngắt phích cắm khỏi ổ cắm AC nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.
- *Không lắp đặt máy chiếu ở những nơi có thể bị rung động hoặc va đập.*
- *Không chạm vào ống kính bằng tay trần.*
- *Tháo (các) cục pin ra khỏi điều khiển từ xa trước khi cất giữ. Nếu (các) cục pin vẫn để lại trong điều khiển từ xa trong thời gian dài, chúng có thể rò rỉ.*
- *Không sử dụng hoặc cất giữ máy chiếu ở những nơi có thể xuất hiện khói từ dầu hoặc thuốc lá, vì khói có thể ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng hoạt động của máy chiếu.*
- *Hãy tuân thủ cách lắp đặt hướng máy chiếu thích hợp vì lắp đặt không quy chuẩn có thể ảnh hưởng đến hiệu suất máy chiếu.*
- *Sử dụng bộ ổ cắm điện và/hoặc bộ chống sốc điện. Vì sự cố cúp điện và nguồn yếu có thể LÀM HỎNG các thiết bị.*

## Thông tin an toàn bức xạ laser

- Sản phẩm này được phân loại là SẢN PHẨM LASER CẤP ĐỘ 1 - NHÓM RỦI RO 2 của tiêu chuẩn IEC60825-1: 2014 và theo 21 CFR 1040.10 và 1040.11, được xếp là Nhóm rủi ro 2, LIP (Laser Illuminated Projector - Máy chiếu được chiếu sáng bằng laser) như được định nghĩa trong IEC 62471-5:Ed. 1.0. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Thông cáo Laser Số 7, ngày 8 tháng 5 năm 2019.

IEC 60825-1:2014, EN 60825-1:2014+A11:2021, EN 50689:2021 CLASS 1 CONSUMER LASER PRODUCT RISK GROUP 2, Complies with 21 CFR 1040.10 and 1040.11 except for conformance as a Risk Group 2 LIP as defined in IEC 62471-5:Ed.1.0. For more information see Laser Notice No. 57, dated May 8, 2019.  
IEC 60825-1:2014 等級1雷射產品RG2危險等級  
IEC 60825-1:2014 1類激光產品RG2危險等級

“WARNING: MOUNT ABOVE THE HEADS OF CHILDREN.”  
Additional warning against eye exposure for close exposures less than 1 m.  
“AVERTISSEMENT : INSTALLER AU-DESSUS DE LA TÊTE DES ENFANTS.”  
Avertissement supplémentaire contre l'exposition oculaire pour des expositions à une distance de moins de 1 m.  
“警告：安装在高于孩童头顶处”  
关于小于1 m近距离眼睛暴露的附加警告  
「警告：安装在高于儿童头部处」  
针对1 m以下近距离眼睛接触的额外警告



- Giống như mọi nguồn sáng khác, không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng trực tiếp, RG2 IEC 62471-5:2015.
- Máy chiếu này là sản phẩm laser cấp độ 1 của IEC/EN 60825-1: 2014 và nhóm rủi ro 2 với các yêu cầu của IEC 62471-5:2015.
- Các hướng dẫn bổ sung để trông coi trẻ nhỏ, không được nhìn thẳng và không được sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học.
- Thông báo được đưa ra để giám sát trẻ em và không bao giờ cho phép trẻ em nhìn thẳng vào chùm tia sáng của máy chiếu từ bất kỳ khoảng cách nào.

- Thông báo được đưa ra để thận trọng khi sử dụng điều khiển từ xa để bật máy chiếu khi đứng trước ống kính máy chiếu.
- Thông báo được đưa ra cho người dùng để tránh sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học như ống nhòm hoặc kính viễn vọng lên chùm tia sáng
- Khi bật máy chiếu, đảm bảo không có ai trong phạm vi chiếu đang nhìn vào ống kính.
- Để bắt cứ những đồ vật nào (như kính lúp v.v...) tránh khỏi đường ánh sáng của máy chiếu. Đường ánh sáng được chiếu từ ống kính rất mạnh, nên mọi vật thể lạ đều có thể phản chiếu ánh sáng từ ống kính, gây nên hậu quả khôn lường như cháy hoặc tổn thương mắt.
- Bất kỳ thao tác hay điều chỉnh nào không được chỉ dẫn cụ thể qua sổ tay sử dụng sẽ tạo ra rủi ro phơi nhiễm phóng xạ laser nguy hiểm.
- Không được mở hoặc tháo rời máy chiếu vì điều này có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.
- Không nhìn thẳng vào chùm tia sáng khi máy chiếu đang bật. Ánh sáng này có thể gây thiệt hại mắt vĩnh viễn.

Không tuân thủ quy trình điều khiển, điều chỉnh hoặc thao tác có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser

## Thông báo Laser

IEC 60825-1:2014: SẢN PHẨM LASER LOẠI 1 - NHÓM RỦI RO 2.

Sản phẩm này có mục đích sử dụng là sản phẩm laser tiêu dùng và tuân thủ theo EN 50689:2021.

SẢN PHẨM LASER TIÊU DÙNG LOẠI 1

EN 50689:2021

## Lau ống kính

- Trước khi vệ sinh ống kính, đảm bảo tắt máy chiếu và rút dây nguồn ra để nó nguội hoàn toàn.
- Sử dụng bình khí nén để loại bỏ bụi bẩn.
- Sử dụng loại khăn đặc biệt để lau ống kính nhẹ nhàng. Không chạm tay vào ống kính.
- Không sử dụng chất tẩy rửa có tính kiềm/axit hoặc dung môi dễ bay hơi như cồn để lau ống kính. Nếu ống kính bị hỏng do quá trình lau chùi, nó không được bảo hành.



Cảnh báo: Không dùng bình xịt chứa khí dễ cháy để loại bỏ bụi bẩn khỏi ống kính. Điều này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt quá cao bên trong máy chiếu.



Cảnh báo: Không vệ sinh ống kính nếu máy chiếu nóng lên vì điều này có thể khiến lớp bề mặt ống kính bị bong ra.



Cảnh báo: Không lau hoặc chạm vào ống kính bằng vật cứng.

## Thông tin an toàn 3D

Hãy tuân thủ mọi cảnh báo và cách phòng ngừa như khuyến nghị trước khi bạn hoặc con mình sử dụng chức năng 3D.

### Cảnh báo

Trẻ em và thanh thiếu niên có thể dễ gặp các vấn đề sức khỏe liên quan đến việc xem 3D hơn và cần được giám sát chặt khi xem các hình ảnh này.

## Cảnh báo về Co giật Do Nhạy cảm với Ánh sáng và Các Nguy cơ Sức khỏe Khác

- Một số người xem có thể bị co giật động kinh hay đột quỵ khi tiếp xúc với một số hình ảnh hay ánh sáng nhấp nháy có trong một số hình ảnh từ Máy chiếu hoặc trò chơi điện tử. Nếu bạn bị như vậy hoặc có tiền sử gia đình về động kinh hay đột quỵ, vui lòng tham khảo ý kiến chuyên gia y tế trước khi sử dụng chức năng 3D.

- Thậm chí những người không có tiền sử cá nhân hay gia đình về động kinh hoặc đột quỵ cũng có thể có tình trạng chưa được chẩn đoán có thể gây ra co giật động kinh do nhạy cảm với ánh sáng.
- Phụ nữ có thai, người già, người mắc các bệnh trạng nghiêm trọng, người ngủ do hoặc chịu ảnh hưởng của rượu cần tránh sử dụng chức năng 3D của thiết bị.
- Nếu quý vị có bất kỳ triệu chứng nào sau đây, hãy ngừng xem ảnh 3D ngay lập tức và tham khảo ý kiến chuyên gia y tế: (1) thay đổi thị lực; (2) váng đầu; (3) chóng mặt; (4) cử động không chủ ý như mất hoặc cơ bị giật; (5) lẫn lộn; (6) buồn nôn; (7) mất nhận thức; (8) co giật; (9) chuột rút; và/ hoặc (10) mất phương hướng. Trẻ em và thanh thiếu niên có nhiều khả năng bị những triệu chứng này hơn người lớn. Cha mẹ cần theo dõi con em mình và hỏi trẻ có bị những triệu chứng này không.
- Việc xem hình chiếu 3D cũng có thể gây ra tình trạng bệnh do chuyển động, tác động cảm giác sau đó, mất phương hướng, căng mắt và giảm ổn định về tư thế. Người dùng cần thường xuyên nghỉ giải lao để giảm khả năng xảy ra các tác động này. Nếu mắt bạn có dấu hiệu mệt mỏi hoặc kho, hay nếu bạn có bất kỳ triệu chứng nào nêu trên, hãy dừng sử dụng thiết bị này ngay lập tức và không dùng lại trong ít nhất ba mươi phút sau khi các triệu chứng đã giảm bớt.
- Việc xem hình chiếu 3D khi ngồi quá gần với màn hình trong thời gian kéo dài có thể làm hỏng thị lực của bạn. Khoảng cách xem lý tưởng tối thiểu bằng ba lần chiều cao màn hình. Tầm mắt của người xem cần ngang bằng với màn hình.
- Việc xem hình chiếu 3D trong khi đeo kính 3D trong thời gian kéo dài có thể gây đau đầu hay mệt mỏi. Nếu bạn bị đau đầu, mệt mỏi hoặc chóng mặt, hãy dừng xem hình chiếu 3D và nghỉ ngơi.
- Không sử dụng kính 3D cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc xem hình chiếu 3D.
- Việc đeo kính 3D cho bất kỳ mục đích nào khác (như kính mắt nói chung, kính râm, kính bảo hộ, v.v.) có thể có hại cho thể chất của bạn và làm yếu thị lực.
- Việc xem hình chiếu 3D có thể gây mất phương hướng cho một số người xem. Do đó, KHÔNG ĐỂ MÁY CHIẾU 3D gần khu vực cầu thang mở, dây cáp, ban công hay các vật thể khác có thể bị vấp phải, mắc vào, húc ngã, vỡ hay rơi.

## Bản quyền

Ấn bản này, kể cả mọi hình ảnh, minh họa và phần mềm, được bảo vệ theo các luật bản quyền quốc tế với mọi bản quyền được bảo lưu. Cấm tái bản số tay này cũng như bất cứ phần nào chứa bên trong mà không có sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

© Bản quyền 2021

## Khước từ trách nhiệm

Thông tin trong tài liệu này có thể chịu sự thay đổi mà không cần thông báo trước. Nhà sản xuất không đưa ra bất cứ tuyên bố hoặc chính sách bảo hành nào đối với các nội dung liên quan và đặc biệt khước từ mọi chính sách bảo hành gián tiếp về tính thương mại hay khả năng tương thích của sản phẩm cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Nhà sản xuất có quyền sửa đổi ấn bản này và thỉnh thoảng thay đổi nội dung liên quan mà không có trách nhiệm thông báo cho bất cứ cá nhân nào về những chỉnh sửa hay thay đổi đó.

## Nhận biết thương hiệu

Kensington là thương hiệu đã đăng ký tại Mỹ của ACCO Brand Corporation với các số đăng ký đã được cấp và các ứng dụng đang chờ cấp bằng sáng chế ở những nước khác trên toàn thế giới.

HDMI, Biểu tượng HDMI và High-Definition Multimedia Interface (Giao diện đa phương tiện độ nét cao) là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của HDMI Licensing LLC ở Mỹ và các nước khác.

DLP®, DLP Link và biểu tượng DLP là các thương hiệu đã đăng ký của Texas Instruments, và BrilliantColor™ là thương hiệu của Texas Instruments.

MHL, Biểu tượng Mobile High-Definition Link và MHL là thương hiệu của MHL Licensing, LLC.

Tất cả các tên sản phẩm khác sử dụng trong sổ hướng dẫn này là tài sản của các công ty sở hữu riêng và đã được công nhận.

## FCC

Thiết bị này đã được kiểm thử và chứng tỏ tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số loại B chiều theo Phần 15 của quy định FCC. Các giới hạn này nhằm cung cấp sự bảo vệ hợp lý trước nhiễu sóng có hại trong lắp đặt tại gia đình. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng có tần số radio và, nếu không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể làm nhiễu sóng có hại đối với liên lạc bằng radio.

Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng nhiễu sóng sẽ không xuất hiện ở một cách lắp đặt cụ thể nào. Nếu thiết bị này gây ra nhiễu sóng có hại đối với việc tiếp nhận radio hoặc truyền hình, có thể xác định điều này bằng cách bật và tắt thiết bị, người dùng nên cố khắc phục nhiễu sóng bằng một hoặc các biện pháp sau:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí ăng ten nhận tín hiệu.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận tín hiệu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm của mạch điện khác với nơi cắm bộ nhận tín hiệu.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên radio/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

## Thông báo: Cáp có vỏ bọc

Mọi kết nối tới các thiết bị máy tính phải sử dụng cáp có vỏ bọc để tuân thủ các quy định FCC.

### Chú ý

Các thay đổi hoặc chỉnh sửa không được thông qua trực tiếp bởi nhà sản xuất có thể khiến cho người dùng mất quyền sử dụng máy chiếu này vốn được cấp phép bởi Ủy ban Truyền thông Liên bang.

### Điều kiện hoạt động

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau:

1. Thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại và
2. Thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu sóng được nhận, bao gồm nhiễu sóng có thể dẫn đến hoạt động không mong muốn.

### Thông báo: Người dùng Canada

Thiết bị kỹ thuật số loại B này tuân thủ tiêu chuẩn ICES-003 của Canada.

Remarque à l'intention des utilisateurs canadiens

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

## Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu

- Chỉ thị EMC 2014/30/EC (bao gồm các sửa đổi)
- Chỉ thị 2014/35/EC về điện thế thấp
- RED 2014/53/EU (nếu sản phẩm có chức năng RF)

## WEEE



### Hướng dẫn thải bỏ

Không vứt thiết bị điện tử này vào thùng rác khi thải bỏ. Để giảm thiểu ô nhiễm và đảm bảo sự bảo vệ tối đa cho môi trường toàn cầu, hãy tái chế thiết bị này.



# GIỚI THIỆU

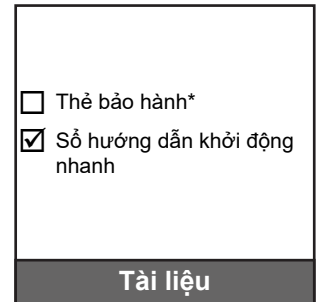
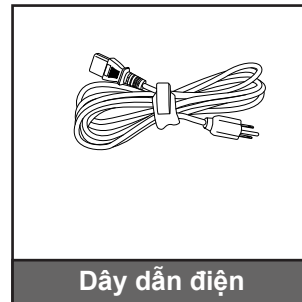
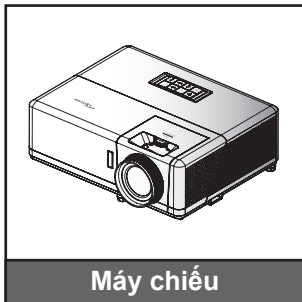
Cảm ơn bạn đã mua máy chiếu Optoma 4K UHD. Để biết danh sách tính năng đầy đủ, vui lòng ghé thăm trang sản phẩm trên trang web của chúng tôi. Tại đây bạn sẽ được nhận thêm nhiều thông tin và tài liệu hơn, ví dụ như về cài đặt điều khiển hay các câu hỏi thường gặp.

## Tổng quan về gói sản phẩm

Cẩn thận mở hộp đựng và xác nhận là bạn đã nhận các mặt hàng như liệt kê dưới đây thuộc phụ kiện chuẩn. Một số mặt hàng thuộc phụ kiện chuẩn có thể không có sẵn tùy theo mẫu sản phẩm, thông số kỹ thuật và khu vực mua hàng của bạn. Hãy kiểm tra với nơi mua hàng của bạn. Một số phụ kiện có thể khác nhau tùy theo khu vực.

Thẻ bảo hành chỉ được kèm theo ở một số khu vực cụ thể. Hãy liên hệ với đại lý bán hàng để có thông tin chi tiết.

## Phụ kiện chuẩn



### Lưu ý:

- Điều khiển từ xa thực tế có thể khác nhau tùy theo từng khu vực.
- Điều khiển từ xa được gửi kèm pin.
- \* Để biết thông tin bảo hành, vui lòng tham khảo <https://www.optoma.com/support/download>.

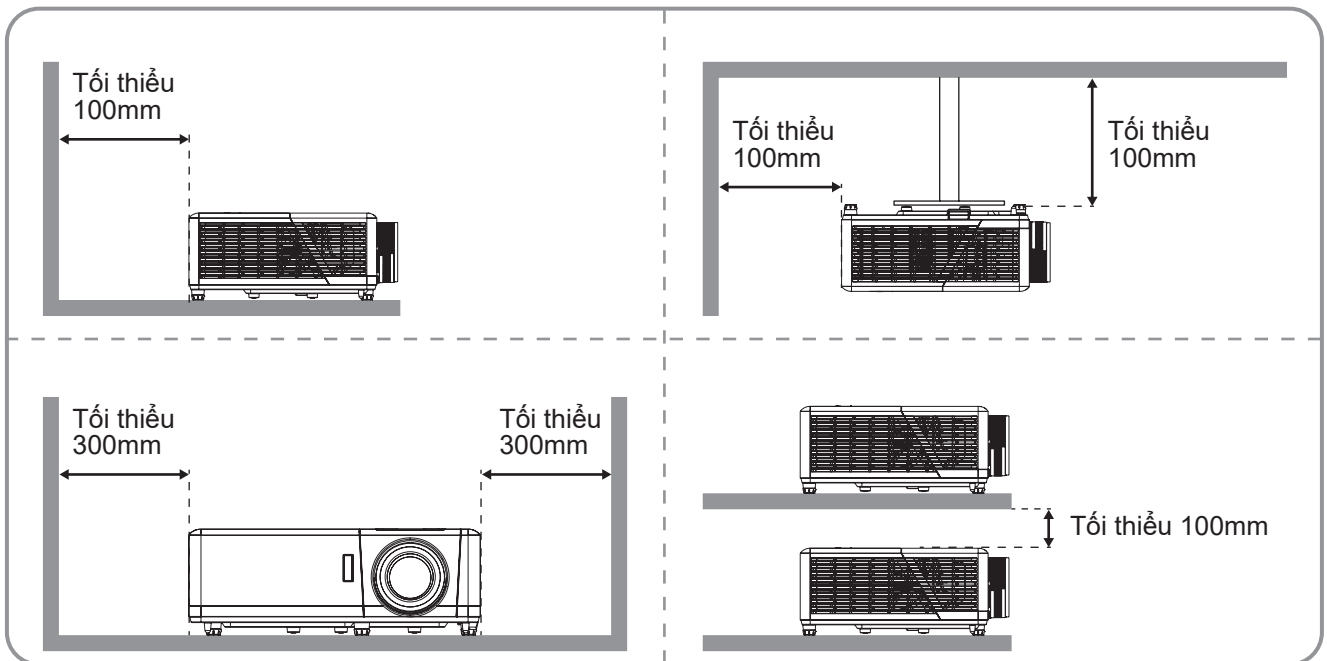
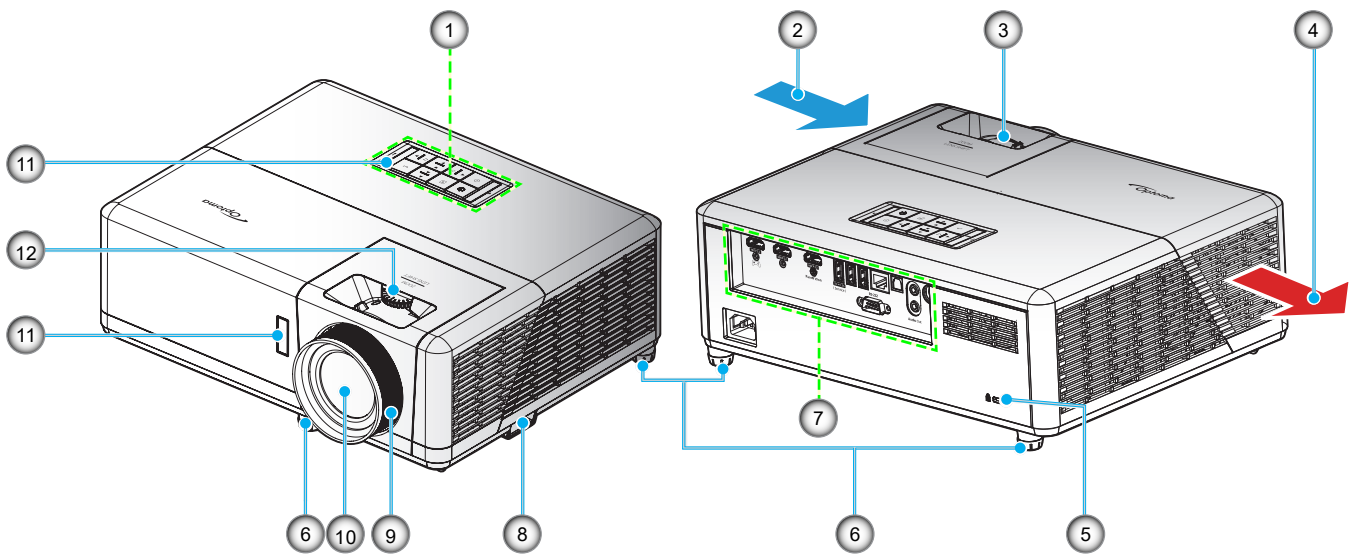
## Phụ kiện tùy chọn



**Lưu ý:** Các phụ kiện khác nhau tùy thuộc vào mẫu, thông số kỹ thuật và khu vực. Có thể mua một số phụ kiện tùy chọn tại các khu vực đã chọn. Vui lòng truy cập trang web của chúng tôi để xem thêm thông tin chi tiết về những phụ kiện đi kèm.

# GIỚI THIỆU

## Tổng quan về Sản phẩm



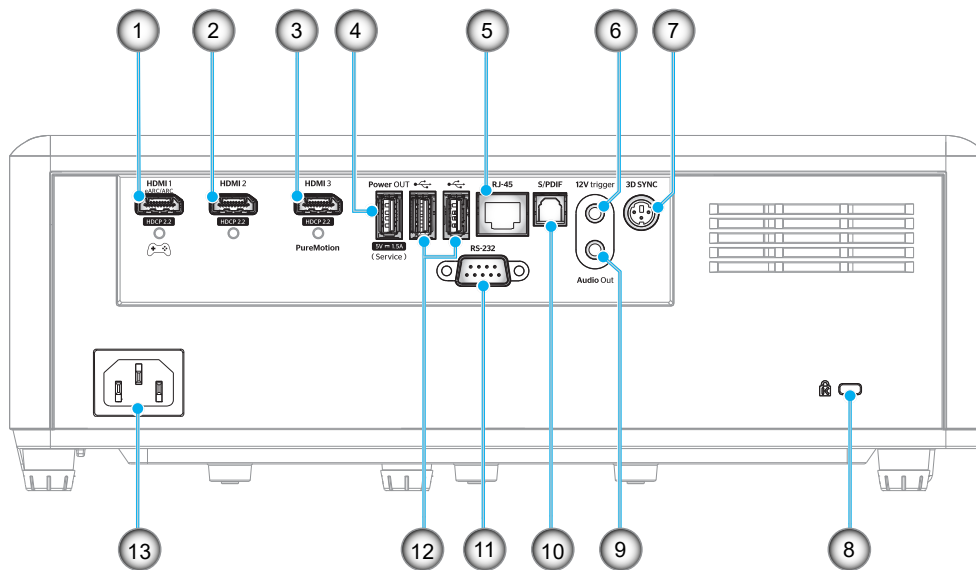
### Lưu ý:

- Không chặn bít đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian kín, hãy chừa khoảng cách ít nhất 30 cm quanh đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.

STT	Mục	STT	Mục
1.	Bàn phím	7.	Đầu vào/Đầu ra
2.	Thông khí (cửa nạp)	8.	Thanh Bảo vệ
3.	Vòng chỉnh thu phóng	9.	Vòng chỉnh tiêu điểm
4.	Thông khí (cửa thoát)	10.	Ống kính
5.	Cổng khóa Kensington™	11.	Bộ thu hồng ngoại (phía trước và trên)
6.	Chân chỉnh độ nghiêng	12.	Nút chỉnh ống kính

# GIỚI THIỆU

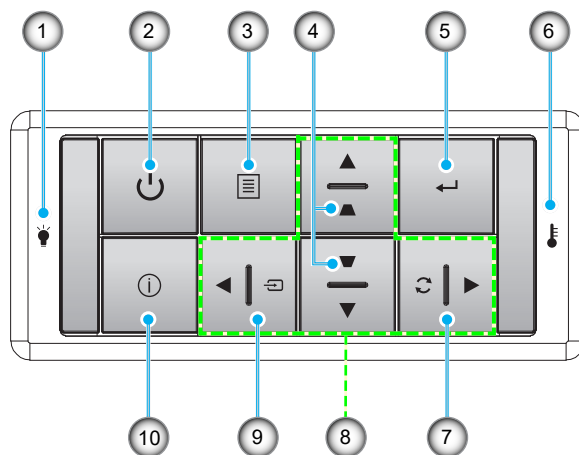
## Kết nối



STT	Mục	STT	Mục
1.	Đầu cắm HDMI 1 (Đầu ra eARC/ARC; chế độ độ trễ thấp)	8.	Cổng khóa Kensington™
2.	Đầu cắm HDMI 2 (Định dạng âm thanh eARC thông qua đầu nối HDMI-1)	9.	Đầu ra âm thanh
3.	Đầu cắm HDMI 3 (chuyển định dạng âm thanh ARC qua đầu nối HDMI-1; hỗ trợ PureMotion)	10.	Đầu cắm S/PDIF (chỉ hỗ trợ PCM 2 kênh; Dolby Digital (5.1))
4.	Đầu ra nguồn USB (5V---1,5A) (để bảo trì)	11.	Đầu cắm RS-232
5.	Đầu cắm RJ-45	12.	Cổng USB (Bộ thu phát WiFi/Trình phát đa phương tiện)
6.	12V Trigger (Đầu ra DC; Volt: 12V, Amps: Tối đa 0,5A)	13.	Ổ cắm điện
7.	ĐỒNG BỘ HÓA 3D		

# GIỚI THIỆU

## Bàn phím

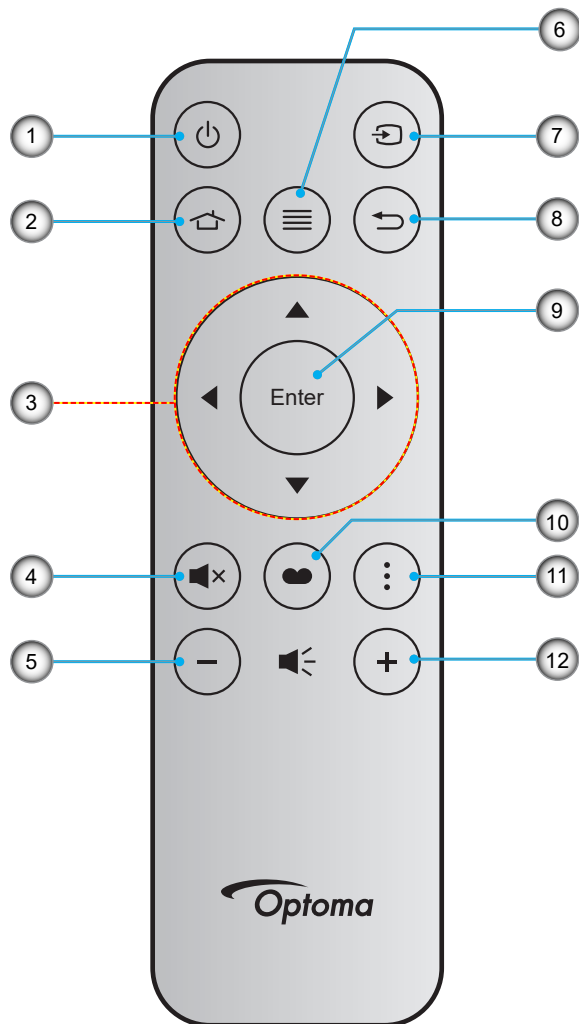


STT	Mục	STT	Mục
1.	Nguồn ánh sáng LED	6.	Đèn LED nhiệt độ
2.	Nguồn/Đèn LED nguồn	7.	Tái Đồng Bộ
3.	Menu	8.	Bốn phím chọn điều hướng
4.	Hiệu chỉnh độ méo	9.	Nguồn tín hiệu
5.	Nhập	10.	Thông tin

**Lưu ý:** Bàn phím số không dùng để điều khiển màn hình chính. Vui Lòng sử dụng điều khiển từ xa để điều hướng.

# GIỚI THIỆU

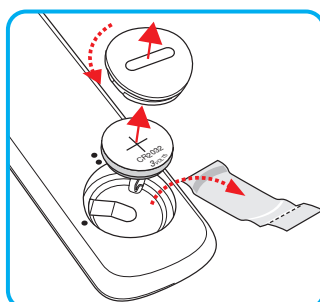
## Điều khiển từ xa



STT	Mục	STT	Mục
1.	Bật/Tắt nguồn	7.	Nguồn
2.	Màn hình chính	8.	Quay lại
3.	Bốn phím chọn điều hướng	9.	Nhập
4.	Tắt tiếng	10.	Chế độ hiển thị
5.	Âm lượng -	11.	Menu APP
6.	Menu	12.	Âm lượng +

### Lưu ý:

- Một số phím có thể không có chức năng cho những mẫu máy không hỗ trợ các tính năng này.
- Trước khi sử dụng điều khiển từ xa lần đầu, hãy tháo băng dán cách điện trong suốt. Xem trang 18 để biết cách lắp đặt pin.

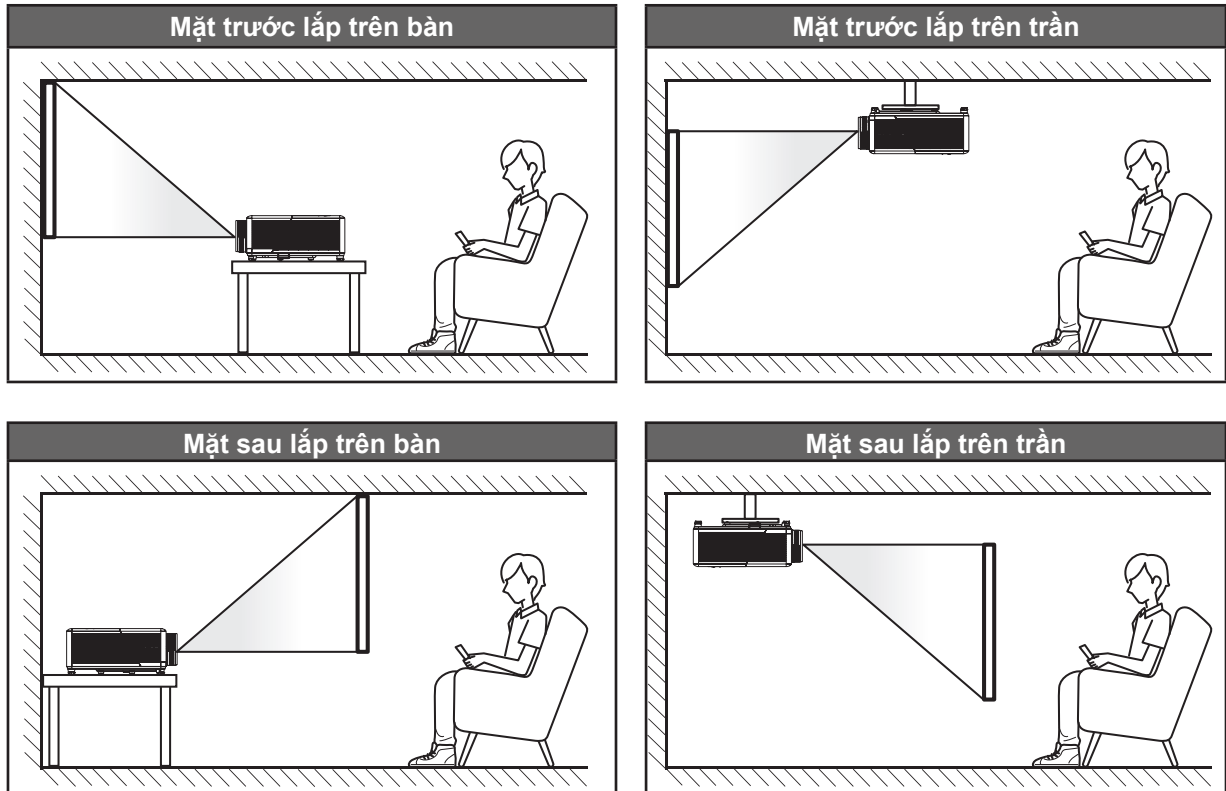


# THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

## Lắp đặt máy chiếu

Máy chiếu của bạn được thiết kế để lắp đặt tại một trong bốn vị trí khả dụng.

Cách bố trí phòng hoặc sở thích riêng sẽ quyết định địa điểm nào bạn cần chọn. Xem xét đến kích thước và vị trí màn hình, vị trí ổ cắm điện thích hợp, cũng như địa điểm và khoảng cách giữa máy chiếu và các trang thiết bị còn lại.



Phải đặt máy chiếu bằng phẳng trên bề mặt với một góc 90 độ và vuông góc với màn hình.

- Để biết cách xác định địa điểm lắp máy chiếu theo kích thước màn hình có sẵn, hãy tham khảo bảng khoảng cách ở trang 65.
- Để biết cách xác định kích thước màn hình theo khoảng cách có sẵn, hãy tham khảo bảng khoảng cách ở trang 65.

**Lưu ý:** Máy chiếu đặt càng xa màn hình thì kích thước hình chiếu càng tăng và độ bù chiều dọc cũng tăng theo tỷ lệ.

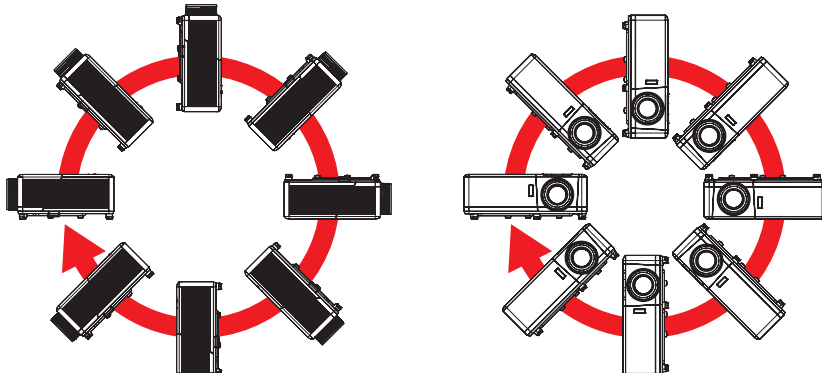
### QUAN TRỌNG!

Không sử dụng máy chiếu theo bất kỳ hướng nào khác với hướng mặt bàn hoặc giá treo trần. Nên đặt máy chiếu nằm ngang và không được đặt nghiêng về phía trước/sau hoặc sang trái/phải. Bất kỳ hướng nào khác sẽ làm mất hiệu lực bảo hành và có thể rút ngắn tuổi thọ của máy chiếu. Để được tư vấn cách lắp đặt không quy chuẩn, xin liên hệ với Optoma.

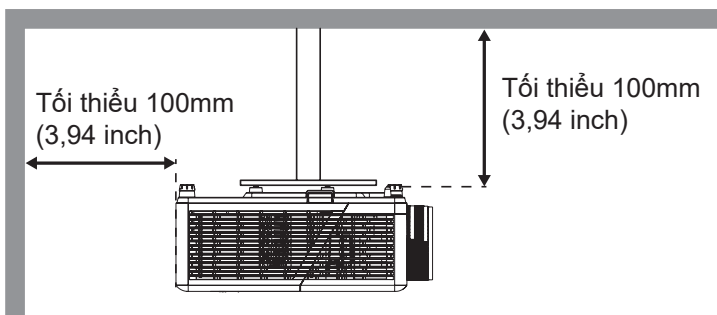
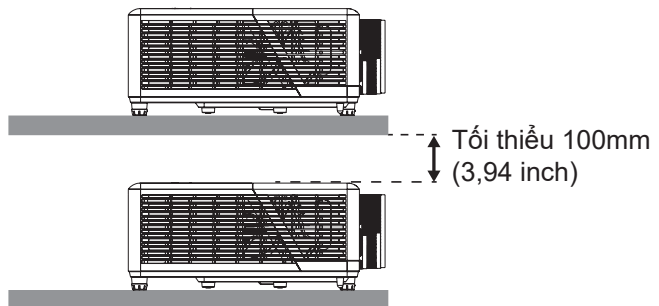
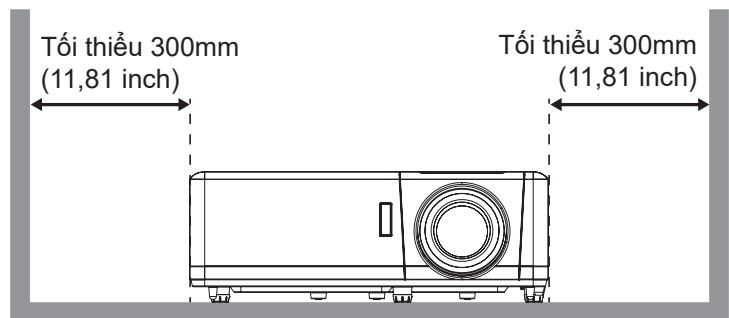
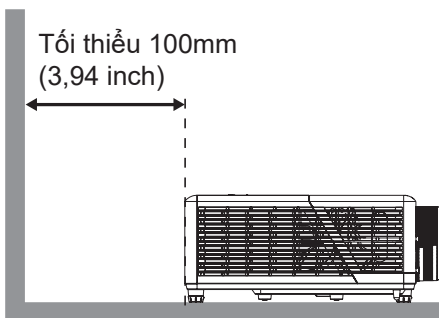
# THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

## Lưu ý lắp đặt máy chiếu

- Hướng chiếu tự do 360°



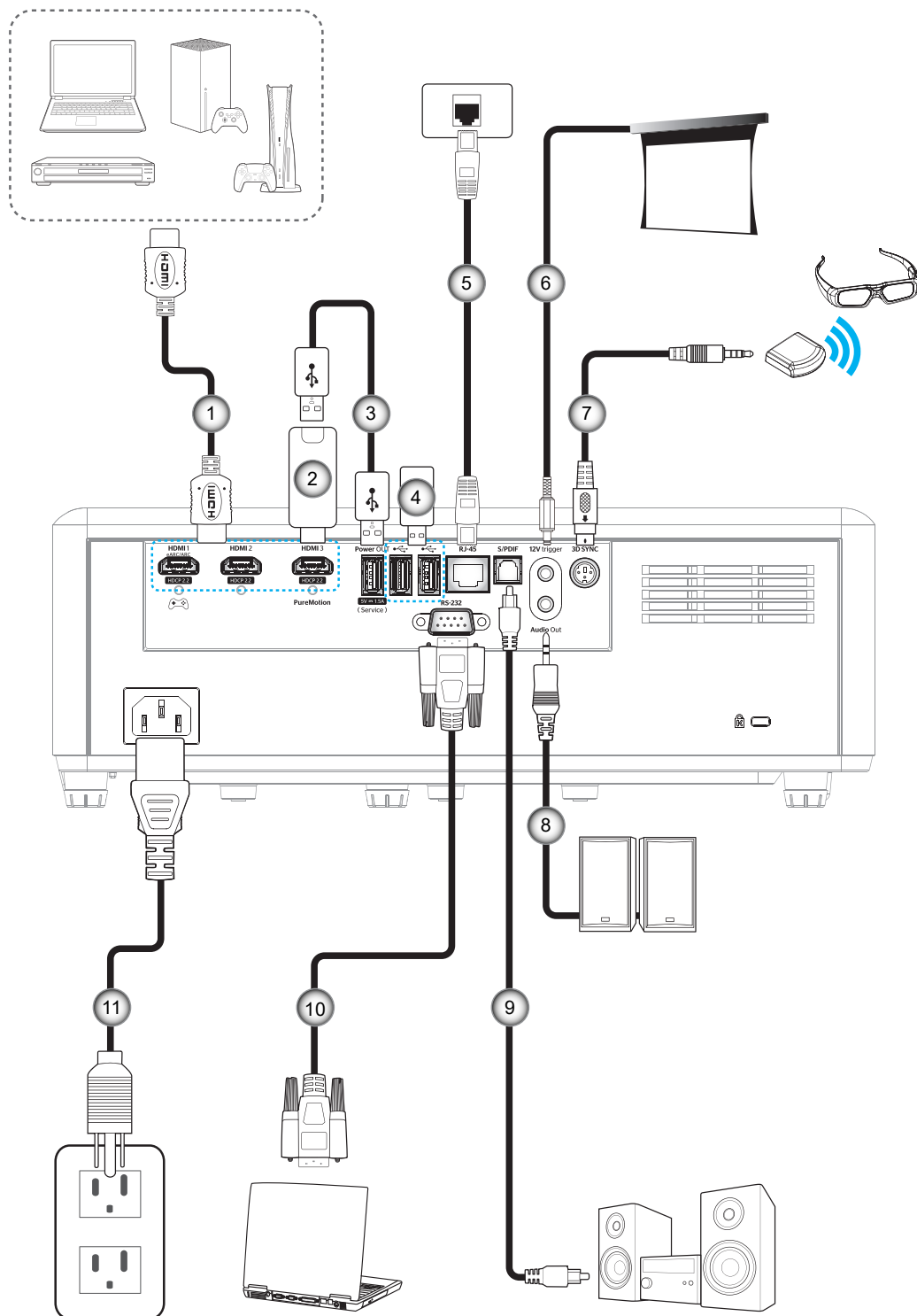
- Để khoảng trống tối thiểu 30 cm xung quanh quạt xả khí.



- Đảm bảo quạt hút khí không tái sử dụng khí nóng từ quạt xả khí.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian khép kín, đảm bảo nhiệt độ không khí xung quanh trong khu vực khép kín này không vượt quá nhiệt độ hoạt động khi máy chiếu đang chạy, và các lỗ hút khí và xả khí phải luôn thông suốt.
- Mọi khu vực khép kín phải vượt qua quy trình đánh giá về nhiệt được chứng nhận để đảm bảo máy chiếu không tái sử dụng khí thải vì điều này có thể khiến cho thiết bị ngưng hoạt động dù nhiệt độ xung quanh nằm trong phạm vi nhiệt độ hoạt động chấp nhận.

# THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

## Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu



STT	Mục
1.	Cáp HDMI
2.	Thiết bị phát tín hiệu HDMI
3.	Cáp nguồn USB
4.	Ổ đĩa USB

STT	Mục
5.	Cáp RJ-45
6.	Giắc cắm điện DC 12V
7.	Cáp bộ phát 3D
8.	Cáp đầu ra âm thanh

STT	Mục
9.	Cáp đầu ra S/PDIF
10.	Cáp RS-232
11.	Dây nguồn

**Lưu ý:** Để đảm bảo chất lượng hình ảnh tốt nhất và tránh các lỗi kết nối, bạn nên sử dụng các loại cáp HDMI Cao Cấp. Với dây cáp dài hơn 20-25 feet, chúng tôi khuyến nghị nên dùng cáp Active Fiber HDMI.



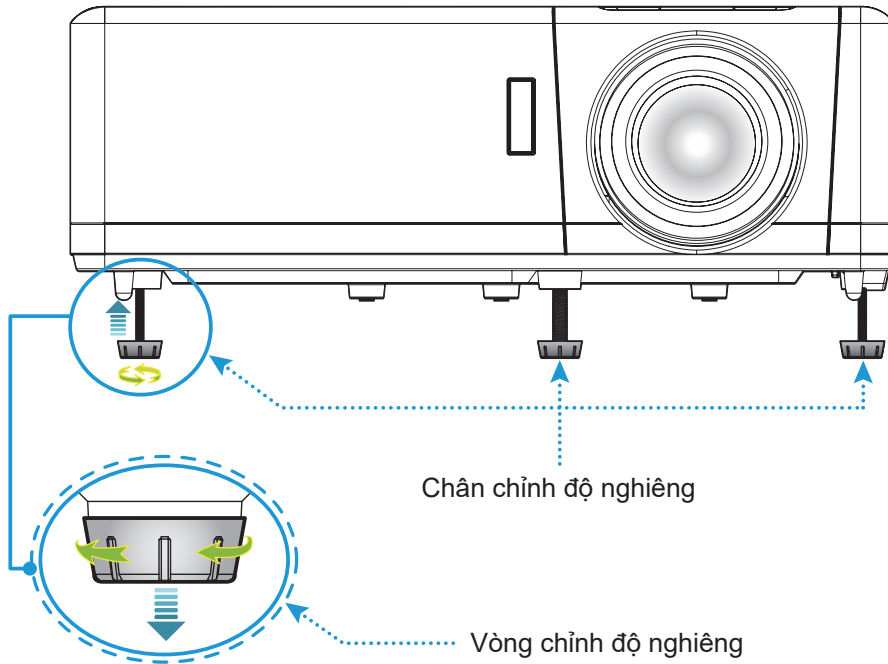
# THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

## Điều chỉnh Hình ảnh chiếu

### Chiều cao hình

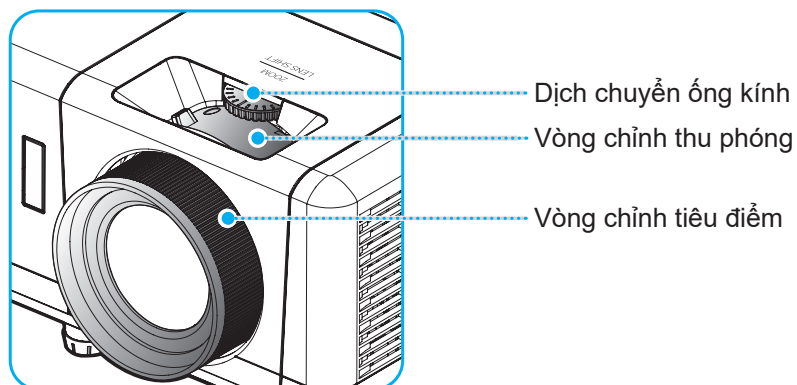
Máy chiếu được trang bị chân nâng để điều chỉnh độ cao của hình ảnh.

1. Xác định bánh điều chỉnh bạn muốn chỉnh ở mặt dưới máy chiếu.
2. Vận bánh chân đế tùy chỉnh theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để nâng hoặc hạ máy chiếu.



### Zoom, chỉnh ống kính và lấy nét

- Để chỉnh kích thước và vị trí hình chiếu, hãy thực hiện theo các bước sau:
  - a. Để chỉnh cỡ hình, xoay vòng chỉnh thu phóng theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để tăng hoặc giảm kích thước hình chiếu.
  - b. Để chỉnh vị trí hình chiếu, xoay nút chỉnh ống kính theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để chỉnh vị trí hình chiếu theo chiều dọc.
- Để chỉnh lấy nét, xoay vòng lấy nét theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi hình chiếu sắc nét và rõ ràng.



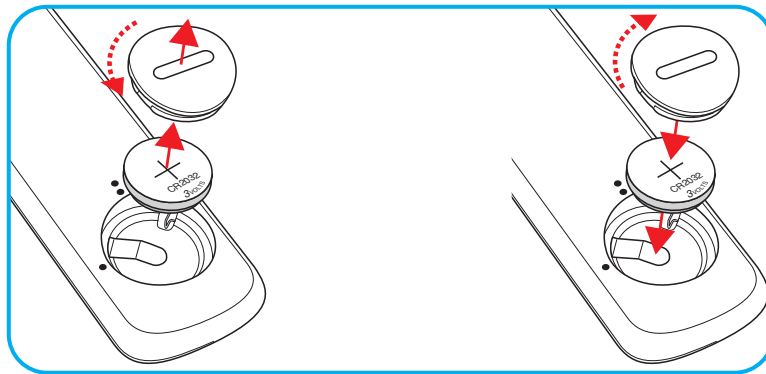
**Lưu ý:** Máy chiếu sẽ lấy nét ở khoảng cách từ 1,2m - 8,1m.

# THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

## Thiết lập điều khiển từ xa

### Lắp đặt/thay thế pin cho điều khiển từ xa

1. Sử dụng đồng xu để xoay nắp đậy pin ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi nắp đậy mở ra.
2. Lắp pin mới vào khoang chứa.  
Tháo pin cũ và lắp pin mới (CR2032). Đảm bảo cạnh có dấu "+" hướng lên trên.
3. Gắn nắp đậy lại. Sau đó, sử dụng đồng xu để xoay nắp đậy pin theo chiều kim đồng hồ để khóa nó vào đúng vị trí.



### CHÚ Ý:

Để đảm bảo hoạt động an toàn, hãy tuân thủ các lưu ý phòng ngừa sau:

- Sử dụng pin loại CR2032.
- Tránh tiếp xúc với nước hoặc chất lỏng.
- Không đặt điều khiển từ xa gần môi trường ẩm ướt hoặc nhiệt.
- Không làm rơi điều khiển từ xa.
- Nếu pin đã rò rỉ trong điều khiển từ xa, hãy lau kỹ vỏ và lắp pin mới.
- Nguy cơ bị nổ nếu pin được thay thế bằng loại pin không thích hợp.
- Thải bỏ pin qua sử dụng theo các chỉ dẫn.

Cảnh báo: Không được nuốt pin, nguy hiểm bỏng hóa chất.



- Sản phẩm này chứa pin đồng xu/cúc áo. Nếu nuốt phải pin đồng xu/cúc áo, viên pin có thể gây bỏng nội tạng nặng chỉ trong 2 giờ và có thể dẫn đến tử vong.

Cảnh báo: Để pin mới và đã sử dụng xa tầm tay trẻ em.



- Nếu ngăn chứa pin không đóng chắc chắn, hãy ngừng sử dụng sản phẩm và để xa tầm tay trẻ em. Nếu bạn nghi ngờ viên pin đã bị nuốt hoặc đang nằm trong cơ thể, hãy đến bệnh viện ngay lập tức.

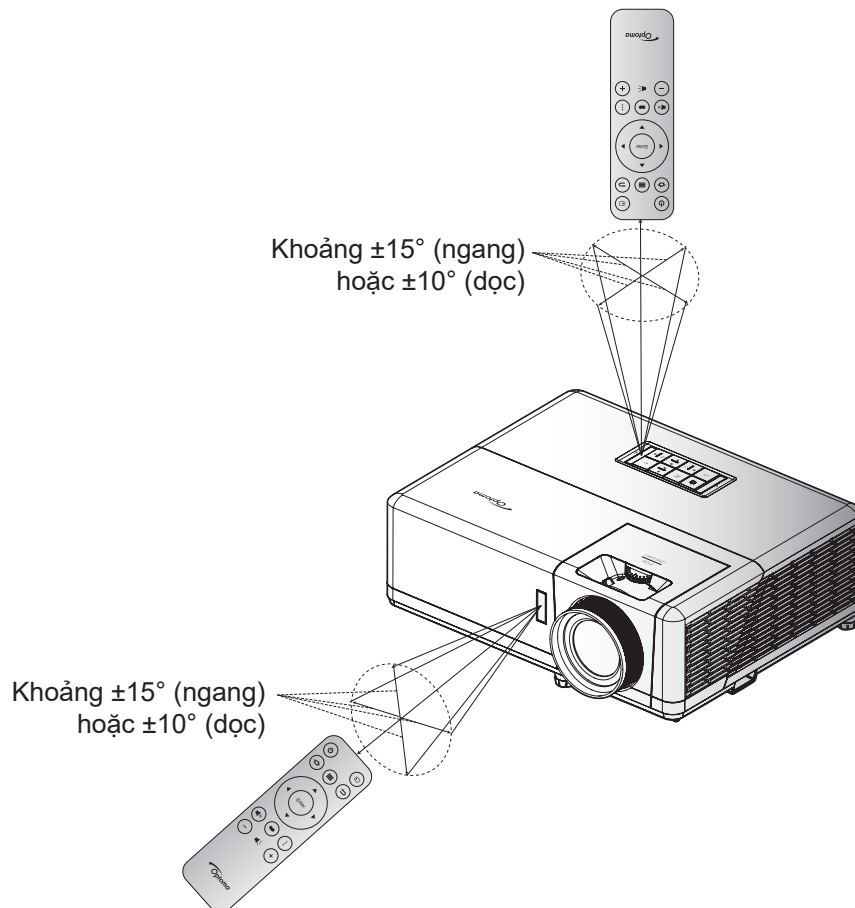
# THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

## Phạm vi hoạt động

Cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại (IR) nằm ở trên đỉnh máy chiếu. Đảm bảo giữ điều khiển từ xa ở một góc 30° (nằm ngang) hoặc 20° (nằm dọc) vuông góc với cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại trên máy chiếu để hoạt động thích hợp. Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không được xa hơn 7 mét (khoảng 22 foot).

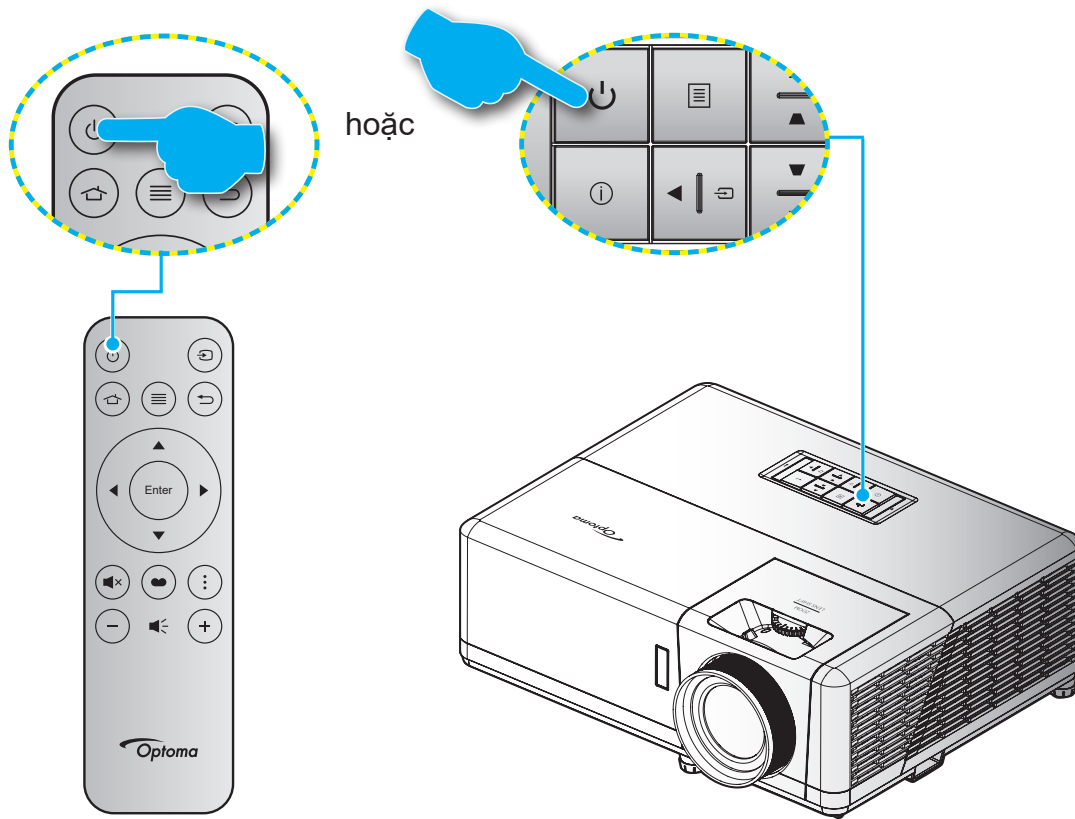
**Lưu ý:** Khi trỏ điều khiển từ xa trực tiếp (một góc 0 độ) vào cảm biến IR, khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không dài hơn 10 mét (khoảng 32 foot).

- Đảm bảo không có các vật cản giữa điều khiển từ xa và cảm biến IR trên máy chiếu vốn có thể cản trở chùm tia hồng ngoại.
- Đảm bảo bộ truyền phát IR trên điều khiển từ xa không bị chiếu vào trực tiếp bởi ánh sáng mặt trời hoặc đèn huỳnh quang.
- Hãy giữ xa điều khiển từ xa khỏi các đèn huỳnh quang với khoảng cách hơn 2 mét; nếu không, điều khiển từ xa có thể bị hỏng.
- Nếu đặt gần các đèn huỳnh quang Loại Bộ đảo điện, điều khiển từ xa thỉnh thoảng có thể không hoạt động.
- Nếu điều khiển từ xa và máy chiếu nằm trong khoảng cách rất gần, điều khiển từ xa có thể không hoạt động.
- Khi nhắm vào màn hình, khoảng cách hiệu quả ngắn hơn 7 mét so từ điều khiển từ xa đến màn hình và phản chiếu các tia hồng ngoại trở lại máy chiếu. Tuy nhiên, phạm vi hoạt động có thể thay đổi theo các màn hình.



# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Bật/tắt nguồn máy chiếu



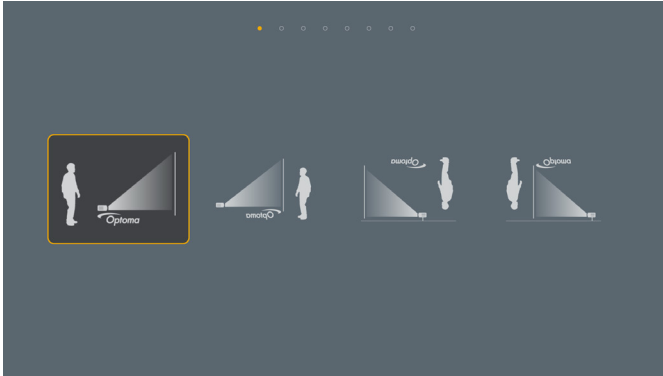
## Bật nguồn

1. Cắm chặt dây nguồn và cáp tín hiệu/cáp nguồn. Khi đã kết nối, đèn LED Bật/Chờ sẽ chuyển sang màu đỏ.
2. Bật máy chiếu bằng cách nhấn nút "⏻" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.
3. Màn hình khởi động sẽ hiển thị trong khoảng 10 giây và đèn LED Bật/Chờ sẽ nhấp nháy màu xanh lam.

**Lưu ý:** Lần đầu bật máy chiếu, bạn sẽ được nhắc chọn ngôn ngữ ưu tiên, hướng chiếu và các cài đặt khác.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

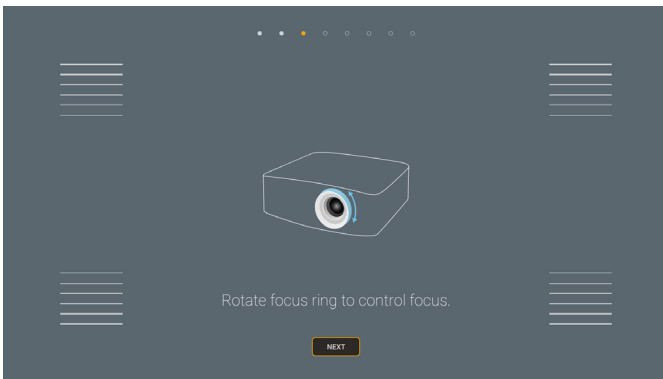
Lần đầu bật máy chiếu, bạn sẽ được nhắc thực hiện thiết lập ban đầu bao gồm việc chọn hướng chiếu, ngôn ngữ ưu tiên, định cấu hình cài đặt mạng và nhiều tùy chọn khác. Một khi màn hình **Setup Complete! (Đã thiết lập xong)** hiển thị, điều này cho biết máy chiếu đã sẵn sàng sử dụng.



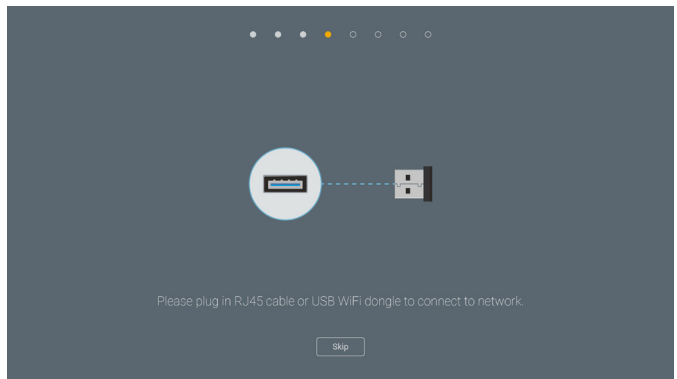
[Màn hình chiếu]



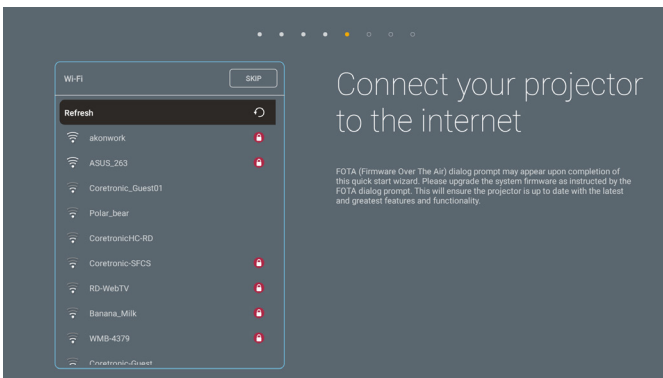
[Màn hình ngôn ngữ]



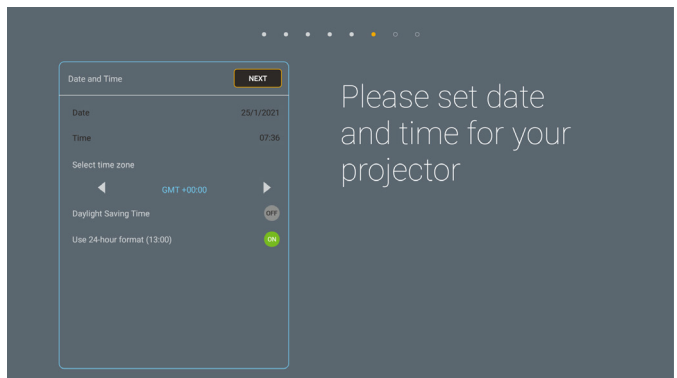
[Màn hình điều chỉnh lấy nét]



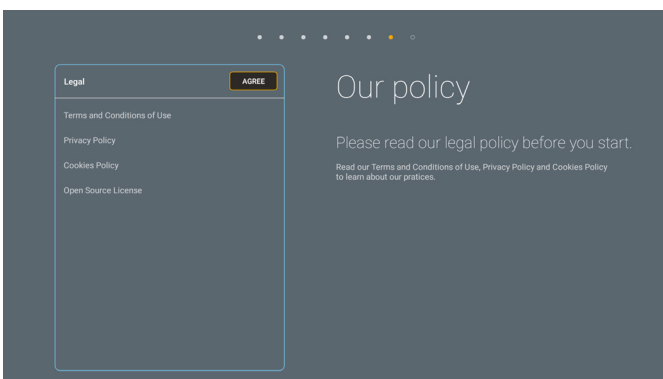
[Màn hình cài đặt bộ thu phát Wi-Fi]



[Màn hình mạng]



[Màn hình ngày giờ]



[Màn hình quy định]

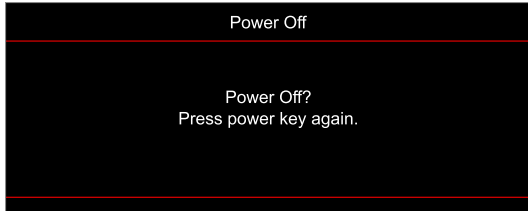


[Màn hình Kết nối Optoma]

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Tắt nguồn

1. Tắt máy chiếu bằng cách nhấn nút “⏻” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.
2. Thông báo sau đây sẽ hiển thị:




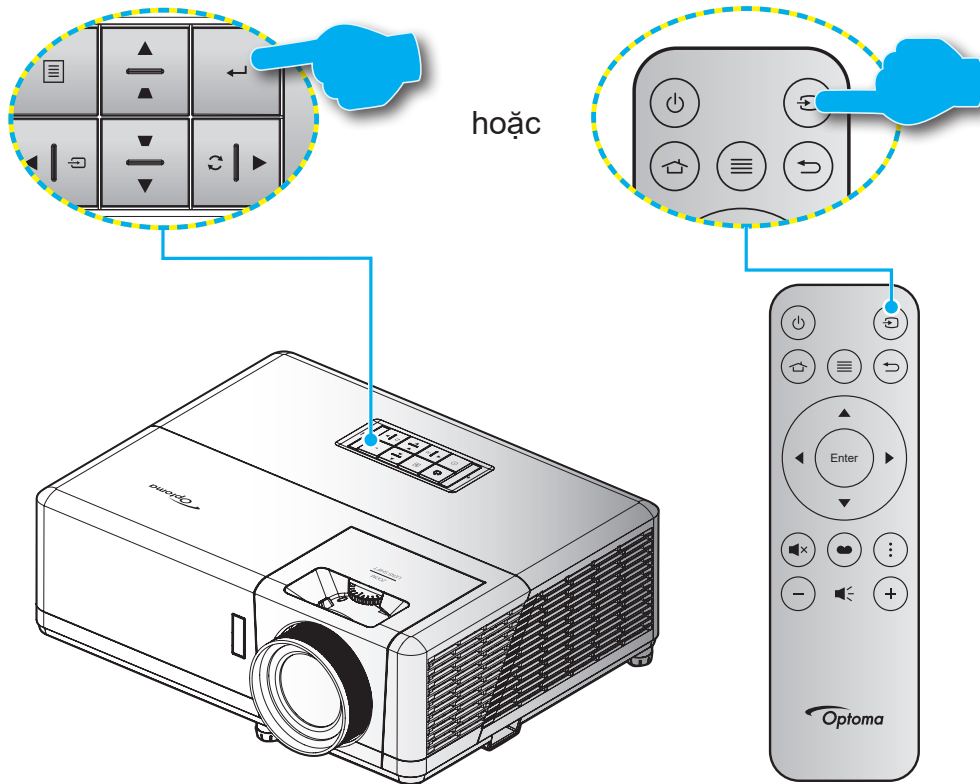
3. Nhấn lại nút “⏻” để xác nhận, nếu không thông báo đó sẽ biến mất sau 15 giây. Khi bạn nhấn nút “⏻” trong một giây, máy chiếu sẽ tắt.
4. Các quạt làm nguội tiếp tục hoạt động trong khoảng 10 giây theo chu trình làm nguội và đèn LED BẬT/Chờ sẽ nhấp nháy màu xanh lam. Khi đèn LED BẬT/Chờ sáng một màu đỏ, điều này cho biết máy chiếu đã vào chế độ chờ. Nếu muốn bật máy chiếu trở lại, bạn phải chờ cho đến khi hoàn tất chu trình làm nguội và máy chiếu đã vào chế độ chờ. Khi máy chiếu ở chế độ chờ, chỉ cần nhấn lại nút “⏻” để bật máy chiếu.
5. Rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và máy chiếu.

**Lưu ý:** Bạn không được bật máy chiếu ngay sau quy trình tắt nguồn.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Chọn nguồn vào

Bật nguồn tín hiệu vừa kết nối mà bạn muốn hiển thị trên màn hình, như máy vi tính, máy tính xách tay, đầu xem video, v.v.... Máy chiếu sẽ tự dò tìm nguồn tín hiệu. Nếu có nhiều nguồn tín hiệu được kết nối, nhấn nút “” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa để chọn đầu vào mong muốn.




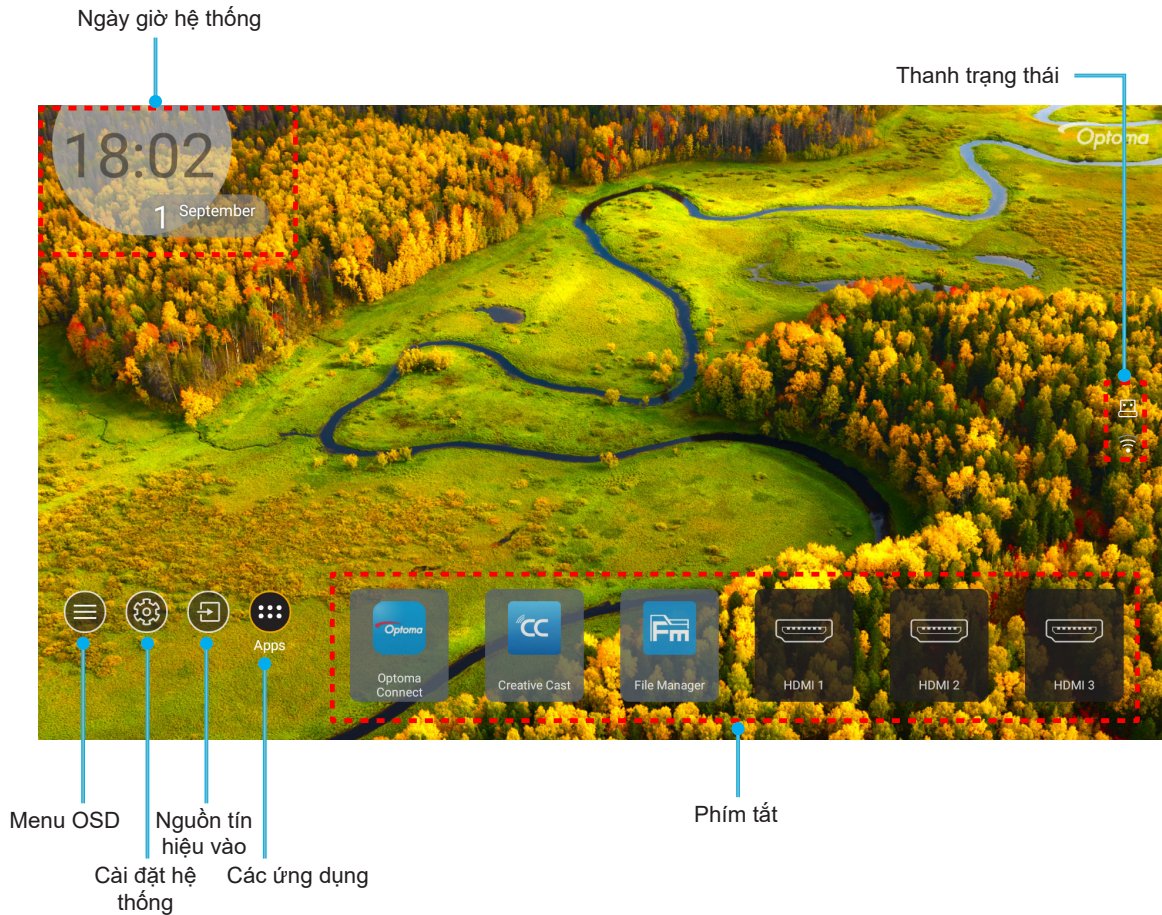
# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Tổng quan về màn hình chính

Màn hình chính sẽ hiển thị mỗi khi bạn bật máy chiếu. Nó chứa ngày giờ hệ thống, trạng thái hệ thống, biểu tượng truy cập menu OSD, menu cài đặt máy chiếu, ứng dụng, nguồn đầu vào và nhiều tùy chọn khác.

Để điều hướng màn hình chính, chỉ cần sử dụng các nút trên điều khiển từ xa.

Bạn có thể trở về màn hình chính bất cứ lúc nào bằng cách nhấn “” trên điều khiển từ xa, bất kể bạn đang ở vị trí nào trong giao diện người dùng.



**Lưu ý:** Menu hoặc mục vừa chọn được tô sáng bằng màu cam, ví dụ: “Ứng dụng” trên hình ảnh ở trên.

## Ngày giờ hệ thống

Ngày giờ sẽ hiển thị trên màn hình chính nếu máy chiếu được kết nối mạng. Cài đặt mặc định là 10 giờ sáng, ngày 01/01/2019. Sáng/Tối sẽ chỉ hiển thị nếu định dạng 24 giờ đã tắt.

Để sửa đổi các thông số ngày giờ, chọn mục tương ứng trên màn hình. Trang cài đặt Ngày giờ sẽ tự động mở. Sau đó hãy thực hiện các sửa đổi.

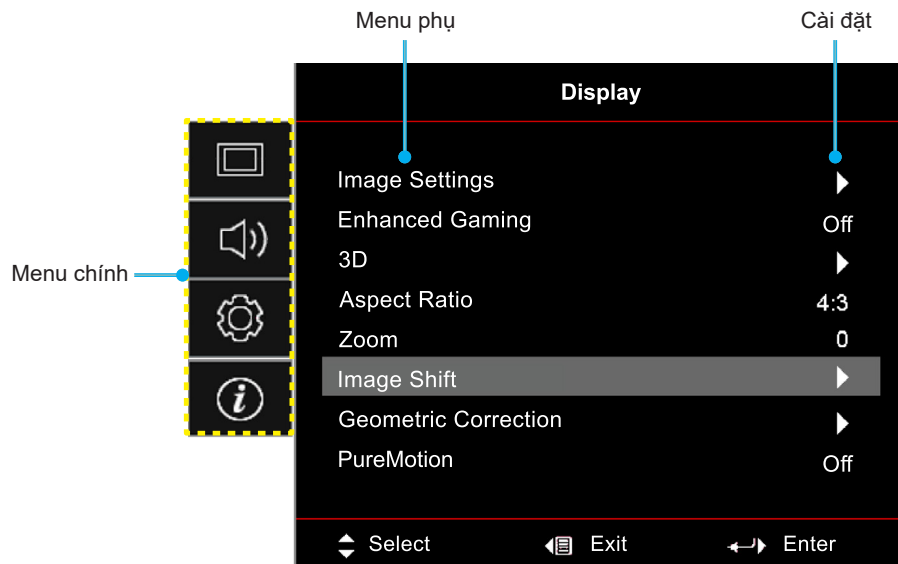


# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu cài đặt máy chiếu (OSD)

Nhấn “≡” trên điều khiển từ xa hoặc trên màn hình chính, chọn menu OSD “⊞” để xem lại thông tin máy chiếu hoặc quản lý nhiều cài đặt khác nhau liên quan đến hình ảnh, màn hình, 3D, âm thanh và thiết lập.

### Điều hướng menu chung



1. Khi menu OSD hiển thị, hãy sử dụng các nút điều hướng lên hoặc xuống để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Khi thực hiện lựa chọn trên một trang riêng, hãy nhấn “OK” để vào menu phụ.
2. Nhấn nút “**Trái**” và “**Phải**” để chọn mục menu mong muốn. Sau đó nhấn “OK” để mở menu phụ liên quan.
3. Nhấn nút “**Trên**” và “**Dưới**” để chọn mục mong muốn trong menu phụ.
4. Nhấn nút “OK” để bật hoặc tắt một cài đặt hoặc nhấn nút “**Trái**” và “**Phải**” để điều chỉnh một giá trị.
5. Chọn mục cần điều chỉnh tiếp theo trong menu phụ và sửa đổi như mô tả ở trên.
6. Để thoát, nhấn “↩” (nhiều lần nếu cần). Menu OSD sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Sơ đồ menu OSD



**Lưu ý:** Các mục và tính năng sơ đồ menu OSD tùy thuộc vào mẫu và khu vực. Optoma bảo lưu quyền thêm hoặc bỏ mục để cải thiện hiệu năng của sản phẩm mà không cần báo trước.

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị				
Display (Hiển thị)	Image Settings (Điều chỉnh hình ảnh)	Display Mode (Chế độ hiển thị)	Chế độ [Video]		Cinema (Rạp chiếu)				
					HDR				
					HLG				
					HDR SIM.				
					Game (Trò chơi)				
					Reference (Tham khảo)				
					Bright (Sáng)				
					User (Người dùng)				
					3D				
					ISF Day (ISF ngày)				
					ISF Night (ISF đêm)				
					ISF 3D				
				Wall Color					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
			Blackboard (Bảng đen)						
			Light Yellow						
			Light Green						
			Light Blue						
			Pink						
			Gray (Mức xám)						
		Dynamic Range (Dải động)		HDR/HLG			Off (Tắt)		
							Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]		
				HDR Picture Mode (Chế độ hình HDR)					Bright (Sáng)
									Standard (Tiêu chuẩn) [Chế độ mặc định]
									Film (Phim)
				HLG Picture Mode (Chế độ hình HLG)					Detail (Chi tiết)
									Bright (Sáng)
									Standard (Tiêu chuẩn) [Chế độ mặc định]
									Film (Phim)
					Detail (Chi tiết)				
		HDR Brightness (Độ sáng HDR)					0 ~ 10		
		Brightness (Độ sáng)					-50 ~ 50		
		Contrast (Độ tương phản)					-50 ~ 50		
		Sharpness (Độ sắc nét)					1 ~ 15		
Color (Màu sắc)					-50 ~ 50				
Tint (Sắc thái)					-50 ~ 50				




# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị		
Display (Hiện thị)	Image Settings (Điều chỉnh hình ảnh)	Gamma	Film (Phim)				
			Video				
			Graphics (Đồ họa)				
			Standard(2.2) (Tiêu chuẩn(2.2))				
			1.8				
			2.0				
			2.4				
			3D				
		Color Settings (Cài đặt màu sắc)	BrilliantColor™			1 ~ 10	
			Color Temp. (Mức độ màu)			Warm (Ấm)	
						Standard (Tiêu chuẩn)	
						Cool (Mát)	
						Cold (Lạnh)	
			Color Matching (Tinh chỉnh màu)	Color (Màu sắc)			Red (Đỏ)
							Green (Lục)
							Blue (Lam)
							Cyan (Xanh ngọc)
							Yellow (Vàng)
							Magenta (Đỏ thẫm)
							White (Trắng)(*)
				Hue (Màu sắc)/ NS(*)			-50 ~ 50 [Chế độ mặc định: 0]
				Saturation (Độ bão hòa)/ NS(*)			-50 ~ 50 [Chế độ mặc định: 0]
				Gain (Tăng cường)/ NS(*)			-50 ~ 50 [Chế độ mặc định: 0]
			Reset (Thiết lập lại)			Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định] Yes (Có)	
			Exit (Thoát)				
			RGB Gain/Bias (Tăng cường/Lệch RGB)	Red Gain (Tăng sắc đỏ)			-50 ~ 50
				Green Gain (Tăng sắc lục)			-50 ~ 50
				Blue Gain (Tăng lam)			-50 ~ 50
				Red Bias (Độ lệch sắc đỏ)			-50 ~ 50
				Green Bias (Độ lệch sắc lục)			-50 ~ 50
				Blue Bias (Độ lệch sắc lam)			-50 ~ 50
				Reset (Thiết lập lại)			Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định] Yes (Có)
				Exit (Thoát)			
			Color Space (Không gian màu)(Không phải đầu vào HDMI)				Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]
							RGB
							YUV
			Color Space (Không gian màu)(Đầu vào HDMI)				Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]
							RGB(0~255)
							RGB(16~235)
							YUV


# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị	
Display (Hiện thị)	Image Settings (Điều chỉnh hình ảnh)	Brightness Mode (Chế độ sáng)			DynamicBlack (Mức đen động)	
					Eco.	
					Constant Power (Năng lượng không đổi) Nguồn = 100%/95%/90%/85%/80%/75%/70%/65%/60%/55%/50%	
			Reset (Thiết lập lại)			Constant Luminance (Độ sáng không đổi) Nguồn = 85%/80%/75%/70%
	Enhanced Gaming (Trò chơi nâng cao)					Off (Tắt)
						On (Bật)
	3D	3D Mode (Chế độ 3D)				Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
						On (Bật)
		3D Sync Invert (Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D)				On (Bật)
	Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)					4:3
						16:9
						21:9
						32:9
						V-Stretch (ngoại trừ các mẫu SVGA/XGA)
						Full screen (Toàn màn hình)
						Auto (Tự động)
	Zoom (Thu phóng)					-5 ~ 25 [Chế độ mặc định: 0]
	Image Shift (Dịch chuyển hình ảnh)	H (Ngang)				-100 ~ 100 [Chế độ mặc định: 0]
		V				-100 ~ 100 [Chế độ mặc định: 0]
	Geometric Correction (Hiệu chỉnh hình học)		Four Corners			
			H Keystone (Chỉnh vuông ngang)			-30 ~ 30 [Chế độ mặc định: 0]
			V Keystone (Chỉnh hình chiều dọc)			-30 ~ 30 [Chế độ mặc định: 0]
			Auto Keystone (Tự động chỉnh méo)			Off (Tắt)
					On (Bật) [Chế độ mặc định]	
3x3 Warp (Cong 3x3)						
	Reset (Thiết lập lại)					
PureMotion	PureMotion				Off (Tắt)	
					1 [Chế độ mặc định]	
					2	
					3	
Audio (Âm thanh)	Audio Mode (Chế độ âm thanh)				Speaker / Audio Out (Loa/Ngõ ra âm thanh) [Chế độ mặc định]	
					SPDIF / eARC	
	Mute (Tắt tiếng)					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
						On (Bật)
	Volume (Âm lượng)				0 ~ 10 [Chế độ mặc định: 5]	
	Digital Output Format (Định dạng đầu ra kỹ thuật số)					Bitstream
					PCM	
					Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]	
Audio Delay (Trễ âm thanh)	Internal speaker delay (Độ trễ loa trong)				-50 ~ +50 [Chế độ mặc định: 0]	

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị	
Setup (Cài Đặt)	Projection (Trình chiếu)				Phía trước  [Chế độ mặc định]	
					Phần phía sau 	
					Trên-phía trên 	
					Phía sau-phía trên 	
	Power Settings (Điều chỉnh nguồn)	Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp)				Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
						On (Bật)
		Signal Power On (Bật nguồn tín hiệu)				Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
						On (Bật)
		Auto Power Off (min) (Tắt nguồn (phút))				0 ~ 180 (tăng 5 phút) [Chế độ mặc định: 20]
			Hẹn giờ ngủ (phút)			
				Always On (Luôn Bật)		
					Yes (Có)	
	Power Mode (Standby) (Chế độ nguồn (Chờ))				Active (Hoạt động) (SmartHome)	
					Eco. [Chế độ mặc định]	
	USB Power (Standby) (Nguồn USB (Chế độ chờ))				Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
					On (Bật)	
	Security (Bảo mật)	Security (Bảo mật)				Off (Tắt)
						On (Bật)
		Security Timer (Bộ đếm thời gian an toàn)		Month (Tháng)		
				Day (Ngày)		
			Hour (Giờ)			
	Change Password (Đổi mật khẩu)				[Chế độ mặc định: 1234]	
	HDMI Link Settings (Thiết lập liên kết HDMI)	HDMI Link (Liên kết HDMI)				Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
						On (Bật)
		Inclusive of TV (Bao gồm TV)				No (Không) [Chế độ mặc định]
						Yes (Có)
		Power On Link (Liên kết cho bật nguồn)				Mutual (Liên kết tương hỗ) [Chế độ mặc định]
					PJ --> Device (Máy chiếu -> Thiết bị) Device --> PJ (Thiết bị -> Máy chiếu)	
	Power Off Link (Liên kết cho tắt nguồn)				Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
					On (Bật)	
	Test Pattern (Mẫu thử)					Green Grid (Khung lưới xanh)
						Magenta Grid (Khung lưới đỏ thẫm)
					White Grid (Khung lưới trắng)	
					White (Trắng)	
					Off (Tắt)	
Remote Settings (Thiết lập điều khiển)	IR Function (Chức năng IR)				On (Bật) [Chế độ mặc định]	
					Off (Tắt)	
Projector ID (Mã nhận dạng (ID))					00 ~ 99	

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị		
Setup (Cài Đặt)	12V Trigger (Bộ khởi động 12V)				On (Bật)		
					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]		
	Language (Ngôn ngữ)					English [Chế độ mặc định]	
						Deutsch	
						Français	
						Italiano	
						Español	
						Português	
						简体中文	
						繁體中文	
						日本語	
						한국어	
	Menu Settings (Tùy chỉnh Menu)	Menu Location (Vị trí thực đơn)				Trái trên 	
						Phải trên 	
						Giữa  [Chế độ mặc định]	
						Trái dưới 	
						Phải dưới 	
							Off (Tắt)
	Menu Settings (Tùy chỉnh Menu)	Menu Timer (Đồng hồ menu)				5sec (5 giây)	
						10sec (10 giây) [Chế độ mặc định]	
						Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
	Options (Lựa chọn)	Auto Source (Dò nguồn tự động)				On (Bật)	
						Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
		Input Source (Nguồn tín hiệu vào)					HDMI1
							HDMI2
							HDMI3
							Home (Màn hình chính)
		Input Name (Nhập tên)		HDMI1			Default (Chế độ mặc định) [Chế độ mặc định] / Custom (Tùy chỉnh)
				HDMI2			Default (Chế độ mặc định) [Mặc định] / Tùy chỉnh
				HDMI3			Default (Chế độ mặc định) [Mặc định] / Tùy chỉnh
				Home (Màn hình chính)			Default (Chế độ mặc định) [Mặc định] / Tùy chỉnh
		High Altitude (Điều chỉnh tốc độ quạt)					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
							On (Bật)
		Display Mode Lock (Khoá chế độ hiển thị)					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
							On (Bật)
	Keypad Lock (Khóa bàn phím)					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]	
					On (Bật)		
Information Hide (Ẩn thông tin)					Off (Tắt) [Chế độ mặc định]		
					On (Bật)		
Logo (Biểu tượng)					Default (Chế độ mặc định) [Chế độ mặc định]		
					Neutral (Trung lập)		

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu chính	Menu phụ 1	Menu phụ 2	Menu phụ 3	Menu phụ 4	Giá trị	
Setup (Cài Đặt)	Options (Lựa chọn)	Background Color(Màu nền)			None (Không) [Mặc định cho Video/ Pro-AV]	
					Blue (Lam) [Mặc định cho Mẫu dữ liệu]	
					Red (Đỏ)	
					Green (Lục)	
					Gray (Mức xám)	
					Logo (Biểu tượng)	
	Reset (Thiết lập lại)	Reset OSD (Cài đặt OSD)				Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định]
						Yes (Có)
		Reset to Default (Cài đặt mặc định)				Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định]
						Yes (Có)
Android Reset (Đặt lại Android)				Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định]		
				Yes (Có)		
Info. (Thông tin)	Regulatory (Điều khiển)					
	Serial Number (Số Seri)					
	Source (Nguồn)					
	Resolution (Độ phân giải)				00x00	
	Refresh Rate (Tỉ lệ làm mới)				0,00Hz	
	Display Mode (Chế độ hiển thị)					
	Projector ID (Mã nhận dạng (ID))				00~99	
	Brightness Mode (Chế độ sáng)					
	FW Version (Phiên bản FW)	System (Hệ thống)				
		Android				
		MCU				
	MAC Address (Địa chỉ MAC)					

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu hiển thị

### Menu Cài đặt hình

#### Display Mode (Chế độ hiển thị)

Bạn có thể chọn một vài chế độ hiển thị được định sẵn để có hình ảnh phù hợp với bạn. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt cho nhiều loại nội dung đa dạng.

- **Cinema (Rạp chiếu):** Đem đến cân bằng hoàn hảo nhất giữa chi tiết và màu sắc khi xem phim.
- **HDR:** Đem đến màu sắc chân thực, vượt xa khả năng hiển thị màu của các chế độ hiển thị khác. Chế độ này mã hóa và hiển thị nội dung Dải Tương Phản Động Rộng (HDR) đối với các màu đen sâu nhất, màu trắng sáng nhất và màu sắc điện ảnh sống động bằng gam màu REC.2020.  
**Lưu ý:** Chế độ này sẽ tự động được bật nếu HDR được đặt thành Bật (và nội dung HDR được gửi đến máy chiếu - 4K UHD Blu-ray, trò chơi 1080p / 4K UHD HDR, video phát trực tuyến 4K UHD). Khi chế độ HDR đang hoạt động, tất cả các chế độ hiển thị khác sẽ bị xám mờ.
- **HLG:** Đem đến màu sắc chân thực, vượt xa khả năng hiển thị màu của các chế độ hiển thị khác. Chế độ này mã hóa và hiển thị nội dung Nhật ký lai (HLG) cho màu đen sâu nhất, màu trắng sáng nhất và màu sắc điện ảnh sống động bằng gam màu REC.2020.  
**Lưu ý:**
  - Chế độ này sẽ được bật tự động nếu như HDR được chuyển sang Tự động (và nội dung HLG được truyền tới máy chiếu). Khi chế độ HLG đang hoạt động, tất cả các chế độ hiển thị khác sẽ bị xám mờ.
  - Chỉ HDMI1 và HDMI2 hỗ trợ HLG.
- **HDR SIM.:** Nâng cao nội dung không phải HDR với Dải Tương Phản Động Rộng được mô phỏng (HDR). Chọn chế độ này để nâng cao gamma, độ tương phản và độ bão hòa màu cho nội dung không phải HDR (Truyền phát/Truyền hình cáp 720p và 1080p, 1080p Blu-ray, game không phải HDR, v.v...).  
**Lưu ý:** Chế độ này CHỈ có thể được sử dụng với nội dung không phải HDR.
- **Game (Trò chơi):** Tối ưu hóa máy chiếu của bạn để có độ tương phản tối đa và màu sắc rực rỡ, để bạn có thể nhìn thấy chi tiết bóng khi chơi game.  
**Lưu ý:** Không thể dùng chế độ hiển thị này khi xem video nội dung HDR hoặc chơi game HDR. Để bật độ trễ đầu vào thấp, hãy đảm bảo rằng PC hoặc máy chơi game của bạn kết nối qua HDMI1 và bật Chế độ chơi game nâng cao.
- **Reference (Tham khảo):** Chế độ này tái tạo màu sắc theo sát ý tưởng mà đạo diễn phim mong muốn nhất. Các cài đặt màu, mức độ màu, độ sáng, độ tương phản và gamma đều được định cấu hình theo gam màu Rec.709. Chọn chế độ này để có được màu sắc chuẩn xác nhất để xem phim.
- **Bright (Sáng):** Chế độ này phù hợp cho môi trường mà cần có mức sáng rất cao, như dùng máy chiếu trong căn phòng nhiều ánh sáng.
- **User (Người dùng):** Ghi nhớ cài đặt do người dùng đặt, điều chỉnh cài đặt chế độ hiển thị cho riêng bạn.
- **3D:** Các cài đặt được tối ưu để xem nội dung 3D.  
**Lưu ý:** Để trải nghiệm hiệu ứng 3D, bạn cần có kính tương thích DLP Link 3D. Xem phần 3D để có thêm thông tin.
- **ISF Day (ISF ngày):** Lưu lại các cài đặt hình ảnh đã được tinh chỉnh chuyên nghiệp, tối ưu để xem ban ngày.
- **ISF Night (ISF đêm):** Lưu lại các cài đặt hình ảnh đã được tinh chỉnh chuyên nghiệp, tối ưu để xem lúc tối.
- **ISF 3D:** Lưu lại các cài đặt hình ảnh đã được tinh chỉnh chuyên nghiệp, tối ưu để xem bằng 3D.

#### **Lưu ý:**

- Các chế độ ISF cần phải được tinh chỉnh chuyên nghiệp. Để mở khóa và truy cập các chế độ ISF, bạn sẽ cần phải nhập mã sau bằng điều khiển hoặc bàn phím: Nguồn > Lên > Xuống > Lên > Lên.
- Chế độ ISF chỉ khả dụng ở chế độ Video.
- Nếu HDR hoặc HLG được bật, Cinema (Rạp chiếu), Game (Trò chơi), Reference (Tham khảo), và Bright (Sáng) các tùy chọn bị chuyển sang màu xám.



# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Wall Color

Được thiết kế để điều chỉnh màu của hình ảnh được trình chiếu lên tường mà không có tấm nền. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt. Bạn có thể chọn một vài chế độ được định sẵn để có hình ảnh phù hợp màu tường của bạn. Chọn giữa Off (Tắt), Blackboard (Bảng đen), Light Yellow, Light Green, Light Blue, Pink, và Gray (Mức xám).

**Lưu ý:** Để có màu sắc chính xác, chúng tôi khuyến nghị nên sử dụng màn chiếu.

## Dynamic Range (Dải động)

Định cấu hình cài đặt Dải Động Cao (HDR) và hiệu ứng liên quan khi hiển thị video từ đầu đĩa Blu-ray 4K và thiết bị truyền video.

### ► HDR/HLG

- **Off (Tắt):** Tắt tiến trình xử lý HDR hoặc HLG. Khi đã cài sang Tắt, máy chiếu sẽ KHÔNG giải mã nội dung HDR hoặc HLG.
- **Auto (Tự động):** Tự động phát hiện tín hiệu HDR.

### ► HDR Picture Mode (Chế độ hình HDR)

- **Bright (Sáng):** Chọn chế độ này để màu sắc sáng và bão hòa hơn.
- **Standard (Tiêu chuẩn):** Chọn chế độ này cho các màu trông tự nhiên với sự cân bằng của các tông màu ấm và nguội.
- **Film (Phim):** Chọn chế độ này để cải thiện chi tiết và độ sắc nét hình ảnh.
- **Detail (Chi tiết):** Tín hiệu đến từ việc chuyển đổi OETF để đạt độ phối màu tối ưu và mức độ chi tiết cao nhất.

### ► HLG Picture Mode (Chế độ hình HLG)

- **Bright (Sáng):** Chọn chế độ này để màu sắc sáng và bão hòa hơn.
- **Standard (Tiêu chuẩn):** Chọn chế độ này cho các màu trông tự nhiên với sự cân bằng của các tông màu ấm và nguội.
- **Film (Phim):** Chọn chế độ này để cải thiện chi tiết và độ sắc nét hình ảnh.
- **Detail (Chi tiết):** Tín hiệu đến từ việc chuyển đổi OETF để đạt độ phối màu tối ưu và mức độ chi tiết cao nhất.

### ► HDR Brightness (Độ sáng HDR)

- Điều chỉnh mức độ sáng của HDR.

## Brightness (Độ sáng)

Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.

## Contrast (Độ tương phản)

Độ tương phản điều chỉnh mức độ khác nhau giữa các phần sáng nhất và tối nhất của hình.

## Sharpness (Độ sắc nét)

Điều chỉnh độ sắc nét hình ảnh.

## Color (Màu sắc)

Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.

## Tint (Sắc thái)

Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.

## Gamma

Cài đặt dạng cong gamma. Sau khi hoàn thành thiết lập ban đầu và tinh chỉnh, hãy sử dụng các bước Điều chỉnh gamma để tối ưu hóa đầu ra hình ảnh của bạn.

- **Film (Phim):** Cho nhà hát tại gia.
- **Video:** Cho nguồn video hoặc TV.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

- **Graphics (Đồ họa):** Cho nguồn PC/Ảnh.
- **Standard(2.2) (Tiêu chuẩn(2.2)):** Cho cài đặt chuẩn hóa.
- **1.8 / 2.0 / 2.4 / 2.6:** Cho nguồn PC/Ảnh cụ thể. 2.4 và 2.6 cũng có thể được dùng cho nội dung video và game để có độ tương phản sâu hơn.
- **3D:** Để trải nghiệm hiệu ứng 3D, bạn cần có kính 3D. Đảm bảo PC/thiết bị đi động của bạn đã lắp đặt card đồ họa bốn bộ nhớ đệm tín hiệu đầu ra 120 Hz và Đầu phát 3D.

**Lưu ý:** Các tùy chọn này chỉ có sẵn khi chức năng chế độ 3D đang tắt. Ở chế độ 3D, người sử dụng chỉ có thể chọn "3D" cho cài đặt Gamma.

## Color Settings (Cài đặt màu sắc)

Định cấu hình cài đặt màu sắc.

- **BrilliantColor™:** Mục có thể điều chỉnh này sử dụng thuật toán xử lý màu và tăng cường để cho độ sáng cao hơn mà vẫn tạo ra màu sắc sống động, trung thực trong hình ảnh.
- **Color Temp. (Mức độ màu):** Chọn mức độ màu từ Ấm, Tiêu chuẩn, Mát và Lạnh.
- **Color Matching (Tinh chỉnh màu):** Chọn các tùy chọn sau:
  - Color (Màu sắc): Chỉnh mức Đỏ (R), Lục (G), Lam (B), Xanh ngọc (C), Vàng (Y), Đỏ thẫm (M) và Trắng (W) cho hình.
  - Hue (Màu sắc): Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.
  - Saturation (Độ bão hòa): Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.
  - Gain (Tăng cường): Chỉnh độ sáng hình.
  - Reset (Thiết lập lại): Trở về cài đặt mặc định gốc cho Tinh chỉnh màu.
  - Exit (Thoát): Thoát menu "Color Matching (Tinh chỉnh màu)".
- **RGB Gain/Bias (Tăng cường/Lệch RGB):** Cài đặt này cho phép cài đặt độ sáng (tăng cường) và độ tương phản (độ lệch) của hình.
  - Reset (Thiết lập lại): Trở về cài đặt mặc định gốc cho Tăng cường/Lệch RGB.
  - Exit (Thoát): Thoát menu "RGB Gain/Bias (Tăng cường/Lệch RGB)".
- **Color Space (Không gian màu) (chỉ cho Đầu vào HDMI 1):** Chọn loại khuôn màu thích hợp từ tùy chọn sau: Auto (Tự động), RGB(0-255), RGB(16-235) và YUV.
- **Color Space (Không gian màu) (Chỉ cho HDMI2/Màn hình chính/Component):** Chọn loại khuôn màu thích hợp từ tùy chọn sau: Auto (Tự động), RGB(0-255) và RGB(16-235).

**Lưu ý:** Chức năng Không gian màu không được hỗ trợ nếu nguồn vào là HDMI3.

## Brightness Mode (Chế độ sáng)

Chọn thủ công phần trăm công suất cho chế độ sáng và điều chỉnh cài đặt chế độ sáng.

- **DynamicBlack (Mức đen động):** Dùng để tự động chỉnh độ sáng hình ảnh nhằm đạt hiệu suất độ tương phản tối ưu.
- **Eco.:** Chọn "Eco." để giảm độ sáng đi-ốt laser máy chiếu vốn sẽ giảm thiểu mức tiêu thụ điện và kéo dài tuổi thọ đi-ốt laser.
- **Constant Power (Năng lượng không đổi):** Chọn tỷ lệ nguồn điện cho chế độ độ sáng.
- **Constant Luminance (Độ sáng không đổi):** Độ sáng không đổi thay đổi cường độ độ sáng LD để độ sáng luôn ổn định.

## Reset (Thiết lập lại)

Trở về cài đặt mặc định gốc cho Cài đặt màu sắc.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu chơi game nâng cao

Bật tính năng này để giảm thời gian phản hồi (độ trễ đầu vào) khi chơi game xuống còn 4,5ms\* cho Cổng HDMI 1. Tất cả cài đặt hình học (ví dụ: Keystone, Warping) sẽ bị tắt khi Chế độ chơi game nâng cao được bật. Thông tin chi tiết như ở dưới.

### Lưu ý:

- Chỉ hỗ trợ cho HDMI1.
- \*4,5ms chỉ hỗ trợ cho tín hiệu 1080p 240Hz qua PC chơi game.
- Độ trễ đầu vào của các tín hiệu được mô tả trong bảng sau:
- Các giá trị trong bảng có thể khác nhau một chút.

Định giờ nguồn phát	Trò chơi nâng cao	Đầu ra	Độ phân giải đầu ra	Độ trễ đầu vào
1080p60	Bật	1080p60	1080p	17ms
1080p120	Bật	1080p120	1080p	8,6ms
1080p240	Bật	1080p240	1080p	4,4ms
4K60	Bật	4K60	4K	16,9ms
1080p60	Tắt	1080p60	1080p	33,8ms
1080p120	Tắt	1080p120	1080p	17ms
1080p240	Tắt	1080p240	1080p	8,6ms
4K60	Tắt	4K60	4K	33,7ms

- Vui lòng lưu ý rằng nếu chế độ “Enhanced Gaming (Trò chơi nâng cao)” được bật, các chức năng 3D, Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình), Zoom (Thu phóng), Image Shift (Dịch chuyển hình ảnh) và Geometric Correction (Hiệu chỉnh hình học) sẽ được tắt tự động. Các chức năng và cài đặt này sẽ được khôi phục khi “Chế độ chơi game nâng cao” bị tắt.

## Menu 3D

### 3D Mode (Chế độ 3D)

Dùng tùy chọn này để bật/tắt chức năng chế độ 3D.

### 3D Sync Invert (Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D)

Dùng tùy chọn này để bật/tắt chức năng chuyển đổi đồng bộ 3D.

## Menu Tỉ lệ khung hình

Chọn tỉ lệ khung hình của hình chiếu trong số các tùy chọn sau:

- **4:3:** Định dạng này áp dụng cho nguồn đầu vào 4:3.
- **16:9/21:9/32:9:** Các định dạng này là cho nguồn vào 16:9/21:9/32:9 như HDTV và DVD nâng cao cho TV màn hình rộng.
- **V-Stretch:** Chế độ này kéo giãn hình ảnh 2,35:1 theo chiều dọc, loại bỏ các thanh màu đen.
- **Full screen (Toàn màn hình):** Sử dụng tỷ lệ khung hình 2,0:1 đặc biệt này để hiển thị phim theo cả hai tỷ lệ khung hình 16:9 và 2,35:1 mà không có thanh màu đen ở trên và dưới màn hình.
- **Auto (Tự động):** Tự động chọn định dạng hiển thị phù hợp.

### Lưu ý:

- Thông tin chi tiết về chế độ V-Stretch:
  - Một số DVD định dạng hộp thư không được nâng cao cho tivi khổ 16x9. Trong trường hợp này, hình ảnh trông sẽ không ổn khi hiển thị ở chế độ 16:9. Trong trường hợp này, hãy thử dùng chế độ 4:3 để xem DVD. Nếu nội dung không phải là 4:3 thì sẽ có các thanh đen hiển thị xung quanh hình ảnh ở màn hình 16:9. Đối với loại nội dung này, bạn có thể sử dụng chế độ V-Stretch để lấp đầy hình ảnh trên màn hình 16:9.
  - Nếu bạn sử dụng thấu kính giãn hình lắp ngoài, chế độ V-Stretch này cũng cho phép bạn xem nội dung 2,35:1 (bao gồm nguồn phim DVD và HDTV giãn hình). Chế độ này hỗ trợ tính năng giãn hình rộng được nâng cao cho Hiển thị 16x9 ở hình ảnh rộng 2,35:1. Trong trường hợp này sẽ không có thanh đen nào. Nguồn ánh sáng và độ phân giải dọc được sử dụng đầy đủ.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

- Để sử dụng định dạng Toàn màn hình, hãy làm như sau:
  - Đặt tỷ lệ khung hình màn hình thành 2,0:1.
  - Lựa chọn định dạng "Full screen (Toàn màn hình)".
  - Căn chỉnh chính xác hình ảnh máy chiếu trên màn hình.

## Bảng tỷ lệ UHD 4K:

Màn hình 16:9	480i/p	576i/p	720p	1080i/p	2160p
4x3	Chia tỷ lệ thành 2880 x 2160.				
16x9	Chia tỷ lệ thành 3840 x 2160.				
LBX	Lấy hình ảnh trung tâm 3840 x 1620 và sau đó tăng lên 3840 x 2160 để hiển thị.				
Native (Tự nhiên)	Căn giữa hình chiếu 1:1. Sẽ không thực hiện chia tỷ lệ; độ phân giải hiển thị tùy nguồn vào.				
Auto (Tự động)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu nguồn vào là 4:3 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 2880 x 2160.</li> <li>- Nếu nguồn vào là 16:9 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 3840 x 2160.</li> <li>- Nếu nguồn vào là 15:9 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 3600 x 2160.</li> <li>- Nếu nguồn vào là 16:10 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 3456 x 2160.</li> </ul>				

## Quy tắc tự bố trí:

	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỷ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	3840	2160
4:3	800	600	2880	2160
	1024	768	2880	2160
	1280	1024	2880	2160
	1400	1050	2880	2160
	1600	1200	2880	2160
Laptop màn hình rộng	1280	720	3840	2160
	1280	768	3600	2160
	1280	800	3456	2160
SDTV	720	576	2700	2160
	720	480	3240	2160
HDTV	1280	720	3840	2160
	1920	1080	3840	2160

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu thu phóng

Sử dụng để thu nhỏ hoặc phóng to hình trên màn hình chiếu.

**Lưu ý:** Các cài đặt thu phóng vẫn được giữ lại khi tắt đi và bật lại máy chiếu.

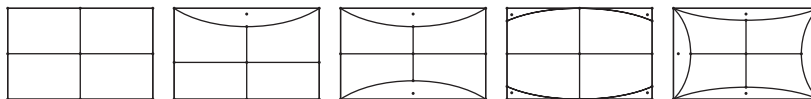
## Menu Chuyển hình

Điều chỉnh vị trí hình chiếu theo chiều ngang (H) hoặc dọc (V).

**Lưu ý:** Kích thước hình sẽ giảm một ít khi chỉnh vuông hình ngang và dọc.

## Menu Hiệu chỉnh hình học

- **Four Corners:** Cài đặt này cho phép hình ảnh được chiếu được điều chỉnh từ mỗi góc để tạo hình ảnh vuông góc khi mặt phẳng chiếu không phẳng.  
**Lưu ý:** Khi điều chỉnh Four Corners, các menu Thu phóng, Tỷ lệ khung hình và Dịch chuyển hình ảnh sẽ bị tắt. Để bật Thu phóng, Tỷ lệ khung hình và Dịch chuyển hình ảnh, đặt lại các cài đặt Four Corners về mặc định ban đầu.
- **H Keystone (Chỉnh vuông ngang):** Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều ngang và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình ngang được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên bên trái và bên phải không đều nhau. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực ngang.
- **V Keystone (Chỉnh hình chiều dọc):** Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều dọc và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình dọc được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên phía trên và dưới bị nghiêng về một bên. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực dọc.
- **Auto Keystone (Tự động chỉnh méo):** Tự động điều chỉnh độ méo hình ảnh do nghiêng máy chiếu.
- **3x3 Warp (Cong 3x3):** Điều chỉnh ảnh bị méo bằng cách sửa 9 điểm.



- **Reset (Thiết lập lại):** Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt hiệu chỉnh hình học.

**Lưu ý:** Khi dùng Chế độ chơi game nâng cao, Four Corner, Chỉnh vuông hình ngang, Chỉnh vuông hình dọc và Cong 3x3 sẽ bị tắt do các cài đặt này gây ảnh hưởng tới độ trễ đầu vào. Nếu bạn có ý định sử dụng Chế độ chơi game nâng cao để có độ trễ đầu vào thấp, chúng tôi khuyến nghị nên cài đặt máy chiếu mà không sử dụng Four Corner, Chỉnh vuông hình ngang, Chỉnh vuông hình dọc và Cong 3x3.

## Menu PureMotion

Sử dụng công nghệ khung hình nội suy tinh tế, PureMotion giảm bóng mờ chuyển động hoặc giật hình, ngay cả trong những phân đoạn hành động nhanh nhẹn. Chọn giữa Off (Tắt), 1, 2, 3 cho các mức làm mượt chuyển động khác nhau.

**Lưu ý:** PureMotion chỉ được hỗ trợ nếu nguồn vào là HDMI3.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu Âm thanh

### Audio Mode (Chế độ âm thanh)

Chọn chế độ âm thanh thích hợp.

Audio Mode (Chế độ âm thanh)	Nguồn tín hiệu vào	
	HDMI 1/HDMI2	HDMI3/HOME
Speaker / Audio Out (Loa/Ngõ ra âm thanh)	PCM	
SPDIF/eARC	<b>SPDIF/ARC:</b> PCM, Dolby Digital, DTS <b>eARC:</b> PCM, Dolby Digital/+, DTS-HD	<b>SPDIF/ARC:</b> PCM, Dolby Digital <b>eARC:</b> PCM, Dolby Digital/+

### **Lưu ý:**

- Chế độ âm thanh đã chọn áp dụng cho tất cả các nguồn.
- Máy chiếu tự động phát hiện chế độ Loa / Đầu ra âm thanh.
- Chức năng eARC chỉ được hỗ trợ nếu nguồn vào là HDMI1 (IT6807).
- Nếu định dạng âm thanh đầu vào hiện tại không phải là PCM, hệ thống sẽ đồng bộ hóa lại sau khi chế độ âm thanh đã thay đổi.
- Nếu thiết bị đầu ra âm thanh không hỗ trợ định dạng âm thanh nguồn đầu vào, thì đầu ra âm thanh sẽ gặp lỗi bất thường.

### Mute (Tắt tiếng)

Dùng tùy chọn này để tạm tắt âm.

- **Off (Tắt):** Chọn "Off (Tắt)" để tắt tiếng.
- **On (Bật):** Chọn "On (Bật)" để mở tiếng.

**Lưu ý:** Chức năng tắt tiếng ảnh hưởng đến cả âm lượng loa trong và loa ngoài.

### Volume (Âm lượng)

Chỉnh mức âm lượng.

### Digital Output Format (Định dạng đầu ra kỹ thuật số)

Chọn định dạng đầu ra kỹ thuật số thích hợp.

### **Lưu ý:**

- Chỉ có thể chọn định dạng đầu ra kỹ thuật số nếu chế độ âm thanh được đặt thành SPDIF/eARC:
- Chế độ âm thanh kỹ thuật số chỉ được hỗ trợ nếu nguồn vào là HDMI3 (848).

### Audio Delay (Trễ âm thanh)

Chọn độ trễ âm thanh loa trong.

### **Lưu ý:**

- Chỉ có thể chọn định dạng đầu ra kỹ thuật số nếu chế độ âm thanh được đặt thành SPDIF/eARC:
- Chế độ âm thanh kỹ thuật số chỉ được hỗ trợ nếu nguồn vào là HDMI3 (848).

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu thiết lập

### Projection (Trình chiếu)

Chọn trình chiếu ưa thích giữa phía trước, phía sau, trần-phía trên và phía sau-phía trên.

### Power Settings (Điều chỉnh nguồn)

Định cấu hình cài đặt nguồn.

- **Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp):** Chọn "On (Bật)" để kích hoạt chế độ Nguồn trực tiếp. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi được có nguồn điện AC mà không cần ấn nút "Nguồn" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.
- **Signal Power On (Bật nguồn tín hiệu):** Chọn "On (Bật)" để kích hoạt chế độ Nguồn tín hiệu. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi tín hiệu đã được phát hiện, mà không cần nhấn phím "Nguồn" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

#### **Lưu ý:**

- Chức năng này khả dụng với các nguồn VGA và HDMI.
- Chỉ có thể sử dụng Bật nguồn tín hiệu cho một cổng HDMI tại một thời điểm. Bật nguồn tín hiệu sẽ không hoạt động nếu có nhiều hơn một thiết bị nguồn được kết nối với máy chiếu. Nếu nhiều thiết bị nguồn được sử dụng với Bật nguồn tín hiệu, vui lòng sử dụng Bộ chuyển HDMI.
- **Auto Power Off (min) (Tắt nguồn (phút)):** Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).
- **Hẹn giờ ngủ (phút):** Cấu hình bộ hẹn giờ ngủ.
  - Hẹn giờ ngủ (phút): Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi có hoặc không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

**Lưu ý:** Hẹn giờ tắt máy sẽ được cài lại mỗi khi tắt nguồn máy chiếu.

- **Always On (Luôn Bật):** Chọn để luôn bật bộ hẹn giờ ngủ.
- **Power Mode (Standby) (Chế độ nguồn (Chờ)):** Thiết lập cài đặt chế độ nguồn.
  - Active (Hoạt động) (SmartHome): Chọn "Active (Hoạt động) (SmartHome)" để trở về chế độ chờ bình thường.
  - Eco.: Chọn "Eco." để tiết kiệm thêm mức phân tán điện < 0,5W.
- **USB Power (Standby) (Nguồn USB (Chế độ chờ)):** Bật hoặc tắt chức năng nguồn USB khi máy chiếu đang ở chế độ chờ.

### Security (Bảo mật)

Thiết lập cài đặt bảo mật.

- **Security (Bảo mật):** Bật chức năng này để nhắc nhập mật khẩu trước khi sử dụng máy chiếu.
  - Off (Tắt): Chọn "Off (Tắt)" để có thể bật máy chiếu mà không cần xác minh mật khẩu.
  - On (Bật): Chọn "On (Bật)" để sử dụng xác minh bảo mật khi bật máy chiếu.

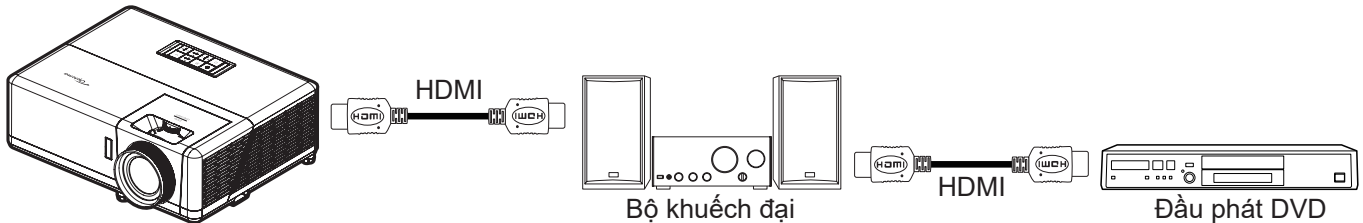
**Lưu ý:** Mật khẩu mặc định là 1234

- **Security Timer (Bộ đếm thời gian an toàn):** Có thể chọn chức năng thời gian (Month (Tháng) /Day (Ngày) /Hour (Giờ) ) để đặt số giờ máy chiếu có thể được sử dụng. Một khi thời gian này đã qua, bạn sẽ được yêu cầu nhập lại mật khẩu.
- **Change Password (Đổi mật khẩu):** Dùng để đặt hoặc sửa đổi mật khẩu khi bật máy chiếu.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## HDMI Link Settings (Thiết lập liên kết HDMI)

**Lưu ý:** Khi kết nối các thiết bị tương thích chuẩn HDMI CEC với máy chiếu bằng các cáp HDMI, bạn có thể kiểm soát chúng trên cùng tình trạng **Bật nguồn** hoặc **Tắt nguồn** qua tính năng kiểm soát Liên kết HDMI trên menu OSD của máy chiếu. Tùy chọn này cho phép bật nguồn hoặc tắt nguồn một thiết bị hoặc nhiều thiết bị trong một nhóm qua Tính năng Liên kết HDMI trong cấu hình chuẩn và đầu phát DVD của bạn có thể được kết nối với máy chiếu thông qua bộ âm li hoặc hệ thống nhà hát tại gia.



- **HDMI Link (Liên kết HDMI):** Bật/tắt chức năng Liên kết HDMI.
- **Inclusive of TV (Bao gồm TV):** Nếu được đặt thành "Yes (Có)" thì sẽ có tùy chọn liên kết bật nguồn và tắt nguồn..
- **Power On Link (Liên kết cho bật nguồn):** Lệnh bật nguồn CEC.
  - Mutual (Liên kết tương hỗ): Cả máy chiếu và thiết bị CEC sẽ được bật cùng một lúc.
  - PJ --> Device (Máy chiếu -> Thiết bị): Thiết bị CEC sẽ chỉ được bật sau khi máy chiếu được bật.
  - Device --> PJ (Thiết bị -> Máy chiếu): Máy chiếu sẽ chỉ được bật sau khi thiết bị CEC được bật.
- **Power Off Link (Liên kết cho tắt nguồn):** Bật chức năng này để tự động tắt cả Liên kết HDMI và máy chiếu cùng một lúc.

## Test Pattern (Mẫu thử)

Chọn mẫu thử nghiệm từ lưới xanh lục, lưới đỏ tươi, lưới trắng, trắng hoặc tắt chức năng này (tắt).

## Remote Settings (Thiết lập điều khiển)

- **IR Function (Chức năng IR):** Đặt cài đặt chức năng IR.
  - On (Bật): Khi chọn "On (Bật)", máy chiếu có thể được vận hành bằng điều khiển từ xa từ bộ thu IR phía trên và phía trước.
  - Off (Tắt): Khi chọn "Off (Tắt)" thì không thể điều khiển máy chiếu bằng điều khiển từ xa được nữa. Khi chọn "Off (Tắt)", bạn sẽ có thể sử dụng các phím Bàn phím.

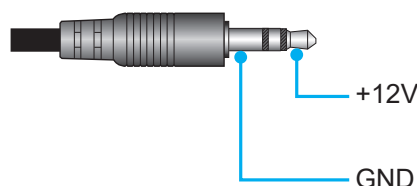
## Projector ID (Mã nhận dạng (ID))

Có thể thiết lập định nghĩa Mã nhận dạng (ID) qua menu (biên độ từ 0-99), và cho phép người dùng điều khiển máy chiếu cá nhân bằng lệnh RS232.

## 12V Trigger (Bộ khởi động 12V)

Dùng chức năng này để bật hoặc tắt bộ khởi động.

**Lưu ý:** Giắc cắm mini 3,5mm dẫn dòng điện ra 12V 500mA (tối đa) để điều khiển hệ thống role.



- **On (Bật):** Chọn "On (Bật)" để bật trigger (bộ khởi động).
- **Off (Tắt):** Chọn "Off (Tắt)" để tắt bộ khởi động.



# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Options (Lựa chọn)

Thiết lập các tùy chọn của máy chiếu

- **Language (Ngôn ngữ):** Chọn menu OSD đa ngôn ngữ cho tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Trung giản thể, tiếng Trung phồn thể, tiếng Nhật, tiếng Hàn và tiếng Nga.
- **Menu Settings (Tùy chỉnh Menu):** Đặt vị trí menu trên màn hình và định cấu hình cài đặt hẹn giờ menu.
  - Menu Location (Vị trí thực đơn): Chọn vị trí menu trên màn hình hiển thị.
  - Menu Timer (Đồng hồ menu): Cài thời lượng nơi mà menu OSD vẫn hiển thị trên màn hình.
- **Auto Source (Dò nguồn tự động):** Chọn tùy chọn này để cho phép máy chiếu tự động tìm nguồn đầu vào khả dụng.
- **Input Source (Nguồn tín hiệu vào):** Chọn nguồn đầu vào là HDMI1, HDMI2, HDMI3 hoặc Home (Màn hình chính) .
- **Input Name (Nhập tên):** Dùng để đổi tên nguồn vào để dễ nhận dạng hơn. Các tùy chọn có sẵn bao gồm HDMI1, HDMI2, HDMI3 và Home (Màn hình chính) .
- **High Altitude (Điều chỉnh tốc độ quạt):** Khi chọn "On (Bật)", các quạt sẽ quay mạnh hơn. Tính năng này hữu ích tại các khu vực có nhiều độ cao nơi mà ít không khí.
- **Display Mode Lock (Khóa chế độ hiển thị):** Chọn "On (Bật)" hoặc "Off (Tắt)" để khóa hoặc mở khóa chức năng chỉnh cài đặt chế độ hiển thị.
- **Keypad Lock (Khóa bàn phím):** Khi chức năng khóa bàn phím là "On (Bật)", bàn phím sẽ bị khóa. Tuy nhiên, bạn có thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn "Off (Tắt)", bạn sẽ có thể sử dụng lại Bàn phím.
- **Information Hide (Ẩn thông tin):** Bật chức năng này để ẩn thông báo thông tin.
  - **Off (Tắt):** Chọn "Off (Tắt)" để hiển thị thông báo "đang tìm kiếm".
  - **On (Bật):** Chọn "On (Bật)" để ẩn thông tin.
- **Logo (Biểu tượng):** Sử dụng chức năng này để đặt màn hình khởi động mong muốn. Nếu thực hiện các thay đổi, chúng sẽ có hiệu lực ở lần bật máy chiếu tiếp theo.
  - **Default (Chế độ mặc định):** Màn hình khởi động mặc định.
  - **Neutral (Trung lập):** Logo sẽ không hiển thị trên màn hình khởi động.
- **Background Color (Màu nền):** Sử dụng chức năng này để hiển thị màu xanh lam, đỏ, xanh lục, xám, logo hoặc trống khi không có tín hiệu.

## Reset (Thiết lập lại)

Đặt lại máy chiếu.

- **Reset OSD (Cài đặt OSD):** Trả lại cài đặt mặc định của nhà sản xuất cho cài đặt menu OSD.
- **Reset to Default (Cài đặt mặc định):** Trả lại cài đặt mặc định của nhà sản xuất cho tất cả các cài đặt.
- **Android Reset (Đặt lại Android):** Trả lại cài đặt mặc định ban đầu cho cài đặt Android.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu Thông tin

Xem thông tin máy chiếu như liệt kê sau đây:

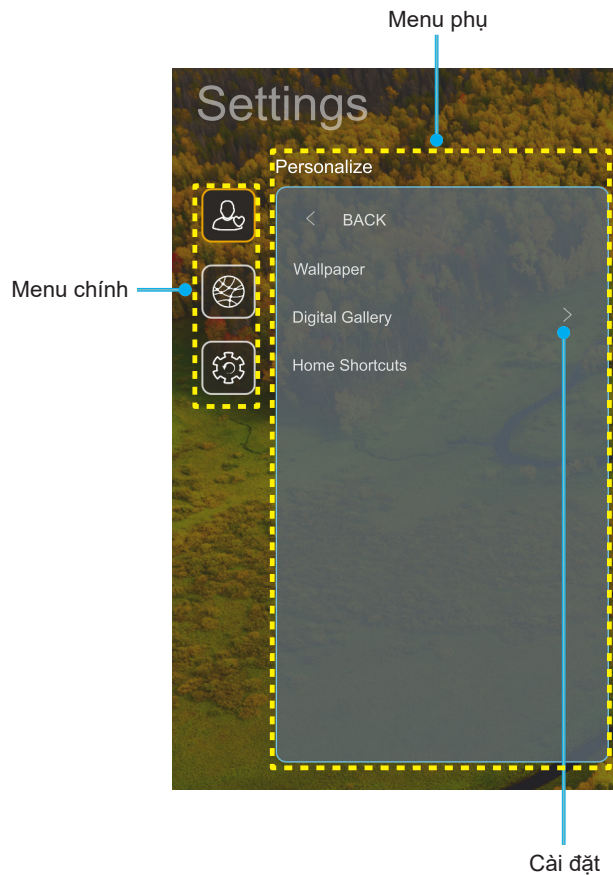
- Regulatory (Điều khiển)
- Serial Number (Số Seri)
- Source (Nguồn)
- Resolution (Độ phân giải)
- Refresh Rate (Tỉ lệ làm mới)
- Display Mode (Chế độ hiển thị)
- Projector ID (Mã nhận dạng (ID))
- Brightness Mode (Chế độ sáng)
- FW Version (Phiên bản FW)
- MAC Address (Địa chỉ MAC)

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu cài đặt hệ thống

Trên màn hình chính, chọn menu cài đặt hệ thống “**⚙️**” để định cấu hình nhiều cài đặt hệ thống khác nhau.

### Điều hướng menu chung



1. Khi menu cài đặt hệ thống hiển thị, hãy sử dụng các nút điều hướng lên hoặc xuống để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Trong khi thực hiện lựa chọn trên một trang cụ thể, nhấn nút “**OK**” hoặc “**Phải**” trên điều khiển từ xa để vào menu phụ.
2. Nhấn nút “**Trái**” và “**Phải**” để chọn mục menu mong muốn. Sau đó nhấn “**OK**” để mở menu phụ liên quan.
3. Nhấn nút “**Trên**” và “**Dưới**” để chọn mục mong muốn trong menu phụ.
4. Nhấn nút “**OK**” hoặc “**Phải**” để truy cập cài đặt mục menu phụ vừa chọn.
5. Nhấn nút “**Trên**”, “**Dưới**”, “**Trái**” hoặc “**Phải**” để chọn cài đặt hoặc nhấn nút “**Trái**” và “**Phải**” để chỉnh giá trị đó (nếu cần).
6. Nhấn “**OK**” để xác nhận cài đặt.
7. Chọn mục cần điều chỉnh tiếp theo trong menu phụ và sửa đổi như mô tả ở trên.
8. Để thoát, nhấn “**↩**” (nhiều lần nếu cần). Menu cài đặt sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Sơ đồ menu cài đặt hệ thống

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị	
Personalize (Cá nhân hóa)	Wallpaper (Hình nền)	Phong cách Optoma...			
	Home Shortcuts (Phím Tắt Trang Chủ)	Phím tắt 1		Ứng dụng/Nguồn vào	
		Phím tắt 2		Ứng dụng/Nguồn vào	
		Phím tắt 3		Ứng dụng/Nguồn vào	
		Phím tắt 4		Ứng dụng/Nguồn vào	
		Phím tắt 5		Ứng dụng/Nguồn vào	
		Phím tắt 6		Ứng dụng/Nguồn vào	
	Digital Gallery (Bộ sưu tập ảnh kỹ thuật số)	Digital Gallery (Bộ sưu tập ảnh kỹ thuật số)		Off (Tắt)	
				On (Bật)	
		Start after (Bắt đầu sau)		3mins (3 phút)	
			5mins (5 phút)		
			10mins (10 phút)		
Network (Mạng)	Wireless (Không dây)	Wi-Fi		Off (Tắt)	
				On (Bật) [Chế độ mặc định]	
		Enter password for (Nhập mật khẩu cho) [Tên Wi-Fi] (Khi nhập mật khẩu)		[Hộp thoại bật lên] - Tiêu đề: Enter password for (Nhập mật khẩu cho) [Tên Wi-Fi] - Phụ đề: Password (Mật khẩu) - Nhập liệu: (Nhập văn bản) - Ô kiểm: Show password (Hiển thị mật khẩu) - Nút: "Cancel (Hủy)"/ "OK"	
		Internet Connection (Kết nối internet)			
		IP Address (Địa chỉ IP)			
		MAC Address (Địa chỉ MAC)			
		Signal Strength (Cường độ tín hiệu)			
		Proxy Settings (Cài đặt proxy)	None (Không)		
			Manual (Thủ công)		[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Enter a valid hostname. (Nhập tên máy chủ hợp lệ.) Phụ đề: Proxy hostname (Tên máy chủ proxy) Gợi ý nhập liệu: proxy.example.com Nút: "Cancel (Hủy)"/ "OK"
			IP Settings (Cài đặt IP)		DHCP Static (Tĩnh) [Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Enter a valid IP address. (Nhập địa chỉ IP hợp lệ.) Phụ đề: IP Address (Địa chỉ IP) Gợi ý nhập liệu: 192.168.1.128 Nút: "Cancel (Hủy)"/ "OK"
		Cancel (Hủy)			
		Forget (Quên)		[Hộp thoại bật lên] Gợi ý: [Tên Wi-Fi] Tiêu đề: Forget network (Quên mạng) Nội dung: Your device will no longer join this Wi-Fi network. (Thiết bị của bạn không còn kết nối với mạng Wi-Fi này.) Nút: "Cancel (Hủy)"/ "OK"	

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị	
Network (Mạng)	Wireless (Không dây)	Other Options (Tùy chọn khác)	Connect via WPS (Kết nối qua WPS)		
			Connect via WPS (Enter PIN) (Kết nối qua WPS (Nhập mã PIN))		
			Add New Network (Thêm mạng mới)	[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Enter the name for Wi-Fi network (Nhập tên mạng Wi-Fi) Nhập liệu: (Nhập văn bản) Nút: <b>"Cancel (Hủy)"/ "OK"</b>	
				[Hộp thoại bật lên] Nội dung: Type of security (Kiểu bảo mật) Nút: None (Không), WEP, WPA/WPA2 PSK, 802.1xEAP	
			Portable Hotspot (Hotspot di động)	Portable Wi-Fi Hotspot (Hotspot Wi-Fi di động)	Off (Tắt)
					On (Bật)
				Network name (Tên mạng)	[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Rename network (Đổi tên mạng) Nhập liệu: (Nhập văn bản) Nút: <b>"Cancel (Hủy)"/ "OK"</b>
				Security (Bảo mật)	[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Type of security (Kiểu bảo mật) Nút: None (Không), WPA2 PSK
			Password (Mật khẩu)	[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Change Password (Đổi mật khẩu) Nhập liệu: (Nhập văn bản) Mô tả: The password must have at least 8 characters. (Mật khẩu phải có ít nhất 8 ký tự.) Ô kiểm: Show password (Hiển thị mật khẩu) Nút: <b>"Cancel (Hủy)"/ "OK"</b>	
			Ethernet	Network Status (Trạng thái mạng)	
	MAC Address (Địa chỉ MAC)			(chỉ đọc)	
	Proxy Settings (Cài đặt proxy)	None (Không)			
		Manual (Thủ công)		Proxy hostname (Tên máy chủ proxy)	
				Port (Cổng) bypass proxy domains (tên miền proxy nhánh)	
	IP Settings (Cài đặt IP)	DHCP			
Static (Tĩnh)		IP Address (Địa chỉ IP)			
		Gateway			
		Network Prefix Length (Độ dài tiền tố mạng)			
	DNS1 DNS2				
Reset (Thiết lập lại)					

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

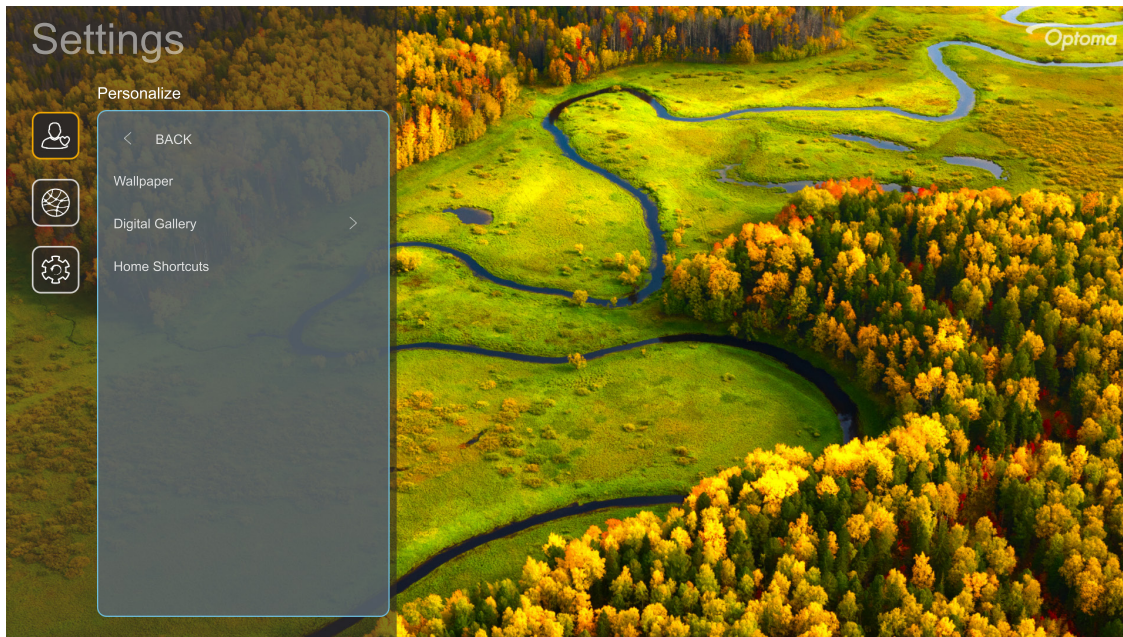
Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị	
System (Hệ thống)	Keyboard (Bàn phím)				
	Date and Time (Ngày giờ)	Select time zone (Lựa chọn)			-12:00, -11:00, -10:00, -09:30, -09:00, -08:00, -07:00, -06:00, -05:00, -04:00, -03:30, -03:00, -02:00, -01:00, 00:00, +01:00, +02:00, +03:00, +03:30, +04:00, +04:30, +05:00, +05:30, +05:45, +06:00, +06:30, +07:00, +08:00, +08:30, +8:45, +09:00, +09:30, +10:00, +10:30, +11:00, +12:00, +12:45, +13:00, +14:00
		Daylight Saving Time (Giờ mùa hè)			On (Bật) Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
		Use 24-hour format (Dùng định dạng 24 giờ)			On (Bật) Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
		System Update (Cập nhật hệ thống)			
	Internal Storage (Bộ nhớ trong)				
	Legal (Pháp lý)	Terms and Conditions of Use (Điều khoản và điều kiện sử dụng)			
		Privacy Policy (Chính sách quyền riêng tư)			
		Cookies Policy (Chính sách cookie)			
		Open Source License (Giấy phép nguồn mở)			
Control (Điều khiển)	LAN Control (Điều khiển LAN)	Smart Home (Ngôi nhà thông minh)		Off (Tắt) [Chế độ mặc định] On (Bật)	

## Lưu ý:

- Các chức năng sẽ khác nhau tùy vào định nghĩa của từ mẫu máy chiếu.
- Tắt Ngôi nhà thông minh sẽ tắt khả năng bật nguồn máy chiếu bằng Alexa Smart Home hoặc lệnh “power on” (bật nguồn) của Google Action (ví dụ: Alexa, bật máy chiếu).

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Cá nhân hóa menu



### Home Shortcuts (Phím Tắt Trang Chủ)

Xem lại các phím tắt trên màn hình chính của mọi ứng dụng đã mở trong mỗi nguồn tin hiệu vào. Các mục không thể lặp lại ngoại trừ tùy chọn "Tự động" - nghĩa là hệ thống sẽ ghi nhớ tối đa sáu ứng dụng mới nhất đã được mở và sau đó sẽ thay thế các phím tắt ứng dụng để ứng dụng mới nhất sẽ nằm trên đầu danh sách trong khi các ứng dụng khác trong danh sách được dịch chuyển theo một vị trí.

### Screensaver (Bảo vệ màn hình)

Làm trống màn hình khi máy chiếu đang ở chế độ chờ sau một khoảng thời gian dài.

- **Screensaver (Bảo vệ màn hình):** Chọn "On (Bật)" để bật chức năng Bảo vệ màn hình.
- **Start after (Bắt đầu sau):** Đặt thời gian chờ trước khi kích hoạt chức năng Bảo vệ màn hình.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu mạng



### Wireless (Không dây)

Định cấu hình cài đặt mạng không dây.

- **Wi-Fi:** Cài tùy chọn Wi-Fi sang “On (Bật)” để bật tính năng mạng không dây.
- **Available Networks (Mạng khả dụng):** Chọn Bộ thu phát không dây mong muốn và nhập hoặc định cấu hình các thông số kết nối cần thiết (nếu cần), ví dụ: mật khẩu, cài đặt proxy và địa chỉ IP. Để biết thông tin, bạn có thể xem lại cường độ tín hiệu.  
Chọn “Cancel (Hủy)” để trở về menu Mạng mà không cần lưu các cài đặt. Chọn “Forget (Quên)” để xóa cấu hình mạng không dây.  
**Lưu ý:** Bất cứ khi nào bạn cần nhập các biểu tượng, hệ thống sẽ tự động bật lên bàn phím ảo.
- **Other Options (Tùy chọn khác):** Định cấu hình cài đặt mạng không dây nâng cao, chẳng hạn như “Connect via WPS (Kết nối qua WPS)”, “Connect via WPS (Enter PIN) (Kết nối qua WPS (Nhập mã PIN))”, “Add New Network (Thêm mạng mới)” (hãy nhập tên mạng theo cách thủ công) và “Portable Hotspot (Hotspot di động)” (định cấu hình máy chiếu để hoạt động như một Access Point không dây cho các thiết bị khác).

### Ethernet

Định cấu hình cài đặt mạng.

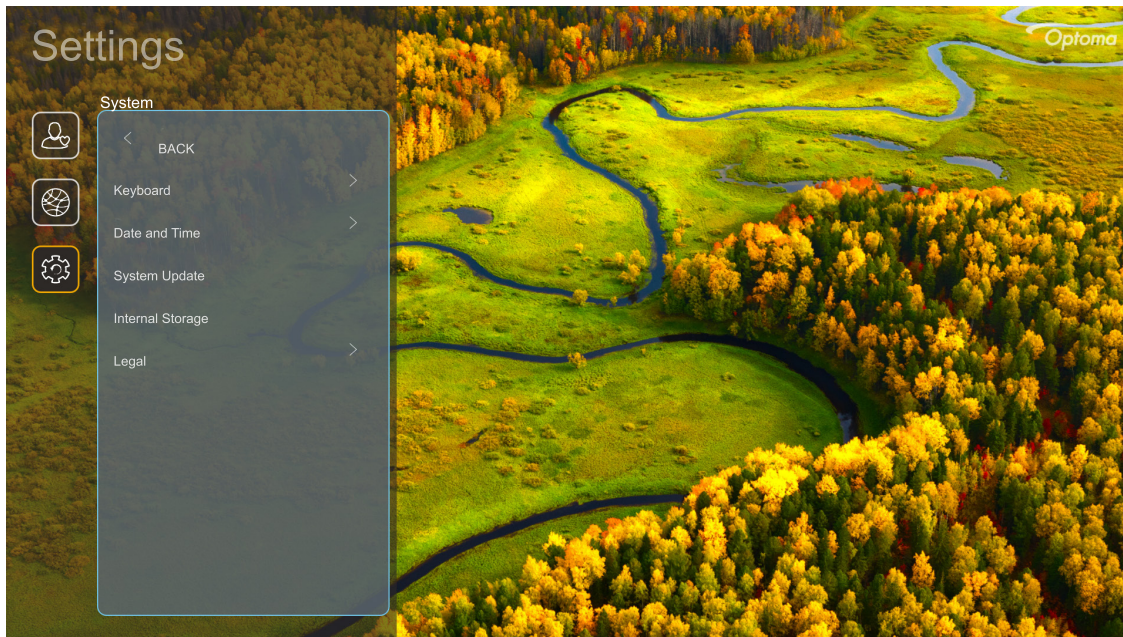
**Lưu ý:** Đảm bảo bạn đã kết nối máy chiếu với mạng cục bộ (LAN). Hãy tham khảo trang 16.

- **Status (Trạng thái):** Hiển thị tình trạng kết nối mạng (chỉ đọc).
- **MAC Address (Địa chỉ MAC):** Hiển thị địa chỉ MAC (chỉ đọc).
- **Proxy Settings (Cài đặt proxy):** Cung cấp thông tin tên máy chủ proxy, cổng kết nối và tên miền proxy nhánh theo cách thủ công nếu được yêu cầu.
- **IP Settings (Cài đặt IP):** Bật DHCP nếu bạn muốn máy chiếu tự động nhận địa chỉ IP và các thông số kết nối khác từ mạng. Tắt DHCP nếu bạn muốn gán địa chỉ IP, cổng, độ dài mã đầu mạng và các thông số DNS theo cách thủ công.
- **Reset (Thiết lập lại):** Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt mạng.



# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Menu hệ thống



### **Keyboard (Bàn phím)**

Chọn ngôn ngữ bàn phím.

### **Date and Time (Ngày giờ)**

Định cấu hình cài đặt ngày giờ.

- **Select time zone (Lựa chọn):** Chọn múi giờ tại địa điểm của bạn.
- **Daylight Saving Time (Giờ mùa hè):** Đặt thành "On (Bật)" nếu khu vực bạn sống sử dụng Quy ước giờ mùa hè.
- **Use 24-hour format (Dùng định dạng 24 giờ):** Đặt thành "On (Bật)" để hiển thị thời gian theo định dạng 24 giờ. Cài sang "Off (Tắt)" để hiển thị thời gian theo định dạng 12 giờ (Sáng/Tối).

### **System Update (Cập nhật hệ thống)**

Hệ thống sẽ tự động dò tìm các bản cập nhật mỗi khi máy chiếu được kết nối với Internet (OTA).

### **Internal Storage (Bộ nhớ trong)**

Xem không gian lưu trữ nội bộ còn lại.

### **Legal (Pháp lý)**

Hãy xem lại các tài liệu pháp lý bao gồm "Terms and Conditions of Use (Điều khoản và điều kiện sử dụng)", "Privacy Policy (Chính sách quyền riêng tư)" và "Cookies Policy (Chính sách cookie)".

**Lưu ý:** Bạn cũng có thể xem lại các tài liệu pháp lý qua mạng. Hãy tham khảo các địa chỉ web sau:

- **Terms and Conditions of Use (Điều khoản và điều kiện sử dụng):** <https://www.optoma.com/terms-conditions/>.
- **Cookies Policy (Chính sách cookie):** <https://www.optoma.com/cookies-policy/>.
- **Privacy Policy (Chính sách quyền riêng tư):** <https://www.optoma.com/software-privacy-policy/>.
- **Open Source License (Giấy phép nguồn mở)**

## Menu Điều khiển

### **LAN Control (Điều khiển LAN)**

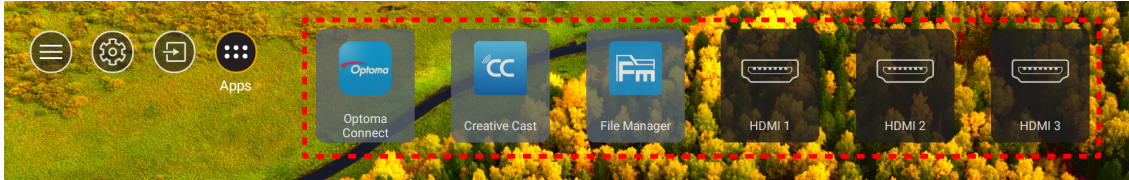
- **Smart Home (Ngôi nhà thông minh):** Đặt thành "Off (Tắt)" để tắt mọi nút điều khiển qua "IoT", kể cả "InfoWall".


# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

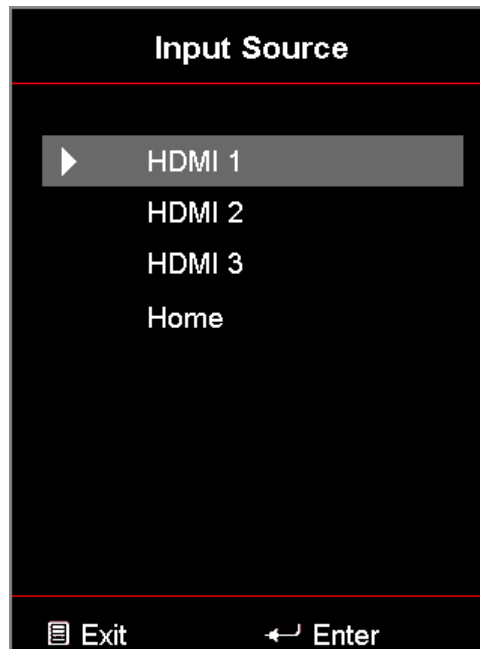
## Chọn nguồn vào

Bạn có thể chọn bất kỳ nguồn đầu vào nào trực tiếp trên màn hình chính bằng phím tắt đầu vào.

**Lưu ý:** Bạn có thể cá nhân hóa cài đặt phím tắt trong “Menu cài đặt hệ thống → Personalize (Cá nhân hóa) → Home Shortcuts (Phím Tắt Trang Chủ)”. Bạn cũng có thể sửa đổi trình tự phím tắt trên màn hình chính.



Nếu nguồn đầu vào mong muốn không hiển thị trên màn hình chính, chọn “” để xem mọi tùy nhận đầu vào. Sau đó chọn nguồn tín hiệu vào hoặc chọn "Màn hình chính" để quay lại màn hình chính.

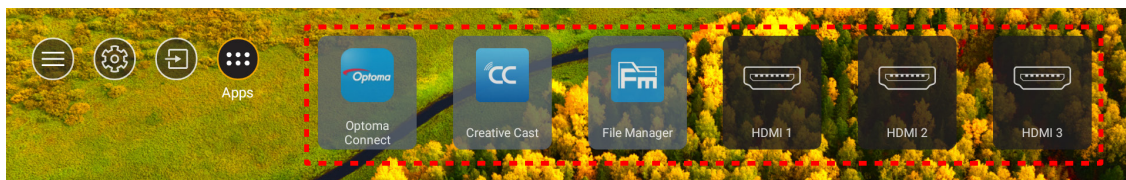



# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

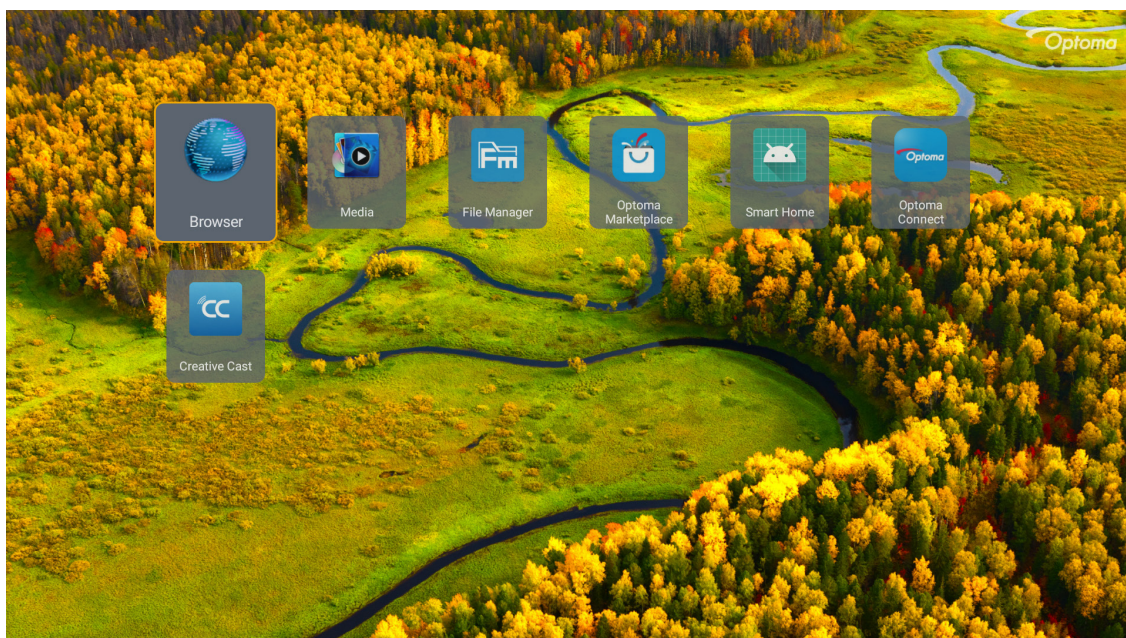
## Chọn ứng dụng

Bạn có thể chọn bất kỳ ứng dụng nào trực tiếp trên màn hình chính bằng phím tắt ứng dụng.

**Lưu ý:** Bạn có thể cá nhân hóa cài đặt phím tắt trong “Menu cài đặt hệ thống → Personalize (Cá nhân hóa) → Home Shortcuts (Phím Tắt Trang Chủ)”.



Nếu ứng dụng mong muốn không hiển thị trên màn hình chính, chọn “” để xem mọi ứng dụng đã cài đặt. Sau đó chọn ứng dụng mong muốn.



# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

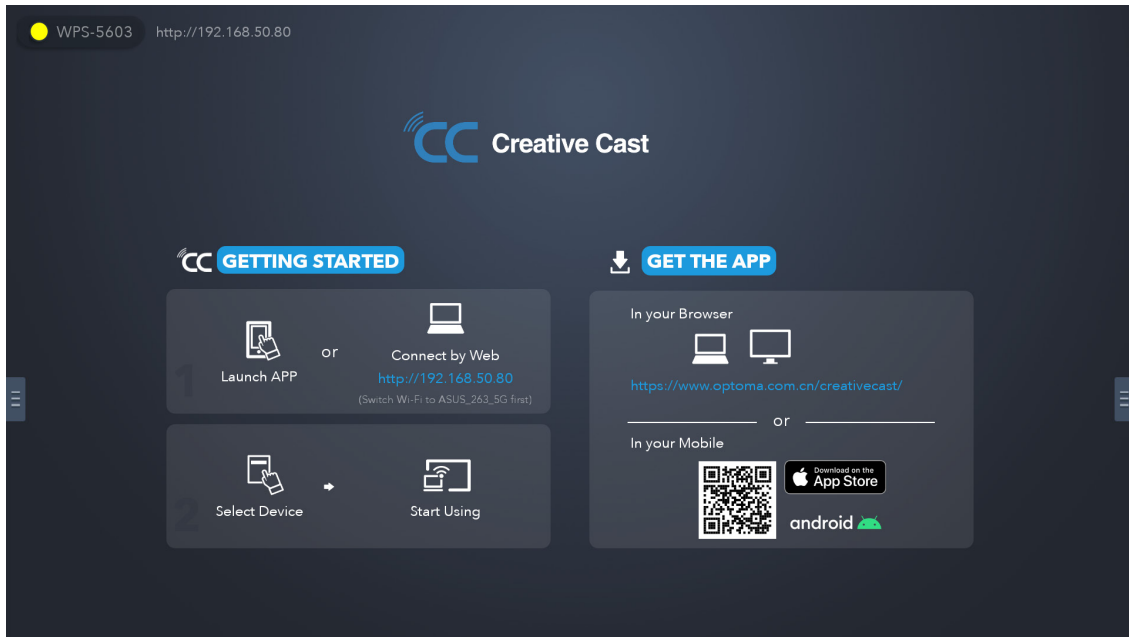
## Creative Cast

Để nhận App, bạn có thể:

- nếu bạn dùng thiết bị di động, hãy quét mã QR trên màn hình.
- nếu bạn dùng máy tính, hãy đi tới đường dẫn.

Sau đó cài đặt ứng dụng Creative Cast trên máy tính của bạn hoặc trên thiết bị di động.

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo rằng máy tính hoặc thiết bị di động của bạn cũng được kết nối cùng mạng Wi-Fi với máy chiếu. Sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình để vận hành App.

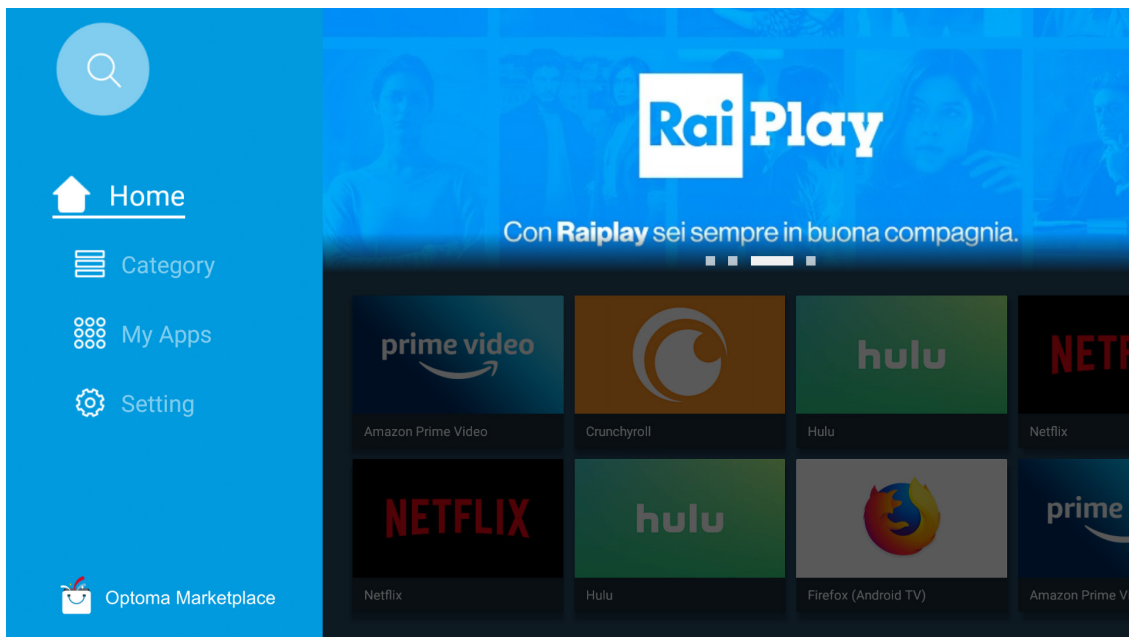


**Lưu ý:** Đối với kích hoạt lần đầu cho chức năng trình chiếu màn hình của iOS, hãy đảm bảo rằng máy chiếu được kết nối mạng, sau đó chạy app Creative Cast. Bạn chỉ cần phải thực hiện bước kích hoạt này một lần, và sau khi đã thiết lập kết nối lần đầu, những lần sau bạn sẽ không cần phải mở ứng dụng Creative Cast để sử dụng chức năng trình chiếu màn hình của iOS nữa.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

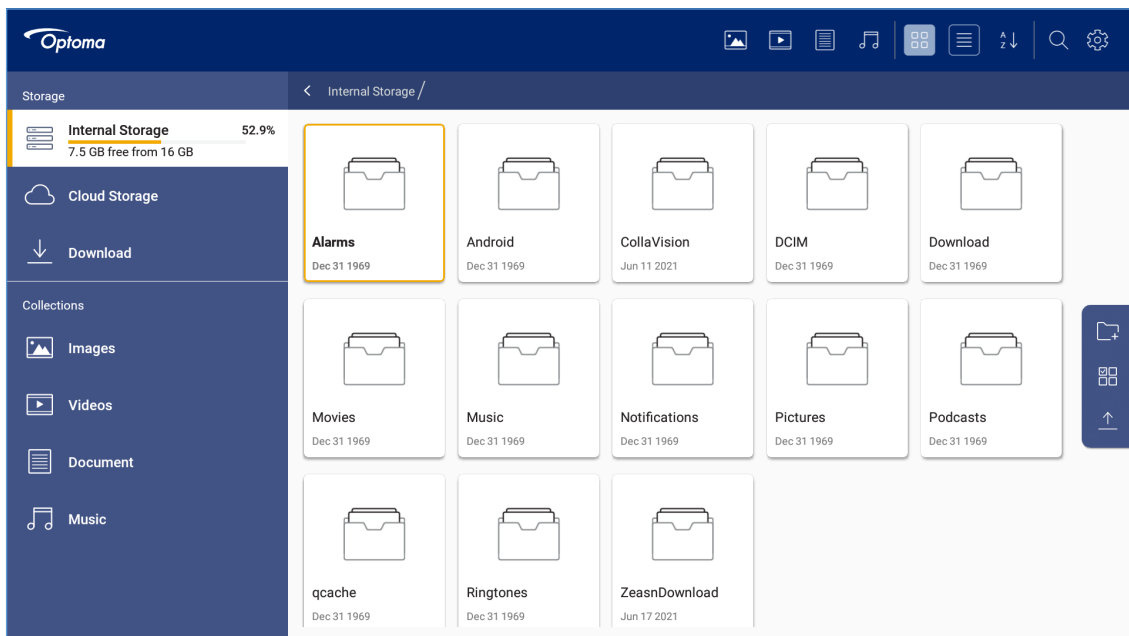
## Optoma Marketplace

Với ứng dụng Optoma Marketplace, bạn có thể tìm và cài đặt bất cứ App nào.



## Quản lý tệp tin

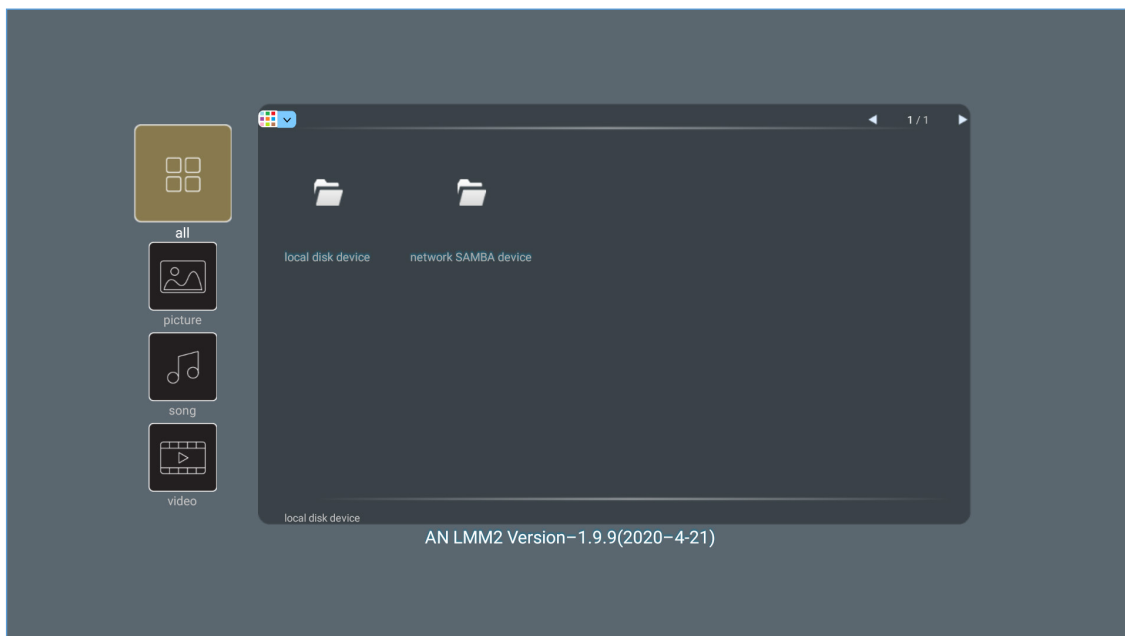
Với app Quản lý tệp tin, bạn có thể quản lý các tệp được lưu trữ trong bộ nhớ trong, bộ nhớ gắn ngoài và lưu trữ đám mây.



# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Phương tiện

Với app Đa phương tiện, bạn có thể phát các tập tin đa phương tiện bằng cách cắm thiết bị lưu trữ USB chứa nội dung đa phương tiện với máy chiếu. Sau đó mở ứng dụng trình phát đa phương tiện và chọn các tập tin cần phát.



# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Các định dạng đa phương tiện hỗ trợ

Nếu bạn muốn phát các tập tin đa phương tiện, hãy cắm thiết bị lưu trữ USB chứa nội dung đa phương tiện với máy chiếu. Sau đó mở ứng dụng trình phát đa phương tiện và chọn các tập tin cần phát.

Máy chiếu hỗ trợ các định dạng đa phương tiện sau:

Loại media	Trình giải mã	Các định dạng tập tin hỗ trợ
Video	H.263	MOV
		3GP
		AVI
		MKV
	H.264	FLV
		MP4
		MOV
		3GP
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
		ASF
		WMV
		AVI
		MKV
		HEVC/H.265
	MOV	
	Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)	
	MKV	
	MPEG1/2	Luồng chương trình MPEG (.DAT / .VOB / .MPG / .MPEG)
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
		MP4
		AVI
		MKV
	MPEG4	MP4
		MOV
		3GP
		AVI
		MKV
	JPEG động	AVI
		MP4
		MOV
AVS	MP4	
VC1	WMV	

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Loại media	Trình giải mã	Các định dạng tập tin hỗ trợ
Âm thanh	MPEG1/2 Lớp 2	AVI
		Matroska (MKV, MKA)
		MP4
		MOV
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
		Luồng chương trình MPEG (.DAT / .VOB / .MPG / .MPEG)
	MPEG1/2/2.5 Lớp 3	MP3
		Matroska (MKV, MKA)
		MP4
	MPEG1/2/2.5 Lớp 3	MOV
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
		Luồng chương trình MPEG (.DAT / .VOB / .MPG / .MPEG)
	AC3	AC3
		Matroska (MKV, MKA)
		MOV
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
	EAC3	MP4
		AAC
		MP4
		MOV
AAC, HEAAC	M4A	
	Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)	
	WAV	
	AVI	
LPCM	Matroska (MKV, MKA)	
	WAV	
	AVI	
IMA-ADPCM MS-ADPM	Matroska (MKV, MKA)	
	MP4	
	FLAC	
FLAC	Matroska (MKV, MKA)	
	Photo	BMP
	15360 X 8640 (Giới hạn độ phân giải tối đa tùy thuộc vào kích thước DRAM)	

## Lưu ý:

- Tất cả các tập tin đa phương tiện được liệt kê bên trên.
- Đầu ra Dolby từ các tập video không được hỗ trợ.

## Hình ảnh

Loại hình ảnh (tên mở rộng)	Loại phụ	Điểm ảnh tối đa
Jpeg/Jpg	Vạch ranh giới	8000 x 8000
	Tăng dần	6000 x 4000
PNG	Không xen kẽ	6000 x 4000
	Xen kẽ	6000 x 4000
BMP		6000 x 4000



# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Doc

Định dạng tài liệu	Phiên bản và định dạng hỗ trợ	Giới hạn số trang/dòng	Giới hạn kích thước
PDF	PDF 1.0 ~ 1.7 trở lên	Tối đa 1500 trang (Một tập tin)	Tối đa 100MB
Word	Tài liệu Kingsoft Writer (*.wps)	Vi máy chiếu WPS không tải các tập tin MS/Word cùng một lúc nên không có giới hạn rõ ràng về số trang và số dòng tập tin.	Tối đa 150MB
	Mẫu Kingsoft Writer (*.wpt)		
	Tài liệu Microsoft Word 97/2000/XP/2003 (*.doc)		
	Mẫu Microsoft Word 97/2000/XP/2003 (*.dot)		
	Tập tin RTF (*.rtf)		
	Tập tin văn bản (*.txt, *.log, *.lrc, *.c, *.cpp, *.h, *.asm, *.s, *.java, *.asp, *.prg, *.bat, *.bas, *.cmd)		
	Tập tin trang web (*.html, *.htm)		
	Tập tin trang web đơn (*.mht, *.mhtml)		
	Tài liệu Microsoft Word 2007/2010 (*.docx)		
	Mẫu Microsoft Word 2007/2010 (*.dotx)		
	Tài liệu hỗ trợ Macro Microsoft Word 2007/2010 (*.docm)		
	Mẫu hỗ trợ Macro Microsoft Word 2007/2010 (*.dotm)		
	Tập tin XML (*.xml)		
	Tài liệu OpenDocument		
Tài liệu Works 6-9 (*.wtf)			
Works 6.0&7.0 (*.wps)			
Excel	Tập tin Kingsoft Spreadsheets (*.et)	Giới hạn giống: tối đa 65.535 Giới hạn cột: tối đa 256 tờ: tối đa 200	Tối đa 30MB
	Mẫu Kingsoft Spreadsheets (*.ett)		
	Tập tin Workbook Microsoft Excel 97/2000/XP/2003 (*.xls)		
	Mẫu Microsoft Excel 97/2000/XP/2003 (*.xlt)		
	Tập tin văn bản (*.csv)		
	Trang web (*.htm, *.html)		
	Tập tin XML (*.xml)		
	Tập tin Microsoft Excel 2007/2010 (*.xlsx, *.xlsm)		
	Mẫu Microsoft Excel 2007/2010 (*.xltx)		
Tập tin Workbook nhị phân Microsoft Excel 2007/2010 (*.xlsb)			
PowerPoint	Tập tin Kingsoft Presentation (*.dps)	Tối đa 1500 trang (Một tập tin)	Tối đa 30MB
	Mẫu Kingsoft Presentation (*.dpt)		
	Chế độ trình diễn Microsoft PowerPoint 97/2000/XP/2003 (*.ppt, *.pps)		
	Mẫu chế độ trình diễn Microsoft PowerPoint 97/2000/XP/2003 (*.pot)		
	Chế độ trình diễn Microsoft PowerPoint 2007/2010 (*.pptx, *.ppsx)		
	Mẫu chế độ trình diễn Microsoft PowerPoint 2007/2010 (*.potx)		

### Lưu ý:

- Việc giải mã có thể mất một ít thời gian đối với các tập tin lớn có nội dung phức tạp.
- Không thể kích hoạt hoặc xem các đối tượng nhúng trong các tập tin.

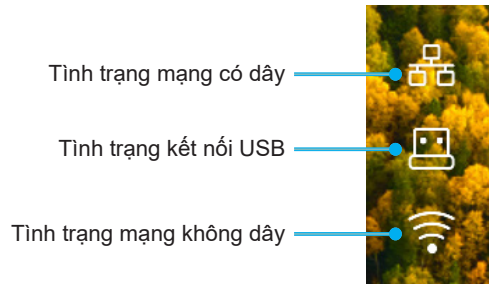
# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

- *Đối với Microsoft Word*
  - Không hỗ trợ cho cài đặt nâng cao, như trình bổ sung bản vẽ hoặc cài đặt phông nền bảng biểu.
  - Nội dung nằm ngoài các viền xác định trong Microsoft Word sẽ không hiển thị.
  - Không hỗ trợ Chữ đậm ở phông chữ tiếng Trung Giản thể
- *Đối với Microsoft PowerPoint*
  - Không hỗ trợ các hiệu ứng bản chiếu.
  - Các bảng tính bảo vệ bằng mật khẩu không được bảo vệ.
  - Ảnh động Powerpoint không hỗ trợ.
- *Đối với Microsoft Excel*
  - Các bảng tính hiển thị riêng lẻ và theo trình tự khi workbook có nhiều bảng tính.
  - Bố cục và đánh số trang có thể được thay đổi trong khi giải mã.

# SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

## Xem thanh trạng thái

Theo mặc định, thanh trạng thái ở màn hình chính có những biểu tượng thể hiện trạng thái kết nối theo mạng có dây, USB và mạng không dây. Bạn có thể chọn bất kỳ biểu tượng nào để mở menu liên quan. Chọn biểu tượng trạng thái có dây hoặc không dây cho phép mở menu cấu hình mạng, trong khi chọn biểu tượng trạng thái USB cho phép mở trình duyệt và hiển thị nội dung của thiết bị USB vừa kết nối.



## Trợ lý Alexa / Google

Máy chiếu này hỗ trợ tính năng điều khiển bằng giọng nói như Trợ lý Alexa / Google.

Người dùng có thể tìm kiếm các từ khóa bằng “Optoma connect & alexa” và “Optoma connect & google assistant” để biết hướng dẫn cài đặt Alexa và Google trên trang web bằng cách nhấp vào đường dẫn sau:

- [App Optoma Connect - Hướng dẫn cài đặt Alexa](#)
- [App Optoma Connect - Hướng dẫn cài đặt Google](#)

# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Độ phân giải tương thích

### Tương thích video

Tín hiệu	Độ phân giải
SDTV	480i/p, 576i/p
HDTV	720p (50/60Hz), 1080i (50/60Hz), 1080p (24/50/60Hz)
UHD	2160p (24/50/60Hz)

Định giờ video chi tiết:

Tín hiệu	Độ phân giải	làm mới tín hiệu (Hz)	Ghi chú
SDTV (480i)	640 x 480	60	Dùng cho Component
SDTV (480p)	640 x 480	60	
SDTV (576i)	720 x 576	50	
SDTV (576p)	720 x 576	50	
HDTV (720p)	1280 x 720	50/60	
HDTV (1080i)	1920 x 1080	50/60	
HDTV (1080p)	1920 x 1080	24/50/60/240	
WQHD(1440p)	2560x1440	120	
UHD (2160p)	3840 x 2160	24/50/60	Cho 4K UHD

### Tương thích với máy tính

Tiêu chuẩn VESA (Tín hiệu máy tính (tương thích RGB Analog)):

Tín hiệu	Độ phân giải	làm mới tín hiệu (Hz)	Các ghi chú cho máy Mac
SVGA	800 x 600	56/60/72	Mac 60/72
XGA	1024 x 768	60/70/75	Mac 60/70/75
HDTV(720p)	1280 x 720	50/60	Mac 60
WXGA	1280 x 768	60/75	Mac 60/75
WXGA	1280 x 800	60	Mac 60
WXGA	1366 x 768	60	Mac 60
WXGA+	1440 x 900	60	Mac 60
SXGA	1280 x 1024	60/75	Mac 60/75
UXGA	1600 x 1200	60	
HDTV(1080p)	1920 x 1080	24/50/60	Mac 60
WUXGA	1920 x 1200 (*)	60	Mac 60

**Lưu ý:** (\*) 1920 x 1200 @60Hz chỉ hỗ trợ RB (giảm mắt tín hiệu).

# THÔNG TIN BỔ SUNG

Bảng định giờ cho PC:

Tín hiệu	Độ phân giải	Tần số ngang	Tốc độ cập nhật			
		(KHz)	(Hz)	Video	Kỹ thuật số	Ghi chú
SVGA	800 x 600	35,2	56,3	Không có	√	56Hz
SVGA	800 x 600	37,9	60,3	Không có	√	60Hz
SVGA	800 x 600	46,9	75	Không có	√	Không có
SVGA	800 x 600	48,1	72,2	Không có	√	72Hz
SVGA	800 x 600	53,7	85,1	Không có	√	85Hz
SVGA	832 x 624		75	Không có	√	Không có
XGA	1024 x 768	48,4	60	Không có	√	Không có
XGA	1024 x 768	56,5	70,1	Không có	√	70Hz
XGA	1024 x 768	60	75	Không có	√	Không có
XGA	1024 x 768	68,7	85	Không có	√	Không có
XGA	1024 x 768		120	Không có	Không có	Không có
SXGA	1152 x 864		75	Không có	√	Không có
HD720	1280 x 720		50	Không có	√	Không có
HD720	1280 x 720		60	Không có	√	Không có
HD720	1280 x 720	92,62	120	Không có	Không có	Không có
WXGA	1280 x 768	47,4	60	Không có	√	Không có
WXGA	1280 x 768		75	Không có	√	Không có
WXGA	1280 x 768		85	Không có	√	Không có
WXGA-800	1280 x 800		60	Không có	√	Không có
SXGA	1280 x 1024	64	60	Không có	√	Không có
SXGA	1280 x 1024	80	75	Không có	√	Không có
SXGA	1280 x 1024	91,1	85	Không có	√	Không có
SXGA+	1400 x 1050		60	Không có	Không có	Không có
UXGA	1600 x 1200	75	60	Không có	√	Không có
HD1080	1920 x 1080		24	Không có	√	Không có
HD1080	1920 x 1080		50	Không có	√	Không có
HD1080	1920 x 1080		60	Không có	√	Không có
WUXGA	1920 x 1200		60	Không có	√	RB
HDTV	1920 x 1080i		50	√	√	Không có
HDTV	1920 x 1080i		60	√	√	Không có
HDTV	1920 x 1080p		24	√	√	Không có
HDTV	1920 x 1080p		50	√	√	Không có
HDTV	1920 x 1080p		60	√	√	Không có
HDTV	1280 x 720	45	60	√	Không có	Không có
HDTV	1280 x 720p		50	√	√	Không có
HDTV	1280 x 720p		60	√	√	Không có
SDTV	720 x 576	31,3	50	√	Không có	Không có
SDTV	720 x 576i		50	Không có	√	Không có
SDTV	720 x 576p		50	Không có	√	Không có
SDTV	720 x 480	31,5	60	√	Không có	Không có
SDTV	720 x 480i		60	Không có	√	Không có
SDTV	720 x 480p		60	Không có	√	Không có

**Lưu ý:** “√” nghĩa là độ phân giải được hỗ trợ, “Không có” nghĩa là độ phân giải không được hỗ trợ.

# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Khả năng tương thích máy tính cho MAC

Độ phân giải	Hz	Tương thích với Macbook	Khả năng tương thích của Macbook Pro (Intel)	Khả năng tương thích Power Mac G5	Khả năng tương thích Power Mac G4
		Kỹ thuật số	Kỹ thuật số	Kỹ thuật số	Kỹ thuật số
800x600	60	√	√	Không có	√
800x600	72	√	√	Không có	√
800x600	75	√	√	Không có	√
800x600	85	√	Không có	Không có	√
1024x768	60	√	√	Không có	√
1024x768	70	√	√	Không có	√
1024x768	75	√	√	Không có	√
1024x768	85	√	√	Không có	√
1280x720	60	√	√	Không có	√
1280x768	60	√	√	Không có	Không có
1280x768	75	Không có	Không có	Không có	√
1280x768	85	Không có	Không có	Không có	Không có
1280x800	60	Không có	Không có	Không có	√
1280x1024	60	√	Không có	Không có	√
1280x1024	75	√	Không có	Không có	√
1920x1080	60	√	Không có	Không có	√
1920x1200 (*)	60	√	Không có	Không có	√
3840 x 2160	60	Không có	Không có	Không có	Không có

### Lưu ý:

- (\*) 1920 x 1200 @ 60Hz chỉ hỗ trợ RB (giảm mất tín hiệu).
- "√" có nghĩa là độ phân giải được hỗ trợ, "N/A" có nghĩa là độ phân giải không được hỗ trợ.

## Tín hiệu đầu vào cho HDMI

Tín hiệu	Độ phân giải	làm mới tín hiệu (Hz)	Các ghi chú cho máy Mac
SVGA	800 x 600	60/72/85/120	Mac 60/72/85
XGA	1024 x 768	60/70/75/85/120	Mac 60/70/75/85
SDTV(480I)	640 x 480	60	
SDTV(480P)	640 x 480	60	
SDTV(576I)	720 x 576	50	
SDTV(576P)	720 x 576	50	
HDTV(720p)	1280 x 720	50/60	Mac 60
WXGA	1280 x 768	60/75/85	Mac 75
WXGA	1280 x 800	60/120	Mac 60
WXGA(*2)	1366 x 768	60	
WXGA+	1440 x 900	60/120(RB)	Mac 60
SXGA	1280 x 1024	60/75/85	Mac 60/75
SXGA+	1400 x 1050	60/85	
UXGA	1600 x 1200	60/65/70/75/85	
HDTV(1080I)	1920 x X1080	50/60	
HDTV(1080p)	1920 x 1080	24/30/50/60/120/240	Mac 60
WUXGA	1920 x 1200(*1)	60	Mac 60RB
WQHD	2560 x 1440	60RB/120	

# THÔNG TIN BỔ SUNG

Tín hiệu	Độ phân giải	làm mới tín hiệu (Hz)	Các ghi chú cho máy Mac
UHD(2160p)	3840 x 2160	24/30/50/60	Mac 24/30
UHD(2160p)	4096 x 2160	24/30/50/60	Mac 24

## Lưu ý:

- (\*1) 1920 x 1200 @60Hz chỉ hỗ trợ RB (giảm mất tín hiệu).
- (\*2) Định giờ tiêu chuẩn Windows 10.

## Bảng Extended Display Identification Data (EDID)

### Tín hiệu kỹ thuật số (HDMI 2.0)

Độ phân giải thực tín hiệu kỹ thuật số: 3840 x 2160 @ 60Hz

B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B0/Định giờ chuẩn	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
800 x 600 @ 56Hz	1280 x 720 @ 60Hz	3840 x 2160 @ 60Hz (mặc định)	1920 x 1080p @ 120Hz 16:9	2560 x 1440 @ 120Hz
800 x 600 @ 72Hz	1280 x 800 @ 60Hz		720 x 480p @ 60Hz 4:3	1920 x 1080 @ 240Hz
800 x 600 @ 75Hz	1280 x 1024 @ 60Hz		1920 x 1080i @ 60Hz 16: 9	
832 x 624 @ 75Hz	1920 x 1200 @ 60Hz		1920 x 1080i @ 50Hz 16: 9	
1024 x 768 @ 60Hz	800x600 @ 120Hz		1920 x 1080p @ 60Hz 16: 9	
1024 x 768 @ 70Hz	1024x768 @ 120Hz		1920 x 1080p @ 50Hz 16: 9	
1024 x 768 @ 75Hz	1280x800 @ 120Hz		1920 x 1080p @ 24Hz 16: 9	
1280 x 1024 @ 75Hz			3840 x 2160 @ 24Hz 16: 9	
1152 x 870 @ 75Hz			3840 x 2160 @ 25Hz 16: 9	
			3840 x 2160 @ 30Hz 16: 9	
			3840 x 2160 @ 50Hz 16: 9	
			3840 x 2160 @ 60Hz 16: 9	
			4096 x 2160 @ 24Hz	
			4096 x 2160 @ 25Hz	
			4096 x 2160 @ 30Hz	
			4096 x 2160 @ 50Hz	
			4096 x 2160 @ 60Hz	
			720 x 480p @ 60Hz 16: 9	
			1280x720p @ 60Hz 16: 9	
			1280 x 720p @ 50Hz 16: 9	

**Lưu ý:** Hỗ trợ 1920 x 1080 ở tần số 50Hz

# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Định giờ 3D

Cho Blu-ray 3D (HDMI 1.4a):

2D hỗ trợ tốc độ khung hình	Định giờ	Định dạng
Tùy chọn 59/60 Hz:	1920 x 1080p @ 23,98/24Hz	Đóng gói khung (HDMI1/HDMI2)
	1280 x 720p @ 59,94/60Hz	Đóng gói khung (HDMI1/HDMI2)
	1920 x 1080p @ 23,98/24Hz	Trên và dưới (HDMI2/VGA)
	1280 x 720p @ 59,94/60Hz	Trên và dưới (HDMI2/VGA)
	1920 x 1080p @ 23,98/24Hz	Hình bên cạnh hình (HDMI2/VGA)
	1280 x 720p @ 59,94/60Hz	Hình bên cạnh hình (HDMI2/VGA)
Tùy chọn 50 Hz:	1920 x 1080p @ 23,98/24Hz	Đóng gói khung (HDMI1/HDMI2)
	1280 x 720p @ 50Hz	Đóng gói khung (HDMI1/HDMI2)
	1920 x 1080p @ 23,98/24Hz	Trên và dưới (HDMI2/VGA)
	1280 x 720p @ 50Hz	Trên và dưới (HDMI2/VGA)
	1920 x 1080p @ 23,98/24Hz	Hình bên cạnh hình (HDMI2/VGA)
	1280 x 720p @ 50Hz	Hình bên cạnh hình (HDMI2/VGA)

Cho PC:

Nhập liệu	Định giờ	Định dạng
HDMI1	1920 x 1080 @ 120Hz	Khung tuần tự
	1280 x 800 @ 120Hz	Khung tuần tự
	1024 x 768 @ 120Hz	Khung tuần tự
	800 x 600 @ 120Hz	Khung tuần tự
HDMI2	1920 x 1080 @ 60Hz	Khung tuần tự
	1280 x 800 @ 120Hz	Khung tuần tự
	1280 x 720 @ 120Hz	Khung tuần tự
	1024 x 768 @ 120Hz	Khung tuần tự

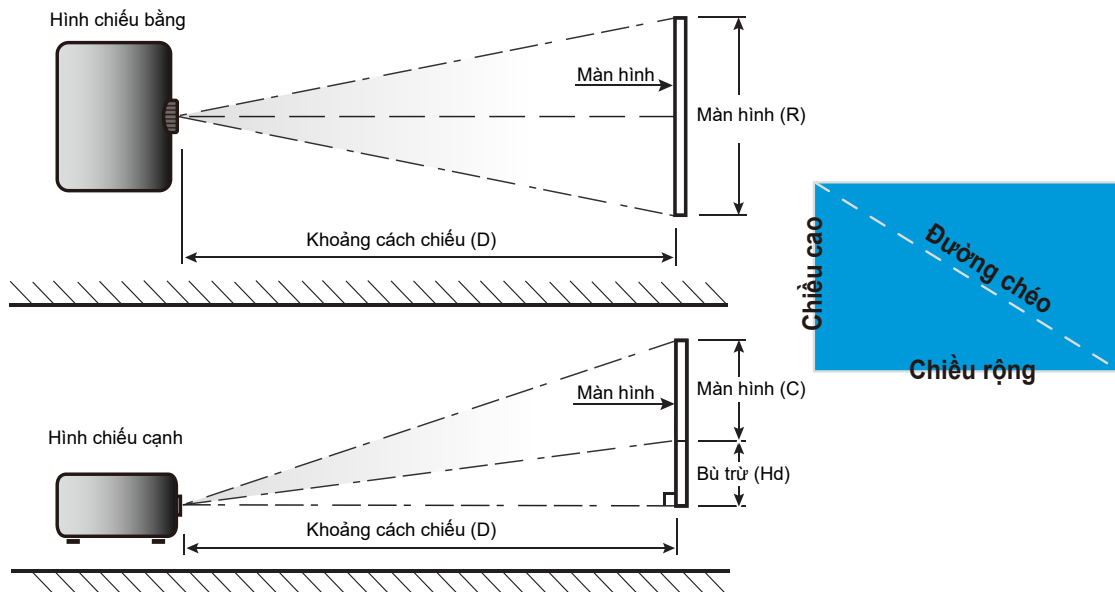


# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Cỡ hình và khoảng cách chiếu

Độ dài đường chéo màn hình (inch) 16:9	Cỡ màn hình Rộng x Cao				Khoảng cách chiếu (D)				Bù trừ (Hd)			
	(m)		(inch)		(m)		(foot)					
	Chiều rộng	Chiều cao	Chiều rộng	Chiều cao	Rộng	Xa	Rộng	Xa	(m) (tối thiểu)	(feet) (tối thiểu)	(m) (tối đa)	(feet) (tối đa)
30	0,66	0,37	26,15	14,71	-	1,06	-	3,46	0,02	0,06	0,06	0,18
40	0,89	0,50	34,86	19,61	1,07	1,41	3,51	4,62	0,02	0,08	0,07	0,25
60	1,33	0,75	52,29	29,42	1,61	2,11	5,27	6,93	0,04	0,12	0,11	0,37
70	1,55	0,87	61,01	34,32	1,88	2,46	6,15	8,08	0,04	0,14	0,13	0,43
80	1,77	1,00	69,73	39,22	2,14	2,82	7,03	9,23	0,05	0,16	0,15	0,49
90	1,99	1,12	78,44	44,12	2,41	3,17	7,91	10,39	0,06	0,18	0,17	0,55
100	2,21	1,25	87,16	49,03	2,68	3,52	8,78	11,54	0,06	0,20	0,19	0,61
120	2,66	1,49	104,59	58,83	3,21	4,22	10,54	13,85	0,07	0,25	0,22	0,74
150	3,32	1,87	130,74	73,54	4,02	5,28	13,18	17,31	0,09	0,31	0,28	0,92
180	3,98	2,24	156,88	88,25	4,82	6,34	15,81	20,78	0,11	0,37	0,34	1,10
200	4,43	2,49	174,32	98,05	5,36	7,04	17,57	23,08	0,12	0,41	0,37	1,23
250	5,53	3,11	217,89	122,57	6,70	8,80	21,96	28,85	-	-	-	-
301	6,65	3,74	262,00	147,37	8,05	-	26,40	-	-	-	-	-

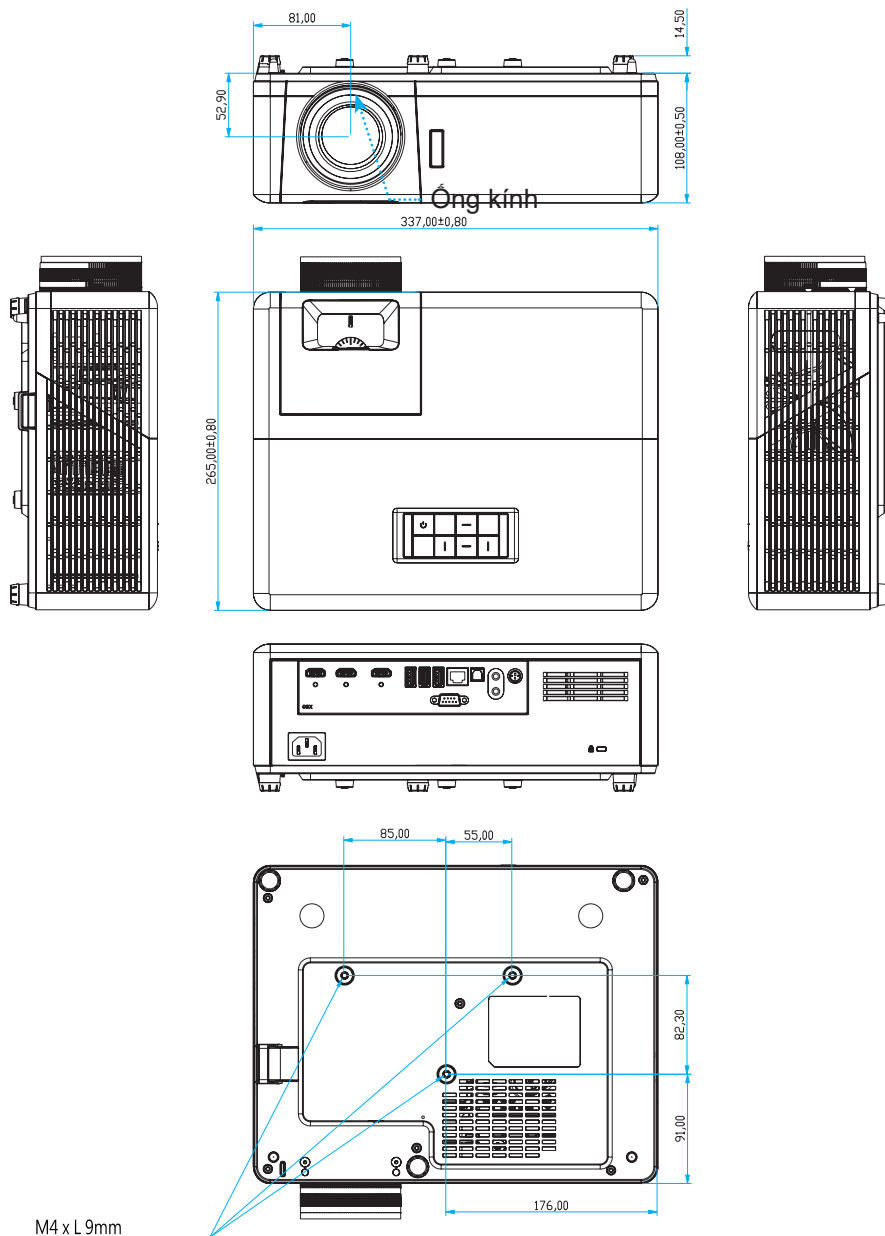
**Lưu ý:** Các giá trị này không chính xác và có thể chênh lệch nhẹ.



# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần

1. Để tránh làm hư hỏng máy chiếu, hãy sử dụng giá treo trần nhà Optoma.
2. Nếu bạn muốn sử dụng bộ giá treo trần từ hãng thứ ba, hãy đảm bảo sử dụng các ốc vít để gắn giá treo vào máy chiếu đáp ứng các thông số kỹ thuật sau:
  - Loại vít: M4 dùng để gắn ba điểm
  - Chiều dài vít tối thiểu: 10mm



Đơn vị: mm

**Lưu ý:** Xin lưu ý rằng thiệt hại do lắp đặt máy chiếu không đúng cách sẽ không hưởng được chính sách bảo hành.



Cảnh báo:

- Nếu bạn mua giá treo trần nhà của công ty khác, hãy nhớ sử dụng đúng cỡ ốc vít. Cỡ ốc vít sẽ thay đổi tùy thuộc vào độ dày của tấm treo.
- Hãy nhớ chừa lại khe hở ít nhất 10 cm giữa trần nhà và đáy của máy chiếu.
- Tránh lắp đặt máy chiếu gần nguồn nhiệt.

# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Mã điều khiển từ xa hồng ngoại



Phím	Số phím	MTX.	Định dạng	Data0	Data1	Data2	Data3	Mô tả	
Bật/tắt nguồn		K12	04	F1	32	CD	71	8E	Xem phần "Bật/tắt nguồn máy chiếu" ở trang 20.
Nguồn		K3	11	F1	32	CD	18	E7	Nhấn  để chọn tín hiệu đầu vào.
Màn hình chính		K13	03	F1	32	CD	92	6D	Nhấn  để trở về màn hình chính.
Menu		K8	17	F1	32	CD	0E	F1	Nhấn  để mở menu hiển thị trên màn hình (OSD). Để thoát menu OSD, nhấn lại .
Quay lại		K4	10	F1	32	CD	86	79	Nhấn  để trở về trang trước.
Lên		K7	18	F2	32	CD	11	EE	Sử dụng     để chọn mục hoặc điều chỉnh lựa chọn của bạn.
Trái		K14	02	F2	32	CD	10	EF	
Phải		K5	09	F2	32	CD	12	ED	
Xuống		K2	19	F2	32	CD	14	EB	
Nhập	Enter	K9	16	F1	32	CD	0F	F0	Xác nhận lựa chọn mục của bạn.
Tắt tiếng		K15	01	F1	32	CD	52	AD	Nhấn  để tắt/bật loa tích hợp tích hợp trên máy chiếu.
Chế độ hiển thị		K10	15	F1	32	CD	91	6E	Nhấn  để hiển thị menu Chế độ hiển thị. Để thoát menu Chế độ hiển thị, nhấn lại .
Menu APP		K6	08	F1	32	CD	25	DA	Nhấn  để mở menu APP.
Âm lượng -	-	K11	12	F2	32	CD	0C	F3	Nhấn - để giảm âm lượng.
Âm lượng +	+	K1	05	F2	32	CD	09	F6	Nhấn + để tăng âm lượng.

# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Khắc phục sự cố

Nếu bạn gặp một sự cố với máy chiếu, vui lòng tham khảo thông tin dưới đây. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc trung tâm dịch vụ địa phương.

## Các sự cố về hình ảnh

- [?]** *Không có hình ảnh trên màn hình*

  - Đảm bảo mọi cáp và kết nối nguồn đều được cắm đúng và chắc chắn như được mô tả trong phần "Cài đặt".
  - Đảm bảo tất cả các chân của đầu nối không bị cong hay gãy.
  - Đảm bảo chưa bật tính năng "Chặn AV".
  
- [?]** *Hình ảnh lệch tiêu điểm*

  - Điều chỉnh vòng chỉnh tiêu điểm trên thấu kính của máy chiếu. Vui lòng xem trang 17.
  - Đảm bảo màn chiếu nằm giữa khoảng cách yêu cầu với máy chiếu. (Vui lòng tham khảo trang 65).
  
- [?]** *Hình ảnh bị kéo giãn khi hiển thị tiêu đề 16:9 DVD*

  - Khi bạn phát DVD tiệm biến hay DVD 16:9, máy chiếu sẽ hiển thị hình ảnh tốt nhất ở định dạng 16:9 ở bên máy chiếu.
  - Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng 4:3, hãy thay đổi định dạng sang 4:3 trong OSD của máy chiếu.
  - Vui lòng thiết lập định dạng hiển thị là loại tỉ lệ màn hình 16:9 (rộng) trên máy phát DVD.
  
- [?]** *Hình ảnh quá nhỏ hoặc quá lớn*

  - Hãy điều chỉnh cần thu phóng nằm bên trên máy chiếu.
  - Đặt máy chiếu gần hoặc xa màn chiếu hơn.
  - Nhấn "Menu" trên bảng điều khiển máy chiếu, truy cập "Display (Hiển thị)-->Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)". Thử dùng các cài đặt khác.
  
- [?]** *Hình ảnh có các mặt nghiêng:*


  - Nếu có thể, chỉnh lại vị trí máy chiếu sao cho nó nằm giữa màn hình và thấp hơn đáy của màn hình.
  
- [?]** *Hình ảnh bị đảo ngược*

  - Chọn "Setup (Cài Đặt)-->Projection (Trình chiếu)" từ menu OSD và điều chỉnh hướng chiếu.
  
- [?]** *Hình ảnh kép, mờ*


  - Đảm bảo "Display Mode (Chế độ hiển thị)" không phải là 3D để tránh hình 2D có vẻ như là hai ảnh bị nhòe.

# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Các sự cố khác

-  *Máy chiếu dừng đáp ứng với mọi điều khiển*
- Nếu có thể, hãy tắt máy chiếu, sau đó rút dây nguồn và chờ ít nhất 20 giây trước khi cắm lại nguồn.

## Các sự cố về bộ điều khiển từ xa

-  *Nếu điều khiển từ xa không hoạt động*
- Kiểm tra xem góc hoạt động của điều khiển từ xa có hướng vào bộ thu hồng ngoại trên máy chiếu một góc  $\pm 15^\circ$  (nằm ngang) và  $\pm 10^\circ$  (nằm dọc) hay không.
  - Đảm bảo không có bất kỳ vật cản nào giữa điều khiển từ xa và máy chiếu. Di chuyển trong phạm vi 7 mét (khoảng 22 foot) tính từ máy chiếu.
  - Đảm bảo pin được lắp đúng cách.
  - Thay pin nếu pin đã cạn.

## Chỉ báo cảnh báo

Khi các đèn cảnh báo (xem bên dưới) sáng lên hoặc nhấp nháy, máy chiếu sẽ tự động tắt:

- Đèn báo LED "Nguồn sáng" sáng đỏ và nếu đèn báo "Bật/Chờ" nhấp nháy màu đỏ.
- Đèn báo LED "NHIỆT ĐỘ" sáng màu đỏ và nếu đèn báo "Bật/Chờ" nhấp nháy màu đỏ. Dấu hiệu này cho biết máy chiếu đã quá nóng. Dưới các điều kiện bình thường, máy chiếu có thể được bật trở lại.
- Đèn báo LED "NHIỆT ĐỘ" nhấp nháy màu đỏ và nếu đèn báo "Bật/Chờ" nhấp nháy màu đỏ.

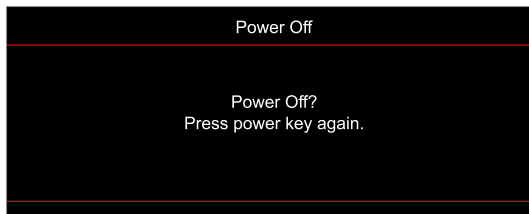
Rút dây nguồn khỏi máy chiếu, đợi 30 giây rồi thử lại. Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy, vui lòng liên hệ với trung tâm bảo hành gần nhất để được trợ giúp.

# THÔNG TIN BỔ SUNG

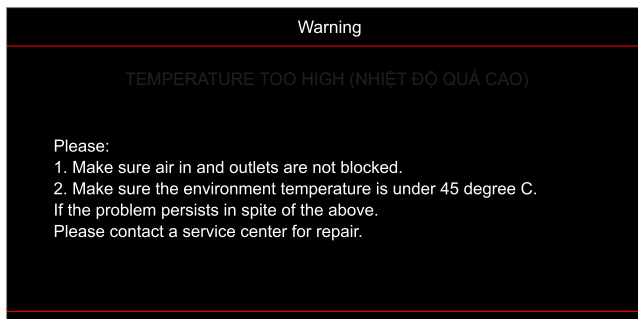
## Thông báo sáng đèn LED

Tin nhắn	Đèn LED Bật/Chờ		Đèn LED nhiệt độ	Nguồn ánh sáng LED
	(Đỏ)	(Lam)	(Đỏ)	(Đỏ)
Trạng thái chờ (Dây nguồn đầu vào)	Sáng ổn định			
Nguồn bật (Làm nóng)		Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây)		
Bật nguồn và chiếu sáng nguồn sáng		Sáng ổn định		
Nguồn tắt (Làm nguội)		Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây). Trở về đèn đỏ ổn định khi quạt làm nguội tắt.		
Lỗi (Lỗi nguồn sáng)	Nhấp nháy			Sáng ổn định
Lỗi (Quạt hỏng)	Nhấp nháy		Nhấp nháy	
Lỗi (Quá nhiệt)	Nhấp nháy		Sáng ổn định	
Trạng thái chờ (Chế độ thử nóng)		Nhấp nháy		
Thử nóng (Làm nóng)		Nhấp nháy		
Thử nóng (Làm nguội)		Nhấp nháy		
Thử nóng (Chiếu sáng nguồn sáng)		Nhấp nháy (3 giây bật/1 giây tắt)		
Thử nóng (Tắt nguồn sáng)		Nhấp nháy (1 giây bật/3 giây tắt)		

- Tắt nguồn:

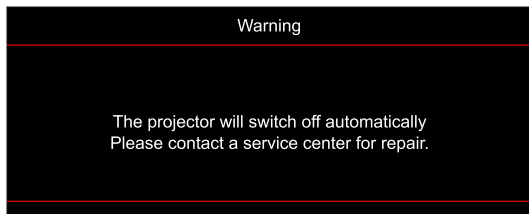


- Cảnh báo nhiệt độ:

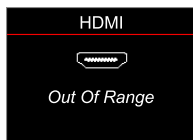


# THÔNG TIN BỔ SUNG

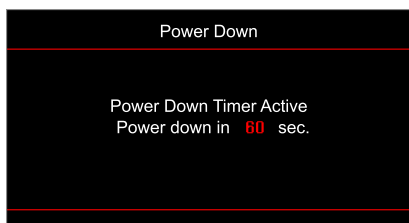
- Quạt hỏng:



- Ngoài phạm vi hiển thị:



- Cảnh báo tắt nguồn:



# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Thông số kỹ thuật

Quang học	Mô tả
Công nghệ	Texas Instrument DMD, 0,47"(kích cỡ)/ 4K UHD HSSI DMD X1, S451 (loại đóng gói), với bộ dẫn động 4-Way XPR
Độ phân giải đầu ra	4K UHD 3840 x 2160 @ 60Hz
Độ phân giải đầu vào tối đa	4096 x 2160 @ 60Hz
Ống kính	<ul style="list-style-type: none"><li>Tỷ lệ lệch tâm chuẩn 1,21~1,59</li><li>F-stop: 1,94~2,23</li><li>Tiêu cự: 12,81~16,74mm</li><li>Khoảng thu phóng: 1,3x</li></ul>
Độ lệch	105%~115%, chỉ theo chiều dọc
Kích cỡ ảnh	34,1" ~ 302,4, được tối ưu rộng 82"
Khoảng cách chiếu	1,2m ~ 8,1m
Cổng I/O	<ul style="list-style-type: none"><li>HDMI V2.0 / HDCP2.2 (x3)</li><li>Đầu cắm USB2.0 (Để nâng cấp FW) USB-A cho PWR 5V 1,5A</li><li>Âm thanh ra 3,5mm</li><li>USB2.0 USB-A cho thiết bị lưu trữ USB và thiết bị kết nối WiFi (x3)</li><li>Đầu cắm được RS-232 (D-sub 9 chân)</li><li>RJ-45 (Hỗ trợ các chức năng IoT, Internet và OTA)</li><li>S/PDIF (Hỗ trợ PCM 2 kênh, Dolby Digital (5.1))</li><li>Đầu cắm 12V (giắc cắm 3,5mm)</li><li>3D Sync</li></ul>
Màu sắc	1073,4 triệu màu
Tốc độ quét	<ul style="list-style-type: none"><li>Tốc độ dò ngang: 31,0~135,0 KHz</li><li>Tốc độ dò dọc: 24~120 Hz</li></ul>
Loa	Có, 8W
Tiêu thụ điện năng	<ul style="list-style-type: none"><li>Chế độ sáng: 100%<ul style="list-style-type: none"><li>240W (thông thường) ± 15% @ 110VAC</li><li>230W (thông thường) ± 15% @ 220VAC</li></ul></li><li>Chế độ tiết kiệm: 80%<ul style="list-style-type: none"><li>185W (thông thường) ± 15% @ 110VAC</li><li>175W (thông thường) ± 15% @ 220VAC</li></ul></li></ul>
Yêu cầu nguồn điện	100 - 240V ±10%, AC 50/60Hz
Dòng điện vào	3,0A
Hướng lắp đặt	Phía trước, phía sau, trần-phía trên, phía sau-phía trên
Kích thước (Rộng x Dày x Cao)	<ul style="list-style-type: none"><li>Không có chân: 337 x 265 x 108 mm (13,26 x 10,43 x 4,25 inch)</li><li>Có chân: 337 x 265 x 119,3 mm (13,26 x 10,43 x 4,69 inch)</li></ul>
Trọng lượng	<5,0 kg (<11,02 lbs)
Môi trường	Hoạt động ở 0~40°C, độ ẩm 80% (không ngưng tụ)

**Lưu ý:** Mọi thông số kỹ thuật chịu sự thay đổi mà không cần thông báo.






# THÔNG TIN BỔ SUNG

## Văn phòng toàn cầu của Optoma

Để được bảo dưỡng hoặc hỗ trợ, vui lòng liên hệ với văn phòng địa phương.




### Hoa Kỳ

47697 Westinghouse Drive,  
Fremont, CA 94539, USA  
[www.optomausa.com](http://www.optomausa.com)

 888-289-6786  
 510-897-8601  
 [services@optoma.com](mailto:services@optoma.com)




### Canada

47697 Westinghouse Drive,  
Fremont, CA 94539, USA  
[www.optomausa.com](http://www.optomausa.com)

 888-289-6786  
 510-897-8601  
 [services@optoma.com](mailto:services@optoma.com)

### Châu Mỹ Latin

47697 Westinghouse Drive,  
Fremont, CA 94539, USA  
[www.optomausa.com](http://www.optomausa.com)

 888-289-6786  
 510-897-8601  
 [services@optoma.com](mailto:services@optoma.com)



### Châu Âu

Unit 1, Network 41, Bourne End Mills,  
Hemel Hempstead, Herts,  
HP1 2UJ, United Kingdom  
[www.optoma.eu](http://www.optoma.eu)  
Điện thoại bảo hành:  
+44 (0)1923 691865

 +44 (0) 1923 691 800  
 +44 (0) 1923 691 888  
 [service@tsc-europe.com](mailto:service@tsc-europe.com)




### Benelux BV

Randstad 22-123  
1316 BW Almere  
The Netherlands  
[www.optoma.nl](http://www.optoma.nl)

 +31 (0) 36 820 0252  
 +31 (0) 36 548 9052



### Pháp

Bâtiment E  
81-83 avenue Edouard Vaillant  
92100 Boulogne Billancourt, France

 +33 1 41 46 12 20  
 +33 1 41 46 94 35  
 [savoptoma@optoma.fr](mailto:savoptoma@optoma.fr)




### Spain

C/ José Hierro,36 Of. 1C  
28522 Rivas VaciaMadrid,  
Spain

 +34 91 499 06 06  
 +34 91 670 08 32




### Đức

Am Nordpark 3  
41069 Mönchengladbach  
Germany

 +49 (0) 2161 68643 0  
 +49 (0) 2161 68643 99  
 [info@optoma.de](mailto:info@optoma.de)

### Scandinavia

Lerpeveien 25  
3040 Drammen  
Norway

 +47 32 98 89 90  
 +47 32 98 89 99  
 [info@optoma.no](mailto:info@optoma.no)

PO.BOX 9515  
3038 Drammen  
Norway

### Hàn Quốc

<https://www.optoma.com/kr/>

### Nhật Bản



<https://www.optoma.com/jp/>

### Đài Loan

<https://www.optoma.com/tw/>

### Trung Quốc

5F, No. 1205, Kaixuan Rd.,  
Changning District  
Shanghai, 200052, China

 +86-21-62947376  
 +86-21-62947375  
[www.optoma.com.cn](http://www.optoma.com.cn)

### Châu Úc

<https://www.optoma.com/au/>

